Tưởng nhớ Bác Hồ vĩ đại

Hải Ngọc **THÁI NHÂN HÒA**
(*Sưu tập và biên soạn*)

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HẢI NGỌC **THÁI NHÂN HÒA**

Quê quán: Quảng Nam

Sinh ngày: 10 -10 -1930

Cán bộ "Tiền khởi nghĩa" (3-1945)

Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng (1949-2014)

Chiến sĩ Thi đua toàn quốc (1960)

Huân chương:

- Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba
- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất
- Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Nhì, Ba
- Huân chương Độc lập hạng Ba

Huy chương, Kỷ niệm chương:

- Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Tư tưởng - Văn hóa
- Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Tuyên giáo
- Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Văn hóa
- Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Dân vận
- Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
- Huy chương Vì sự nghiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật
- Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Sử học
- Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo
- Huy chương Vì sự nghiệp Văn hóa quần chúng
- Huy chương Vì sự nghiệp Tư pháp

TƯỞNG NHỚ BÁC HỒ VĨ ĐẠI

Hải Ngọc THÁI NHÂN HÒA
(Sưu tập và biên soạn)

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm bản thảo
HOÀNG THỊ HƯỜNG

Biên tập : **HOÀNG THỊ HƯỜNG**
Sửa bản in : **HOÀNG HÀ**
Trình bày : **MỘNG LÀNH**
Bìa : **NGỌC KHÔI**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hồ Chí Minh
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 38 225 340 - 38 296 764 - 38 247 225 - Fax: 84.8.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: **www.nxbhcm.com.vn /** Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh ◆ **ĐT: 38 256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh ◆ **ĐT: 39 433 868**

In số lượng 1.000 cuốn. Khổ 14,5 x 20,5 cm.
Tại: Xí nghiệp in FAHASA - 774 Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình, TP. HCM
XNĐKXB số: 1374-2016/CXBIPH/01-90/THTPHCM cấp ngày 10/5/2016
QĐXB số: 1058/QĐ-THTPHCM-2016 ngày 17/8/2016
ISBN: 978 - 604 - 58 - 5209 - 5
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2016.

TƯỞNG NHỚ
BÁC HỒ
VĨ ĐẠI

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Tưởng nhớ Bác Hồ vĩ đại / Hải ngọc Thái Nhân Hòa sưu tập và biên soạn. - T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2016

232 tr. ; 21 cm
ISBN 978-604-58-5209-5

1. Hồ Chí Minh,1890-1969 I. Hải ngọc Thái Nhân Hòa.
1. Ho Chi Minh,1890-1969

959.704092 -- ddc 23
T927

ISBN: 978-604-58-5209-5

Hải Ngọc THÁI NHÂN HÒA
(Sưu tập và biên soạn)

TƯỞNG NHỚ BÁC HỒ VĨ ĐẠI

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lời tự bạch

Thật là may mắn cho tôi khi được đọc tập bản thảo sách *Tưởng nhớ Bác Hồ vĩ đại* của Nhà nghiên cứu Thái Nhân Hòa mà bạn bè thường gọi anh một cách thân mến bằng bút danh Hải Ngọc. May mắn là vì tuổi đời của tôi nay đã qua tuổi 80, nhưng vẫn còn ham muốn nghiên cứu về Bác Hồ, viết về Bác Hồ, kể chuyện Bác Hồ cho con cháu và người thân mình nghe, nay lại gặp được bạn cố tri cho xem một bản thảo mà anh đã hướng về Bác để hành động, để viết và để suy tư.

Mở đầu tập bản thảo, tác giả đã dẫn lại hai tác văn vĩ đại có giá trị xuyên thế kỷ của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người anh hùng dân tộc, nhà văn hóa của nhân loại, nhà chính trị lỗi lạc, nhà thơ khoáng đạt và thanh cao. Đó là hai công trình văn viết đã đi vào lịch sử của dân tộc Việt Nam: *TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP* và *DI CHÚC* của Người.

Tác giả không có ý định nghiên cứu, phân tích hai tác phẩm nói trên, vì rằng không có sự nghiên cứu, phân tích

nào có thể nói hết, nói đủ giá trị khoa học và nhân văn của hai tác phẩm này. Hình như, tác giả có ý định tự rèn luyện mình, đã từng làm theo lời Bác và nay tuổi đã ngoài 80 vẫn tâm nguyện làm theo lời Bác Hồ dạy. Bởi vì, tinh thần thiêng liêng của hai tác phẩm nói trên đã thu hút suốt cuộc đời của tác giả.

Là một nhà trí thức đã từng làm công việc dạy học, giảng viên thông tấn, báo chí, huấn luyện viên tuyên huấn và khảo sát thực địa vùng đất thép Củ Chi khi cuộc chiến còn nóng bỏng cho đến lúc làm công tác hành chính ngồi vào chiếc ghế Tòa Đô chính sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, cho đến khi tư duy viết hàng chục tác phẩm sách đã công bố và đã về hưu từ lâu, tác giả vẫn giữ vững được *"niềm tin và sức mạnh"*.

Xin chúc anh khỏe mãi và chưa phải già để giữ vững bản lĩnh đã sẵn có. Học tập được ở Anh rất nhiều. Xin cảm ơn.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2016
GS. MẠC ĐƯỜNG
Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh

Lời Tác giả

Là một đề tài lịch sử, mang nội dung ca ngợi danh nhân đất nước - ***Tưởng nhớ Bác Hồ vĩ đại***, tôi đã sưu tập và biên soạn thành một sản phẩm "văn hóa đọc", góp phần phục vụ bạn đọc, nhân kỷ niệm 105 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911 - 5/6/2016).

Mở đầu đề tài, xin cho phép tôi trân trọng giới thiệu hai áng văn kiệt tác: *Tuyên ngôn Độc lập* và *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới!

Về *Tuyên ngôn Độc lập,* Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba Đình lịch sử ngày 2/9/1945, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Như đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã viết*: "Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện bất hủ, sản phẩm của một tư tưởng, một trí tuệ, một tâm hồn, một nhân cách lớn của đất nước ta, dân tộc ta, danh nhân văn hóa thế giới kết tinh tất cả những tư*

tưởng vĩ đại về độc lập, tự do cho dân tộc, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân, quyền bình đẳng, quyền tự do của con người. Tư tưởng của Tuyên ngôn rất phong phú, nhiều mặt Bác đã nói lên quyết tâm đấu tranh giành và giữ cho được độc lập, tự do của Tổ quốc, phấn đấu làm hết sức mình mang lại quyền lợi, tự do, hạnh phúc cho nhân dân"[1].

Về *Di chúc* của Người, nói lên hoài bão thiết tha, sâu lắng nghĩa tình của Người đối với Đảng, với dân trước lúc ra đi! Nói về Đảng, Người chỉ rõ: *"Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình".*

Kế đó là những sự tích vẻ vang về Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời: *Hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành*; *Hồ Chí Minh - Chủ tịch Chính phủ lâm thời đầu tiên Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác xây dựng Đảng; Tư tưởng Hồ Chí Minh với sử học*, v.v…

Sau đó là phần bổ sung có bài: Nhà nho yêu nước Huỳnh Thúc Kháng - người có quá trình làm Viện

1 Báo *Sài Gòn giải phóng,* số ra ngày 4/9/2015, Nhân Kỷ niệm 70 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9. Chiều ngày 3/9/215, Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng đã đến dâng hương tưởng niệm trước bàn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, thăm nơi ở và làm việc của Người tại Nhà 67 Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh, tại Phủ Chủ tịch. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng đã viết, có đoạn như trên.

trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ (1926 - 1928) và là Chủ bút báo *Tiếng Dân* - Tờ báo quốc ngữ đầu tiên ở Trung Kỳ (1927 - 1943). Cụ Huỳnh được Cụ Hồ, Chủ tịch nước điện mời ra Hà Nội tham gia Chính phủ lâm thời làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, rồi Quyền Chủ tịch nước; với bài *Đền Hùng*, nơi Bác Hồ về thăm. Tọa lạc trên đất Phong Châu, núi Nghĩa Lĩnh - tỉnh Phú Thọ, Đền Hùng nơi thờ các Vua Hùng. Bác Hồ về thăm Đền Hùng và nói chuyện với Đại đoàn quân Tiên phong. Người để lại câu nói thắm đượm đạo lý nhân nghĩa, lẽ sống thủy chung của dân tộc: "*Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước!*".

Sau cùng, tác giả nêu lên một số chiến công rực rỡ, chiến thắng vẻ vang của quân dân ta trên chiến trường miền Nam, và hai bài nghị luận: *Sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến toàn thắng, Công cuộc đổi mới giành thắng lợi mới,* nhằm thực hiện lời kêu gọi kháng chiến cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vừa góp phần minh họa cho câu nói sáng ngời chân lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "***Không có gì quý hơn độc lập, tự do!***".

Tưởng nhớ Bác Hồ vĩ đại của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đều xuất phát từ hiện thực xã hội nước nhà đầy tươi sáng, trong đó có những sự tích vẻ vang nêu trên. *Niềm tin và sức mạnh* của tôi cũng bắt nguồn từ đó, đã động viên tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ của người đảng

viên hưu trí, vừa làm tròn bổn phận của một cán bộ "Tiền khởi nghĩa", xứng đáng là người con trung hiếu của quê hương đất Quảng tại Thành phố Hồ Chí Minh vinh quang!

Tác giả xin trân trọng giới thiệu bạn đọc: ***Tưởng nhớ Bác Hồ vĩ đại!***

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2016

Tác giả

***Hải Ngọc* Thái Nhân Hòa**

…Hôm nay, Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 70 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong niềm tự hào và xúc động thiêng liêng, chúng ta thành kính tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới. Người đã cống hiến cả cuộc đời cho dân, cho nước, dắt dẫn Đảng ta, nhân dân ta làm nên những thắng lợi vẻ vang, làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông đất nước ta. Tư tưởng và sự nghiệp của Người là tài sản vô giá, ngọn đuốc soi đường cho dân tộc ta vững bước đi tới tương lai!"

TRƯƠNG TẤN SANG

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

(Diễn văn tại Lễ kỷ niệm 70 năm
Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9)[1]

1 "*Cả dân tộc đoàn kết - vững bước đi tới tương lai!*" - Báo *Sài Gòn giải phóng,* ngày 3/9/2015.

Trân trọng giới thiệu

Hai áng văn kiệt tác:
Tuyên ngôn Độc lập và ***Di chúc Hồ Chí Minh***
của Chủ tịch Hồ Chí Minh

HỒ CHÍ MINH
(1890 - 1969)

NGƯỜI SỐNG MÃI
TRONG SỰ NGHIỆP CỦA CHÚNG TA!

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP(*)

Hỡi đồng bào cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời nói bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

---

* Trích *Hồ Chí Minh Toàn tập,* tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 555.

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày mồng 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa.

Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với nước Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, Vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ Lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH(*)

Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam - Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng; thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

---

1 Trong lễ tang của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đọc lời điếu và công bố Di chúc của Người - Trích: *Hồ Chí Minh Toàn tập,* tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 507..

Kế theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

***

Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc đời nhà Đường, có câu rằng "Nhân sinh thất thập cổ lai hy", nghĩa là "người thọ 70, xưa nay hiếm".

Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người "xưa nay hiếm" nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các

chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân.

ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hằng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

NHÂN DÂN LAO ĐỘNG ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

VỀ PHONG TRÀO CỘNG SẢN THẾ GIỚI - Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại.

****

VỀ VIỆC RIÊNG - Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

****

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế.

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 1969
HỒ CHÍ MINH

NHỮNG SỰ TÍCH VẺ VANG NHỮNG TẤM GƯƠNG NGỜI SÁNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH LÚC SINH THỜI

HÀNH TRÌNH "TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC" CỦA NGUYỄN TẤT THÀNH VỚI HIỆN THỰC SINH ĐỘNG, MANG Ý NGHĨA THỰC TIỄN SÂU SẮC(*)

Ngày 5/6/1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã rời bến Sài Gòn xuống tàu Amiral Latouche Tréville sang Pháp. Sau một tháng

1 Nhân Hội thảo "Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước", Kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911 - 5/6/2011), do Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chánh Quốc gia Hồ Chí Minh và Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch phối hợp tổ chức, tại Hội trường Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31/5/2011.

lênh đênh trên biển khơi, ngày 15/7/1911 đến Le Harve, cảng chính ở miền Bắc nước Pháp, mở đầu cuộc hành trình ngót 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước (1911 - 1941), nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước.

Trên suốt chặng đường dài qua nhiều châu lục, Nguyễn Tất Thành đã trở lại nước Pháp trong lúc thế giới đang trải qua những chuyển biến cực kỳ to lớn, chấn động địa cầu. Nổi bật là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng mười Nga thành công ngày 7/11/1917, làm thức tỉnh lương tri nhân loại bị áp bức, thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc vùng lên đấu tranh giành độc lập, tự do và bình đẳng xã hội.

Năm 1918, sau những tháng ngày tìm hiểu tình hình đời sống lao động Pháp và tiếp xúc một số hoạt động xã hội ở Pháp, Người đã gia nhập Đảng Cộng sản Pháp. Tháng 6/1919, Người đã đến Hội nghị Versailles, bảo vệ yêu sách đòi Pháp công nhận quyền bình đẳng và tự do dân tộc của Việt Nam.

Đặc biệt tháng 7/1920, sau khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Người nói: *"Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là cái giải phóng chúng ta"*. Từ đó, Người nhận ra *đâu nẻo đất phương trời mà đi*, tìm đến chân lý: *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào*

khác con đường cách mạng vô sản"[1]. Người khẳng định: *"Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"*[2].

Cuối năm 1920, Nguyễn Ái Quốc là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và hoạt động ở Pháp đến tháng 6/1923 mới rời Paris qua Liên Xô học tập và hoạt động ở đó.

Từ năm 1922 - 1924, Người là Chủ bút tờ *Người cùng khổ* được lưu hành tại Pháp. Tháng 7/1923, Người đã có mặt tại Liên Xô, nhưng không được gặp Lênin đang ốm nặng và sau đó Người qua đời (21/1/1924). Từ Mátxcơva, ngày 27/1/1924, Người đã thông báo cho nhân dân ta trong một văn kiện quan trọng: *"Nước Nga thực là dân chủ, một nền dân chủ trên thiên đàng này"*[3]. Với Lênin, Nguyễn Ái Quốc rất ngưỡng mộ và tôn kính Người: *"Lênin là người dũng cảm nhất. Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội"*[4]. Tại đây, từ ngày 17/6 đến 8/7/1924, Người tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản

1 *Hồ Chí Minh toàn tập,* tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. IX.
2 *Hồ Chí Minh toàn tập,* tập 10, Sđd, tr. 128.
3 *Hồ Chí Minh toàn tập,* tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 176, tr. 193.
4 *Hồ Chí Minh toàn tập,* tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 237.

lần thứ V tại Mátxcơva, do Chủ tịch Đoàn Quốc tế Cộng sản mời. Trong thời gian này, Chủ tịch Đoàn Quốc tế Cộng sản chấp thuận bổ sung Nguyễn Ái Quốc vào Ban Phương Đông. Quyết định của Quốc tế Cộng sản ghi rõ: *"Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản, đại diện toàn quyền của Quốc tế Cộng sản tại Viễn Đông"*[1].

Ngày 11/11/1924, Người rời Liên Xô đến Quảng Châu - Trung Quốc. Đầu năm 1925, Người mở lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên Việt nam cử sang học. Tháng 6/1925, Người sáng lập *Việt Nam thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội*. Cuối năm 1925, tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Người được xuất bản ở Paris.

Đến tháng 5/1927, Người đi Hương cảng, rồi đi Thượng Hải và sau đó Người đáp tàu đi Vladivostok - Liên xô. Thời gian này, Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Đông Á cho xuất bản *Đường Kách mệnh* của Người, nhằm truyền bá kiến thức vận động cách mạng trong quần chúng nhân dân yêu nước lúc bấy giờ.

Ngày 25/4/1928, Người từ Liên xô đến Đức, qua Thụy Sĩ, sang Italia, rồi đáp tàu Nhật Bản đến Thái Lan vào tháng 7/1928, Người sống và hoạt động ở Sacon - Thái Lan, nơi có đông Việt kiều đang sinh sống. Ngày

1 Dương Trung Quốc - Đào Hùng (Chủ biên), *Hồ Chí Minh - Hiện thân của văn hóa hòa bình*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn - Tạp chí *Xưa và Nay,* Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 28.

23/12/1929, Người từ Thái Lan đến Trung Quốc, tiếp tục nhiệm vụ cao cả của mình.

Đầu năm 1930, mở ra một thời kỳ mới, thời kỳ cách mạng Việt Nam có Đảng lãnh đạo. Đó là *Đảng Cộng sản Việt Nam* ra đời ngày 3/2/1930, tại Hương Cảng, trên cơ sở hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam với C*hính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt*, do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, nhằm giải phóng dân tộc, thực hiện độc lập dân tộc và tự do dân chủ cho nhân dân, thoát khỏi ách thống trị của thực dân, đế quốc.

Với hoài bão tốt đẹp và ý thức trách nhiệm cao cả của mình, Người đã móc nối với Đảng Cộng sản Trung Quốc để hoạt động và quyết định trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng ở nước nhà. Ngày 28/1/1941, Người đã về đến Cao Bằng. Người đã hôn nắm đất thiêng liêng của Tổ quốc sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước.

Cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Người đã tạo ra tiền đề tươi sáng, đánh dấu bước ngoặt lớn, đưa đến những thắng lợi mới, mang ý nghĩa lịch sử và thời đại của cách mạng nước ta. Đó là thắng lợi của ***Cách mạng tháng Tám năm 1945*** và việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, nhà nước của dân, do dân và vì dân trong lịch sử nước ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, trong đó sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là ***Chiến thắng Điện Biên Phủ (5/1954)***, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, xây dựng hậu phương lớn xã hội chủ nghĩa, làm hậu thuẫn cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Từ thắng lợi vẻ vang đó, tiếp đến thắng lợi rực rỡ, thắng lợi huy hoàng của dân tộc ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước với ***Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - Đại thắng mùa Xuân lịch sử 1975***, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Với thắng lợi mới, ***thắng lợi của sự nghiệp đổi mới trong 25 năm qua*** (1986 - 2011), đã mở ra thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế, bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Điểm qua quá trình lịch sử, ngót 100 năm qua (1911 - 2011), với hành trình tìm đường cứu nước của Người vừa tròn 30 năm (1911 - 1941), hiện thực xã hội đã nói lên tất cả, mang nhiều ý nghĩa thực tiễn phong phú, sâu sắc.

1. Với hành trình *tìm đường cứu nước* của mình, Người đã bôn ba khắp chốn, trải qua biết bao gian nan thử

thách, kể cả vào tù ra khám để thực hiện hoài bão cao đẹp của mình và cũng là ước nguyện của toàn dân tộc. Người luôn giữ vững niềm tin, nêu cao bản lĩnh cách mạng kiên cường, để lại một điểm son rực rỡ, mở đầu trang sử mới, đưa dân tộc ta, đất nước ta vững bước tiến lên giành lại chủ quyền dân tộc, mang lại hạnh phúc cho nhân dân. Sự kiện vẻ vang đó đưa đất nước ta, dân tộc ta, bước lên đài vinh quang, sánh vai cùng cường quốc trên thế giới.

2. Với thắng lợi to lớn nói trên mà nhân dân ta đã giành được, dân tộc ta đã và đang thực hiện chân lý của Người *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do!"*. Chân lý ấy đã trở thành nguồn động viên cổ võ nhân dân ta vượt qua muôn trùng khó khăn thách thức, nhưng rất đỗi vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

3. Đối với Đảng ta, đã trải qua hơn 80 năm xây dựng và trưởng thành (1930 - 2011), luôn giữ vững vai trò lãnh đạo nhờ kiên định lập trường cách mạng, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh, gắn bó mật thiết với nhân dân, trở thành nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, được Đảng ta coi đó là sức mạnh

nội lực của nhân dân ta để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

4. Với Đảng ta, dân tộc ta, lúc sinh thời, Người luôn chăm lo công tác xây dựng Đảng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và tăng cường tình đoàn kết quốc tế thủy chung trong sáng, giữ vững chủ quyền dân tộc. Khi Người đã khuất, đi vào cõi vĩnh hằng, tư tưởng và đạo đức trong sáng của Người còn mãi mãi soi đường cho cách mạng Việt Nam, dắt dẫn dân tộc ta đi lên bến bờ vinh quang của Tổ quốc.

5. Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chí Minh, người Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta. Người là hiện thân của tinh hoa dân tộc kết hợp với lương tri thời đại và phẩm chất con người. Nguồn cổ xúy dân tộc ta đi lên, ngang tầm cao với thời đại mới, *"Xây dựng đất nước ta to đẹp hơn, đàng hoàng hơn",* như ước nguyện của Người.

***

Để thiết thực *Kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước* (5/6/1911 - 5/6/2011), chúng ta càng ý thức sâu sắc "nghĩa Đảng, tình Dân" son sắt, đoàn kết một lòng, ra sức thực hiện trọn vẹn *Di chúc* của Người; Học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh

và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng với quyết tâm cao nỗ lực lớn, đưa Nghị quyết vào cuộc sống, sớm trở thành hiện thực sinh động, mở ra vận hội mới, tiến lên giành thắng lợi mới.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 5/2011

HỒ CHÍ MINH, CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI ĐẦU TIÊN CỦA NƯỚC TA - MỐC SON CHÓI LỌI TRONG LỊCH SỬ ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN TA(*)

Hơn 81 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1930 - 2011), Đảng ta đã trải qua quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, nhân dân ta không ngừng nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, chiến đấu

* Chào mừng Kỷ niệm lần thứ 66 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2011).

anh dũng chống kẻ thù xâm lược, đầy cam go, thử thách nhưng rất đỗi vẻ vang, từng bước đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác - *Cách mạng tháng Tám 1945* thành công, nước *Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* được thành lập (2/9/1945), kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến *Đại thắng mùa Xuân lịch sử 1975*, thống nhất đất nước cùng cả nước *xây dựng chủ nghĩa xã hội* với công cuộc *đổi mới,* giành thắng lợi mới đầy tươi sáng như ngày nay.

Ngay từ chặng đường đầu cách mạng, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ đã làm nên những *cao trào cách mạng* tấn công địch rộng - mạnh, báo hiện nguy cơ suy vong của chế độ xã hội đương thời là tất yếu.

Từ *cao trào cách mạng 1930 - 1931*, đỉnh cao là *Xô Viết Nghệ Tĩnh* đến *cao trào dân chủ 1936 - 1939* của Đảng và nhân dân cách mạng giành chính quyền và chuẩn bị Tổng khởi nghĩa là tiền đề thuận lợi cho một c*ao trào cách mạng 1939 - 1945* sẽ diễn ra, trong đó có *khởi nghĩa Bắc Sơn - Lạng Sơn* (27/9/1940), cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân cả nước, dẫn đến *khởi nghĩa Nam Kỳ* (23/11/1940) và tiếp đến là cuộc *binh biến Đô Lương - Nghệ An* (13/1/1941), đẩy mạnh sự nghiệp giải phóng dân tộc tiến lên giành thắng lợi mới.

Ngày 28/1/1941, Bác Hồ sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước (1911 - 1941) Người đã về đến Cao Bằng để trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng tại nước nhà.

Đến tháng 5/1941 sau khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ (1939 - 1945), Hồ Chủ tịch triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 8 và nhận định các cuộc khởi nghĩa nêu trên *"là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu tranh đấu bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương"*[1]. Hội nghị đã nêu cao ngọn cờ độc lập dân tộc, đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Việt Minh để đánh Pháp, đuổi Nhật, đánh dấu sự chuyển biến về đường lối của Đảng ta trong tình hình mới. Hội nghị xác định: "*Sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần tân dân chủ. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng một giai cấp nào mà của chung của toàn thể dân tộc*"... *"Sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, Nhật sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lấy lá cờ đỏ ngôi sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc. Chính phủ ấy do quốc dân đại hội cử ra*"[2].

---

1 Tham khảo *Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* của Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2001, tr. 95.

2 *Văn kiện Đảng toàn tập,* tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1977, tr. 443.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên tuyền Giải phóng quân được thành lập tại Võ Nhai - Cao Bằng, do đồng chí Võ Nguyên Giáp lãnh đạo.

Đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp. Cũng là ngày Hội nghị Thường vụ mở rộng tại Đình Bảng - Bắc Ninh, do đồng chí Trường Chinh chủ trì. Hội nghị đã nhận định: "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta!*" và sang ngày 12/3/1945, Trung ương Đảng ra chỉ thị nêu rõ nội dung và ý nghĩa chính trị về nhận định trên.

Điểm qua mấy nét lớn về quá trình diễn biến nêu trên, nói lên sự lãnh đạo của Bác Hồ và Trung ương Đảng là vô cùng sáng suốt, linh hoạt, sáng tạo, tranh thủ mọi thời cơ, lợi dụng mâu thuẫn địch đánh địch, nêu cao ngọn cờ độc lập dân tộc kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và phong kiến, nhằm đánh đổ chính quyền cũ, giành chính quyền về tay nhân dân.

Từ đó, một loạt vấn đề cấp bách được đặt ra về lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng trước tình hình và nhiệm vụ mới.

Đầu tháng 5/1945, Hồ Chí Minh từ Cao Bằng về Tuyên Quang, chọn Tân Trào làm căn cứ để chỉ đạo cách mạng cả nước và chuẩn bị Đại hội Quốc dân. Theo Chỉ thị của Người đến tháng 6/1945 Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập.

Từ ngày 13/8 đến 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào - Tuyên Quang. Hội nghị nhận định điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi, Đảng chủ trương lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng Minh kéo vào Đông Dương. Hội nghị cử ra Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do đồng chí Trường Chinh phụ trách. Đêm 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh tổng khởi nghĩa.

Giữa tháng 8/1945, Chính phủ Nhật Bản đầu hàng quân Đồng Minh. Quân đội Nhật Bản ở Đông Dương bị tê liệt. Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Quân Đồng Minh sắp kéo vào Đông Dương. Thực dân Pháp ráo riết tìm cách quay lại Đông Dương.

Chiều ngày 16/8/1945, cũng tại Tân Trào, Đại hội quốc dân họp nhiệt liệt tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng và quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ngày 19/8/1945, Hà Nội giành chính quyền từ tay Nhật - Pháp. Ngày 23/8/1945, nhân dân Thừa Thiên - Huế nổi dậy chiếm cứ các công sở của triều đình Huế, buộc Bảo Đại đầu hàng, thoái vị. Ngày 24/8/1945, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn giành được chính quyền, v.v…

Chỉ trong vòng nửa tháng, cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám đã thành công trong cả nước, chính quyền cách mạng về tay nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá ý nghĩa

của Cách mạng tháng Tám 1945, có đoạn: *"Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"*[1].

Ngày 25/8/1945, Ủy ban dân tộc giải phóng về đến Hà Nội. Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban dân tộc giải phóng do Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào bầu ra, được mở rộng thành phần *Chính phủ lâm thời*. Chiều ngày 2/9/1945, tại Bắc Bộ Phủ, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được ra mắt, gồm các bộ và thành viên như sau:

Chủ tịch kiêm Bộ trưởng Ngoại giao: Hồ Chí Minh

Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Võ Nguyên Giáp

Bộ trưởng Bộ Thông tin, Tuyên truyền: Trần Huy Liệu

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Chu Văn Tấn

Bộ trưởng Bộ Thanh niên: Dương Đức Hiền

Bộ trưởng Bộ Kinh tế quốc gia: Nguyễn Mạnh Hà

Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội: Nguyễn Văn Tố

Bộ trưởng Bộ Tư pháp: Vũ Trọng Khánh

Bộ trưởng Bộ Giao thông công chính: Đào Trọng Kim

Bộ trưởng Bộ Lao động: Lê Văn Hiến

1 *Hồ Chí Minh toàn tập,* tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 125.

Bộ trưởng Bộ Y tế: Phạm Ngọc Thạch

Bộ trưởng Bộ Tài Chính: Phạm Văn Đồng

Bộ trưởng Bộ Quốc gia giáo dục: Vũ Đình Hòe

Bộ trưởng không bộ: Cù Huy Cận

Bộ trưởng không bộ: Nguyễn Văn Xuân[1].

Ngày 2/9/1945, trong cuộc mít tinh lớn tại vườn hoa Ba Đình lịch sử, trước hàng vạn nhân dân Hà Nội và các tỉnh lân cận về dự, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, tuyên bố trước nhân dân ta và nhân dân thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và khẳng định quyết tâm sắt đá: *"Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"*[2]. Kể từ đó nước ta và nhân dân ta được hưởng quyền tự do độc lập, đánh dấu một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập tự do của nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ vô vàn tôn kính.

Xin nói thêm, khi quân đội Tưởng Giới Thạch đại diện quân Đồng Minh vào Việt Nam tước khí giới quân đội Nhật, thực hiện sách lược khôn khéo của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta đã cho phép bọn tay sai

1 *Hồ Chí Minh: Hiện thân của văn hóa hòa Bình,* Nxb. Văn hóa Sài Gòn - Tạp chí *Xưa & Nay,* tại Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr .51.

2 *Hồ Chí Minh toàn tập,* tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 557.

của Tưởng tham gia Chính phủ lâm thời. Ngày 1/1/1946, Chính phủ lâm thời đã cải tổ thành Chính phủ Liên hiệp lâm thời gồm các bộ và thành viên sau:

Chủ tịch Chính phủ kiêm Bộ trưởng Ngoại giao: Hồ Chí Minh

Phó Chủ tịch: Nguyễn Hải Thần

Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Võ Nguyên Giáp

Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền và Cổ động: Trần Huy Liệu

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Chu Văn Tấn

Bộ trưởng Bộ Thanh niên: Dương Đức Hiền

Bộ trưởng Bộ Quốc dân Kinh tế: Nguyễn Tường Long

Bộ trưởng Bộ Cứu tế Xã hội: Nguyễn Văn Tố

Bộ trưởng Bộ Tư pháp: Vũ Trọng Khánh

Bộ trưởng Bộ Y tế: Trương Đình Tri

Bộ trưởng Bộ Giao thông Công chính: Đào Trọng Kim

Bộ trưởng Bộ Lao động: Lê Văn Hiến

Bộ trưởng Bộ Tài chính: Phạm Văn Đồng

Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục: Vũ Đình Hòe

Bộ trưởng Bộ Canh nông: Cù Huy Cận

Bộ trưởng không bộ: Nguyễn Văn Xuân[1].

Xin nói tiếp: trong muôn vàn khó khăn, ngày 6/1/1946, nhân dân cả nước ta lần đầu tiên trong lịch sử được tự do đi bầu đại biểu của mình. Trên cơ sở kết quả của công cuộc tổng tuyển cử đại biểu Quốc hội đó, Chính phủ Liên hiệp kháng chiến được thành lập. Để thực hiện sách lược "tạm hòa với Tưởng", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Quốc hội thêm 70 ghế không bầu cho hai phái thân Tưởng, một số bộ để cho một số thành viên thân Tưởng giữ. Ngày 2/3/1946, Chính phủ Liên hiệp kháng chiến được công bố gồm các bộ và thành viên như sau:

Chủ tịch: Hồ Chí Minh

Phó Chủ tịch: Nguyễn Hải Thần

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao: Nguyễn Tường Tam

Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Huỳnh Thúc Kháng

Bộ trưởng Bộ Kinh tế: Chu Bá Phượng

Bộ trưởng Bộ Tài chính: Lê Văn Hiến

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Phan Anh

Bộ trưởng Bộ Xã hội kiêm Y tế, Cứu tế và Lao động: Trương Đình Tri.

---

1 *Hồ Chí Minh: Hiện thân của Văn hóa Hòa Bình,* Nxb. Văn hóa Sài Gòn - Tạp chí *Xưa & Nay* tại Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 52.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục: Đặng Thai Mai

Bộ trưởng Bộ Tư pháp: Vũ Đình Hòe

Bộ trưởng Bộ Giao thông Công chính: Trần Đăng Khoa

Bộ trưởng Bộ Canh nông: Bồ Xuân Luật

Cố vấn đoàn: Vĩnh Thuỵ

Chủ tịch Kháng chiến Ủy viên hội: Võ Nguyên Giáp

Phó Chủ tịch Kháng chiến Ủy viên hội: Vũ Hồng Khanh"[1].

Đáng chú ý là, trước ngày thành lập Chính phủ mới - Chính phủ lần thứ tư, là "Hiệp định sơ bộ 6/3/1945", trong đó có sự kiện đổi lấy việc rút quân Tưởng Giới Thạch về nước và đến "Tạm ước 14/9/1946", một thỏa ước không muốn con đường đàm phán hòa bình bị tan vỡ. Ngày 3/11/1946 tại kỳ họp thứ hai của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Khóa I, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố thành lập Chính phủ mới - Một chính phủ trong đó không có các phần tử phản cách mạng - Chính phủ mới thay cho Chính phủ Liên hiệp kháng chiến ngày 2/3/1946 tan rã. Chính phủ Liên hiệp Quốc dân ra đời, gồm các bộ và thành viên như sau:

---

1 *Hồ Chí Minh: Hiện thân của Văn hóa Hòa Bình,* Nxb. Văn hóa Sài Gòn - Tạp chí *Xưa & Nay,* tại Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr .53.

Chủ tịch kiêm Thủ tướng: Hồ Chí Minh

Phó Thủ tướng: Phạm Văn Đồng

Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Huỳnh Thúc Kháng

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Võ Nguyên Giáp

Bộ trưởng Bộ Giáo dục: Nguyễn Văn Huyên

Bộ trưởng Bộ Tài chính: Lê Văn Hiến

Bộ trưởng Bộ Kinh tế: Ngô Tấn Nhơn

Bộ trưởng Bộ Giao thông: Trần Đăng Khoa

Bộ trưởng Bộ Y tế: Hoàng Tích Trí

Bộ trưởng Bộ Lao động: Nguyễn Văn Tạo

Bộ trưởng Bộ Tư pháp: Vũ Đình Hòe

Bộ trưởng Bộ Cứu tế: Chu Bá Phượng

Bộ trưởng không bộ: Nguyễn Văn Tố

Bộ trưởng không bộ: Bồ Xuân Luật.

Trong lời Tuyên bố trước Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: *"Chính phủ này tỏ rõ cái tinh thần quốc dân liên hiệp, là một Chính Phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc, để tranh thủ quyền độc lập và thống nhất lãnh thổ cùng xây dựng một nước Việt Nam mới. Chính phủ này là Chính phủ toàn quốc, có đủ nhân tài Trung, Nam, Bắc tham gia"*[1].

1 *Hồ Chí Minh toàn tập,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 159.

Điều đó nói lên, *"Chỉ trong vòng có hơn một năm (2/9/1945 đến 3/11/1946) mà 4 lần thay đổi Chính phủ cũng đủ thấy mức độ phức tạp của tình hình nước ta sau khi Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi. Nhưng nhờ có Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh cầm lái mà con thuyền cách mạng nước ta đã vượt qua những thác ghềnh để đi đến bến bờ hạnh phúc"*[1].

***

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu Chính phủ cách mạng lâm thời, đánh dấu sự mở đầu một thời kỳ mới, thời kỳ nhà nước công nông đầu tiên được thành lập ở Đông Nam Á là điểm son chói lọi trong lịch sử cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta, tiền đề tươi sáng cho sự nghiệp cách mạng nước ta, tiến lên giành thắng lợi mới, to lớn hơn.

TP.HCM, tháng 8/2011

1 *Hồ Chí Minh: Hiện thân của Văn hóa hòa bình,* Nxb. Văn hóa Sài Gòn - Tạp chí *Xưa & Nay,* tại Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 54 - 55.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG(*)

Xây dựng Đảng là bài học sống còn của Đảng

"Xây dựng Đảng" là bài học sống còn của một Đảng cầm quyền, mãi mãi là nhân tố quyết định đưa cách mạng giải phóng dân tộc lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, từng bước giành thắng lợi vẻ vang.

Bác Hồ - người tổ chức và lãnh đạo Đảng ta với sự nghiệp cách mạng rất đỗi vẻ vang của Đảng và dân tộc ta - rất mực quan tâm đến công tác xây dựng Đảng, đã động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đưa sự nghiệp cách mạng nước ta từng bước tiến lên, đánh dấu bằng những sự kiện xây dựng Đảng đáng ghi nhớ:

(*) *Sổ tay Xây dựng Đảng*, Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, tháng 3/2002, tr. 2.

- Năm 1947, tác phẩm ***Sửa đổi lề lối làm việc*** của Bác Hồ ra đời, đã tạo sự chuyển biến về tư tưởng và tác phong cho cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng và toàn quân ta, nêu cao tinh thần kháng chiến cứu nước, chống Pháp xâm lược từ những năm đầu đầy khó khăn gian khổ mà quyết thắng[1].

- Tháng 1/1949, tại Việt Bắc, ***Hội nghị cán bộ lần thứ 6***, Hồ Chủ tịch nói chuyện với cán bộ, Người chỉ rõ: "*Đảng ví như cái máy phát điện, các công việc trên ví như những ngọn đèn, máy mạnh thì đèn sáng. Muốn làm được những việc trên, trước hết phải chỉnh đốn nội bộ Đảng*"[2].

- Năm 1952, cuộc "***Chỉnh đốn Đảng***" mở ra giữa lúc cuộc kháng chiến của quân ta bước vào giai đoạn chuẩn bị "*Tổng phản công*", yêu cầu xây dựng Đảng thật mạnh, thật trong sạch, đảm bảo chiến đấu và chiến thắng giặc Pháp xâm lược[3].

- Năm 1958, cuộc "***Chỉnh Đảng***" lần này nhằm nâng cao sức chiến đấu của Đảng, chống chủ nghĩa cá nhân theo tinh thần tác phẩm *Đạo đức cách mạng* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phục vụ xây dựng hòa bình ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam.

---

1 Tư liệu về *Xây dựng Đảng*, TP. Hồ Chí Minh, tháng 3/1999.
2 Tư liệu về *Xây dựng Đảng*, TP. Hồ Chí Minh, tháng 3/1999.
3 Tư liệu về *Xây dựng Đảng*, TP. Hồ Chí Minh, tháng 3/1999.

- Mùa xuân 1961, "***Chỉnh đốn Đảng***" đã tạo nên một bước chuyển mạnh mẽ về tư tưởng và tổ chức, về ý thức cách mạng và tác phong công tác trong Đảng và nhân dân ta, thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa (1961 - 1965) và ủng hộ miền Nam đấu tranh giải phóng[1].

- Đặc biệt, ngày 10/5/1965, ***Bác Hồ khởi thảo Di chúc*** và Người xem lại lần cuối cùng vào ngày 19/5/1969. Bác Hồ viết *Di chúc* trong bối cảnh lịch sử nước nhà đầy cam go, thử thách ác liệt: Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân dân ta đang đi vào thời kỳ quyết liệt nhất - đế quốc Mỹ ào ạt đưa 50 vạn quân vào miền Nam, chuyển chiến tranh đặc biệt sang chiến tranh cục bộ; đồng thời tiến hành chiến tranh phá hoại. *Di chúc* của Bác Hồ nói lên quyết tâm sắt đá của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta quyết chiến và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Mở đầu *Di chúc,* Người viết: "*Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn*". Người khẳng định: "*Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.*

1 Tư liệu về *Xây dựng Đảng*, TP. Hồ Chí Minh, tháng 3/1999.

Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay"[1].

- Ngày ấy (10/5/1965), Bác đã đề cập vấn đề xây dựng Đảng, với yêu cầu xây dựng Đảng vững mạnh. Người vạch rõ: "*Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết,* tổ *chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác*". Bác Hồ nhấn mạnh: *"Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"*. Người căn dặn: *"Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng"*. Tháng 5/1966, Người bổ sung một câu quan trọng, nhằm làm rõ mục đích của việc tự phê bình và phê bình là "*Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau"*[2].

- Tháng 5/1968, ***Bác Hồ bổ sung vào Di chúc***: "*Việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn*

1 *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*
2 *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi"[1].

- Năm 1989, ***Đảng ta công bố toàn văn bút tích Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh***. *Di chúc* cho thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định niềm tin vào bản lĩnh chính trị của một Đảng cầm quyền đã trải qua thử thách, đồng thời thể hiện mối quan tâm sâu sắc của Người về mối quan hệ trong nội bộ Đảng và mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Người nêu rõ: *"Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân"*[2].

- Những lời căn dặn của Bác Hồ trước lúc đi xa, *"đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác"*, với những lời sâu lắng: *"Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng…"*. Kết thúc *Di chúc,* Bác đã viết: *"Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ*

1 *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*
2 *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"[1].

Di chúc của Bác Hồ với nội dung và ý nghĩa rộng lớn, sâu sắc, có ý nghĩa thực tiễn phong phú, trở thành văn kiện quan trọng của Đảng ta - một di sản vô giá, mãi mãi có sức cổ vũ nhân ta phấn đấu cho sự nghiệp phồn vinh của đất nước và hạnh phúc của nhân dân.

Đảng ta thực hiện lời dạy của Bác

Với Đảng ta, thực hiện *Di chúc* của Bác Hồ nói chung và xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức nói riêng, nhằm nâng cao sức chiến đấu của Đảng được ***Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5, khóa VI*** (6/1988) đã xác định: *"Xây dựng Đảng theo phương hướng Đại hội VI là đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới phong cách lãnh đạo và nâng cao giác ngộ cách mạng, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, kiến thức và năng lực lãnh đạo; mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật trong Đảng"*[2].

- Hơn một năm sau đó, tháng 8/1989, ***Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 7, khóa VI,*** Đảng quyết định một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế. Một trong những vấn đề được nhấn mạnh tại Hội nghị này là việc nâng cao phẩm chất

1 *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*
2 Tạp chí *Lịch sử Đảng,* số 8/1999.

đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, thống nhất ý chí và hành động trong xã hội, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực.

- Tháng 6/1992, ***Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 3, khóa VII***, khi đề cập về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại, củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh quốc gia, Trung ương Đảng đã bàn tiếp về vấn đề *"Đổi mới và chỉnh đốn Đảng"*. Tháng 1/1994, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đã khẳng định *"Đổi mới và chỉnh đốn Đảng"*, trở thành một trong tám mục tiêu chủ yếu của Hội nghị.

Tháng 11/1995, ***Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 9, khóa VII*** đã rút ra một trong sáu bài học chủ yếu của quá trình đổi mới là "*Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt*"[1].

- Nghị quyết ***Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII***, Đảng ta đã đề ra *"Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay"*. Nghị quyết đã nêu lên những thành tựu và những yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, đã nhấn mạnh: *"Toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng thực hiện tự phê bình và phê bình kỷ niệm 30 năm thực hiện* Di chúc *của Chủ tịch Hồ Chí Minh*"[2].

1 Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 8/1999.
2 Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 8/1999.

- Ngày 19/5/1999, tại Hà Nội, kỷ niệm 109 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và 30 năm thực hiện *Di chúc* của Người, đồng chí Lê Khả Phiêu - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng nói: "*Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng lần này thể hiện trách nhiệm và tình cảm của Đảng đối với Bác Hồ, đối với nhân dân. Cuộc vận động ấy liên quan đến vận mệnh của Đảng, của chế độ, hạnh phúc của đồng bào và việc hoàn thành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đổi mới toàn diện và sâu sắc đất nước… chúng ta phải tự xem xét lại mình một cách cặn kẽ đã sống, học tập, rèn luyện, làm việc, chiến đấu như thế nào và phải tiếp tục làm gì để thực hiện Di chúc của Bác*"[1].

- Tháng 11/2001, ***Hội nghị Trung ương Đảng lần 4, Khóa IX***, bàn việc "*Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí*". Hội nghị đề ra 9 giải pháp tiếp tục thực hiện cuộc vận động như sau:

- Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ đảng viên.

---

1 *Sổ tay Xây dựng Đảng,* Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, tháng 3/2002, tr. 6.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp và cơ chế, chính sách.

- Khẩn trương giải quyết, xử lý các vụ việc nổi cộm, bức xúc.

- Kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, công chức.

- Nghiêm cấm việc dùng tiền của Nhà nước, của tập thể biếu, tặng cho cá nhân, tổ chức.

- Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Quy định những điều đảng viên không được làm.

- Xử lý về trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý để xảy ra tiêu cực, tham nhũng…

- Hoàn thiện quy chế dân chủ cơ sở[1].

Tại ***Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh khóa VII*** (12/2000), Ban Chấp hành Đảng bộ khẳng định không ngừng phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, đảng viên toàn Đảng bộ và nhân dân thành phố thực hiện *Di chúc* của Bác Hồ, thực hiện xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt, đưa nền kinh tế - xã hội nước ta tiến bộ không ngừng.

1 *Sổ tay Xây dựng Đảng,* Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, tháng 3/2002, tr. 6.

Lời dạy của Bác, Di chúc của Người đã đi vào lòng người và đời sống xã hội, luôn động viên toàn Đảng và toàn dân ta đi lên, vững bước tiến vào thiên niên kỷ mới, giành nhiều thắng lợi mới!

BÁC HỒ VỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ

Thừa kế tinh hoa, truyền thống của dân tộc, tiếp thu trí tuệ của thời đại mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác - Lênin và phát huy nhân cách - lẽ sống cao quý của mình, tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành trong điều kiện lịch sử xã hội đương thời và phát triển trong quá trình vận động và lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Xây dựng đội ngũ cán bộ là một trong những nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người không ngừng quan tâm chăm sóc đội ngũ cán bộ trong quá trình lãnh đạo cách mạng qua các thời kỳ. Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò và vị trí của đội ngũ cán bộ, Người chỉ rõ: *cán bộ là cái gốc của mọi công việc*"[(2)],

* *Sổ tay Xây dựng Đảng*, Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, tháng 8/2003, tr. 17.

2 *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 269.

"*Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém*"[1]. Hồ Chí Minh khẳng định: "*Cán bộ phải là người tuyệt đối trung thành với Đảng, với sự nghiệp cách mạng, không phải làm cán bộ để* "*thăng quan phát tài*"*, để* "*làm quan cách mạng*"*, mà là để làm* "*đầy tớ thật trung thành của dân*"[2]. Theo Hồ Chí Minh, cán bộ phải vừa có đức vừa có tài, trong đó đức là gốc. Do đó, vấn đề đặt ra là, người cán bộ phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ tổ chức và năng lực quản lý giỏi, triển khai thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước trong mọi tình huống khó khăn, thách thức, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trước Đảng và nhân dân. Trong giai đoạn Đảng cầm quyền, "*Cán bộ phải liên hệ mật thiết với nhân dân. Hồ Chí Minh phê phán nhiều cán bộ cách mạng lên mặt quan cách mạng để đè đầu cưỡi cổ nhân dân, dán trên trán hai chữ cộng sản để lòe dân*"[3].

Trong *Lời kêu gọi nhân kỷ niệm sáu tháng kháng chiến,* Hồ Chí Minh đã khuyên bảo: "*Khuyên các cán bộ chính trị, hành chính và chuyên môn phải cố gắng khắc phục mọi nỗi khó khăn, ra sức sửa chữa các khuyết điểm,*

1 *Hồ Chí Minh toàn tập,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 273.
2 *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 79.
3 *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 80.

gắng làm những người cán bộ kiểu mẫu"[1]. Người còn nêu rõ: "*Đối với đồng sự, phải đoàn kết chặt chẽ, khuyên nhau, giúp nhau. Đối với dân chúng, phải thân cận, phải giúp đỡ họ mọi việc, phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu*"[2].

Đặc biệt, Thư gửi các đồng chí địa phương, cách nay 56 năm về trước (1/3/1947) đến nay vẫn còn mang tính thời sự nóng hổi. Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiều ưu điểm của cán bộ như: "*nhẫn nại, chịu khó, tháo vát, nhiều sáng kiến. Đó là những tính rất quý báu. Nó làm căn bản cho những tính tốt khác phát triển*". Người căn dặn cán bộ cần phải đem căn bản tốt đó mà kiên quyết khắc phục những khuyết điểm, một số chứng bệnh rất nguy hiểm: "*Óc quân phiệt quan liêu. Khi phụ trách ở một vùng nào thì như một* ***ông vua con*** *ở đấy, tha hồ hách dịch, hoạnh họe. Đối với cấp trên thì xem thường, đối với cấp dưới cậy quyền lấn áp. Đối với quần chúng ra vẻ quan cách làm cho quần chúng sợ hãi. Cái đầu óc "****ông tướng****,* ***bà tướng****" ấy đã gây ra bao ác cảm, bao chia rẽ, làm cho cấp trên xa cấp dưới, đoàn thể xa nhân dân*"; "*Ích kỷ, hủ hóa. Có những đồng chí còn giữ óc địa vị, cố tranh cho được* ***Ủy viên*** *này* ***Chủ tịch*** *kia. Có những đồng chí lo ăn ngon mặc đẹp, lo chiếm của công làm*

1 *Hồ Chí Minh tuyển tập 2*, 1945 - 1954, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 155.

2 *Hồ Chí Minh tuyển tập 2*, 1945 - 1954, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.155.

của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn lo việc công. Đạo đức cách mạng thế nào, dư luận chê bai thế nào cũng mặc". "*Có những đồng chí còn giữ thói* "***một người làm quan cả họ được nhờ***"*, đem bà con, bạn hữu đặt vào chức này việc kia, làm được hay không, mặc kệ. Hỏng việc đoàn thể chịu, cốt cho bà con, bạn hữu có địa vị là được*"[1].

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh "*để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng*" trong lời *Di chúc,* Người căn dặn nhiều điều, trong đó có đoạn: "*Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*"[2]. Để giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng, Người chỉ rõ: "*Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng*"[3]. Đây là một nội dung quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng chỉnh đốn Đảng hiện nay.

---

1 "*Thư gửi các đồng chí Bắc Bộ*", Hồ Chí Minh tuyển tập, tập 2, 1945 - 1954, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 111 - 114.

2 *Đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại* - Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Hà Nội, 1969, tr. 13.

3 *Đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại* - Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Hà Nội, 1969, tr. 13.

Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đã nói chuyện tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ngày 15/5/2003, có đoạn: "*Sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã làm thay đổi bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Nhân tố hàng đầu tạo nên thành tựu đó là sự đúng đắn trong đường lối của Đảng, sự phấn đấu bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, trong đó có vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên*". Tại Học viện, đồng chí Tổng Bí thư đã thẳng thắn chỉ ra những hiện tượng: "*Không ít cán bộ, đảng viên, công chức chưa có sự thống nhất giữa lời nói và việc làm. Còn có những cán bộ, đảng viên, công chức nói nhiều làm ít, thậm chí nói một đằng làm một nẻo, nói mà không làm*". Để khắc phục tình trạng này, đồng chí Tổng Bí thư chỉ rõ: "*Một trong những giải pháp lớn của Đảng đã được nêu trong văn kiện Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) là: Toàn Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành kiên quyết thực hiện: nói đi đôi với làm, nói và làm đúng đường lối, chính sách, pháp luật*"[1].

1 Báo *Sài Gòn Giải phóng*, số ra ngày 16/5/2003.

Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và xây dựng đội ngũ cán bộ nói riêng để củng cố và nâng cao nhận thức của mình, liên hệ với thực tiễn bản thân, xây dựng quyết tâm mới, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần phục vụ sự nghiệp đổi mới, tiến lên giành thắng lợi mới.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI SỬ HỌC(*)

Thừa kế truyền thống vẻ vang của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của thời đại mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh không ngừng phát huy bản chất tốt đẹp của mình, cùng với vốn sống, vốn văn hóa nói chung và kiến thức lịch sử nói riêng ngày càng rộng mở, đã giúp cho Hồ Chí Minh có được hành trang tư tưởng, tư duy sử học trên con đường "*tìm đường cứu nước*", giải phóng dân tộc.

Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh gắn liền với lịch sử của dân tộc, đồng thời phản ánh sự hiểu biết của Người về lịch sử của dân tộc và lịch sử thế giới. Trước khi lên đường cứu nước, tình hình nước nhà

* Tham luận tại Hội thảo Quốc tế "Việt Nam học", Viện Khoa học Xã hội Việt Nam và Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức tại Hội trường Thống Nhất TP. Hồ Chí Minh, tháng 7/2004.

trong cơn bấn loạn, khủng hoảng chính trị, bế tắc đường lối giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh tự nhủ với lòng mình: "*Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi*"[1]. Gần 10 năm, trải qua bao gian nan thử thách, Hồ Chí Minh đã đi khắp các châu lục, khảo sát nhiều nước thuộc địa và các nước tư bản phát triển như: Mỹ, Anh, Pháp… nhất là sau khi đọc Luận cương của Lênin về "*Vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*" (12/1920). Người sớm nhận ra con đường cứu nước và khẳng định "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác, con đường cách mạng vô sản*"[2].

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sử học biểu hiện sinh động phong phú và sâu sắc trong các lĩnh vực đời sống xã hội nước ta, nhất là trong lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn, xuyên suốt qua các thời kỳ lịch sử bi hùng của dân tộc.

Cống hiến lớn lao

Với lời văn giản dị, trong sáng và châm biếm sâu sắc, ***Bản án chế độ thực dân Pháp*** (1925) của Hồ Chí Minh đã lên án chế độ thực dân đầy tội ác của chúng bằng những sự kiện lịch sử cụ thể và biên niên sử chuẩn xác. Người phản ánh hiện thực xã hội đương thời, nơi mà tư tưởng

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 11.

2 *Thư mục Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1990, tr. 22.

"Tự do - Bình đẳng - Bác ái" được cổ xúy từ cách mạng tư sản Pháp năm 1789 đến nay vẫn còn xa vời với nhân dân lao động Pháp.

Bản án chế độ thực dân Pháp không chỉ là một bản luận văn chính trị, lý luận khoa học mà còn có giá trị lịch sử sâu sắc, đã gây ra một tiếng vang lớn trong nhân dân lao động Pháp và nhân dân các nước thuộc địa. Nó còn là một đòn tiến công quyết liệt vào chủ nghĩa đế quốc, trước hết là thực dân đế quốc Pháp, đồng thời vạch ra con đường đấu tranh cách mạng, giải phóng dân tộc cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Tiếp theo *Bản án chế độ thực dân*, *Đường Kách mệnh* ra đời (1927). Hồ Chí Minh điểm lại các cuộc cách mạng ở châu Mỹ, châu Âu trong đó có Lịch sử Cách mạng Mỹ, Cách mạng Pháp với công xã Paris (18/3/1871), Lịch sử Cách mạng Nga (7/11/1917). Với tác phẩm này, Người không chỉ đề cập đến "*Đệ tam Quốc tế với cách mạng An Nam*" và kết luận: "*Xem những việc ấy thì đủ biết rằng An Nam muốn cách mệnh thành công, thì phải nhờ Đệ tam Quốc tế*"[1]. Am hiểu quá trình lịch sử hình thành Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam Quốc tế với quan điểm chính trị và chủ trương hoạt động của nó, Hồ Chí Minh quyết định tán thành Đệ tam Quốc tế.

1 *Hồ Chí Minh tuyển tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 410 - 413. (Theo Hồ Chí Minh, Đệ tam Quốc tế giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa. Đệ nhị Quốc tế chủ trương đề huề với tư bản. Họ xúi dân nước này chống lại dân nước kia).

Sau ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930), Hồ Chí Minh gửi ***Báo cáo về phong trào cách mạng của An Nam*** cho Quốc tế Cộng sản. Bản báo cáo đã tóm lược phong trào đấu tranh của nhân dân ta từ khi Pháp xâm lược và đến khi Đảng Cộng sản ra đời, gắn liền với những sự kiện lịch sử đã diễn ra mang nội dung khoa học và ý nghĩa lịch sử sâu sắc. Đáng chú ý là, sau Cao trào 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh, Hồ Chí Minh viết bài *Nghệ Tĩnh đỏ*. Với nguồn sử liệu của địa phương, nhất là của Đảng bộ tỉnh nơi diễn ra khởi nghĩa. Người đã trình bày cụ thể về phong trào đấu tranh của nông dân hai tỉnh và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, mở đầu lịch sử đấu tranh kiên cường bất khuất của Đảng và là cuộc "Tổng diễn tập" đầu tiên của cách mạng Việt Nam.

Thiết thân với cán bộ kháng chiến lúc bấy giờ (1947), Hồ Chí Minh viết ***Sửa đổi lề lối làm việc*** với bút danh XYZ. Người không ngừng quan tâm nhắc nhở cán bộ sửa đổi lề lối làm việc ngày càng tốt hơn, đi đôi với học tập, nâng cao kiến thức, kể cả kiến thức lịch sử. Người coi đó là phẩm chất, nhân cách con người cán bộ kháng chiến, cán bộ cách mạng phục vụ nhân dân trong thời kỳ kháng chiến cứu nước và có ý nghĩa thực tiễn trong đời sống xã hội hiện nay.

Đáng chú ý là, từ các ***văn kiện lịch sử*** qua các kỳ Đại hội Đảng, đến các bài ***nghị luận chính trị***, các ***tác phẩm*** nêu

trên và kể cả những bài văn thơ của Người đều là những tư liệu lịch sử quý hiếm, dấu ấn lịch sử, mang tính tư tưởng cao và tính giáo dục sâu sắc. Đó là những cống hiến lớn lao của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và nhân loại tiến bộ trên thế giới nói chung và nền sử học nước nhà nói riêng trong thời kỳ mới.

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia ngày càng nhận rõ giá trị lịch sử về những tư liệu lịch sử nêu trên. Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở: "*Tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt đối với sự nghiệp kiến thiết quốc gia*" (Thông đạt số 1CP/VP của Chính phủ ngày 3/1/1946). Pháp lệnh của Chính phủ về lưu trữ quốc gia đã chỉ rõ: "*Tài liệu lưu trữ quốc gia là di sản của dân tộc, có giá trị đặc biệt đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*" (Công báo ngày 4/4/2001). Với công tác ***Bảo tàng***, Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại lời nói sâu sắc: "*Bảo tàng là quyển sử sống*", khi Người đến thăm Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam tại Hà Nội trong những năm sau ngày Giải phóng Thủ đô (10/1954).

Lịch sử nước nhà

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sử học ngày càng sắc nét, như tập diễn ca "***Lịch sử nước ta***" (1942). Hồ Chí Minh viết rất là giản dị, dễ hiểu, gần gũi với đời sống tinh thần của nhân dân:

"*Dân ta phải biết sử ta,*
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam".

Có đoạn viết:

"*Dân ta chỉ cốt đồng lòng là nên.*
Hỡi ai con cháu Rồng Tiên!
Mau mau đoàn kết vững bền cùng nhau.
Bất kỳ nam nữ, nghèo giàu,
Bất kỳ già trẻ cùng nhau kết đoàn.

Câu kết:

"*… Dân ta xin nhớ chữ đồng:*
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh".

"Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh" của Hồ Chí Minh mang nội dung ý nghĩa "đoàn kết". Đoàn kết là chiến lược cách mạng, là hệ quả thành công của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, nhằm thống nhất Tổ quốc. Người nói: "*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*" là xuất phát từ những quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Năm 1948, Hồ Chí Minh viết "***Nên học sử ta***". Mở đầu, Người viết:

"Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam".

"*Dân ta phải biết sử ta. Sử ta dạy cho ta những chuyện vẻ vang của Tổ tiên ta. Dân tộc ta là con Rồng cháu Tiên, có nhiều người tài giỏi đánh Bắc dẹp Nam, yên dân trị nước tiếng để muôn đời*". Người nêu lên quá trình lịch sử đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta từ thời Hùng Vương dựng nước đến 1941, năm Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội ra đời (gọi tắt là Việt Minh). Người ca ngợi những anh hùng dân tộc như Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Quốc Toản, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám v.v… đã có "*mưu cao, võ giỏi đứng ra đoàn kết nhân dân đuổi giặc cứu nước*". Người còn khuyên bảo về dạy và học sử có nhiều ý nghĩa sâu rộng: "*Sử dạy cho ta bài học này: ta phải biết đoàn kết, đoàn kết mau, đoàn kết chắc chắn thêm lên mãi dưới ngọn cờ Việt Minh để đánh đuổi Tây - Nhật, khôi phục lại độc lập, tự do*".

Tuyên ngôn lịch sử

Bản ***Tuyên ngôn Độc lập*** ngày 2/9/1945 Hồ Chí Minh đã viết: "*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*". Người nhắc đến *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ (1776) với câu "*Tất cả dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*".

Nói đến *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp (1791), Người nói: "*Người ta sinh ra... phải luôn luôn được tự do và bình đẳng… Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được*"[1]. Hồ Chí Minh còn nói đến một sự kiện lịch sử quan trọng: "*Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó, dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật*"[2]. Thời điểm đó, Đảng ta đưa ra chủ trương kịp thời, sáng suốt: "*Nhật - Pháp bắn nhau, hành động của chúng ta*" (đầu năm 1945).

Tuyên ngôn Độc lập ra đời, mang đầy đủ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh dấu ngày khai sinh nước Việt Nam Độc lập sau hơn 80 năm nô lệ thực dân. Một áng hùng văn kiệt tác của Hồ Chí Minh giữa thế kỷ XX, mang tính kế thừa lịch sử và phát huy truyền thống hào hùng của dân tộc.

Tiền đề lịch sử *Tuyên ngôn Độc lập* là các áng hùng văn nổi tiếng như: *Nam quốc sơn hà* của Lý Thường Kiệt thế kỷ XI, *Hịch tướng sĩ* chiến thắng quân Nguyên - Mông của Trần Hưng Đạo thế kỷ XIII, *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi chiến thắng quân Minh thế kỷ XV và *Chiếu lên ngôi*

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 555.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 556.

của Nguyễn Huệ - Quang Trung thế kỷ XVIII (24/11/1788 - Mậu Thân, trước ngày chiến thắng quân Thanh ở Ngọc Hồi - Đống Đa, Hà Nội, Xuân Kỷ Dậu - 1789).

Một đoạn lịch sử

Tư tưởng Hồ Chí Minh với tư duy sử học càng sắc nét trong "*Một đoạn lịch sử Việt Nam từ 1847 đến 1947",* Hồ Chí Minh dùng phương pháp so sánh lịch sử để trình bày cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta trong những giai đoạn lịch sử khác nhau với những điều kiện lịch sử khác nhau. Về "*Thời kỳ quân chủ*", Hồ Chí Minh nêu rõ: "*Vua quan nhà Nguyễn giữ đường lối hủ bại, không chịu sửa đổi theo đường lối tiến hóa, nên thực dân Pháp đã nhân dịp này đến đánh nước ta và thắng một cách dễ dàng. Các vua đã không biết chống lại ngoại xâm, giữ gìn đất nước, lại chỉ biết vâng lời thực dân, nay ký điều ước nhường đất này, mai ký điều ước nhường đất khác, cho đến khi toàn cả nước sa vào vòng nô lê của thực dân... các vua còn giúp sức cho bọn giặc cướp nước để làm hại dân*"[1]. Khi nói về Cách mạng tháng Tám, Hồ Chí Minh viết: "*Chế độ dân chủ, nước là nước chung của dân… kiên quyết chống lại xâm lăng và tiêu diệt bọn Việt gian bán nước… lại có chính phủ kháng chiến lãnh đạo, nên sự nghiệp kháng chiến của nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi, phá tan mưu mô*

1 Trích "Một đoạn lịch sử Việt Nam: từ 1847 đến 1947" của Hồ Chí Minh - Nguồn: Website Thư viện Quốc gia Việt Nam.

của thực dân"[1]. Nội dung và ý nghĩa của tác phẩm nhằm giáo dục chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời đóng góp về mặt lịch sử nước nhà nửa đầu thế kỷ XIX.

Hồ Chí Minh với *Giấc ngủ mười năm*, bút danh Trần Lực (1949). Người kể về một chiến sĩ người dân tộc tên là Nông Văn Minh bị thương ở trận Bông Lau năm 1948 đã thiếp đi 10 năm, mãi đến năm 1958 mới tỉnh dậy. Sau khi tỉnh dậy, được con gái kể lại những gì xảy ra trong 10 năm qua (thực sự chưa xảy ra). Có thể tóm tắt câu chuyện 10 năm như sau: Nông Văn Minh sinh trưởng trong một gia đình cố nông, bố đi cày thuê, mẹ đi ở cho một bá hộ trong làng, song không đủ nuôi sống gia đình. Bố tham gia Việt Minh bí mật, Minh được giao bảo vệ cán bộ cách mạng về làng hoạt động, tham gia đầu quân du kích rồi được chọn vào Vệ quốc quân và chiến đấu anh dũng. Bị thương ở trận Bông Lau, anh thiếp đi và lúc tỉnh dậy, thấy mình đang nằm trong một căn phòng đẹp trên giường có trải nệm trắng và một cô gái đang ngồi quay mặt ra cửa sổ đọc sách. Cô gái ấy chính là con gái anh đang học Đại học Y khoa được về thực tập ở bệnh viện này chăm sóc cho bố…

Cô con gái kể cho bố nghe về tình hình nước nhà, trong lúc bố chìm đắm trong *Giấc ngủ mười năm*. Cô kể: Sau thất bại trong cuộc tiến công lên Việt Bắc, quân Pháp

1 Phan Ngọc Liên, *Hồ Chí Minh, nhà sử học cách mạng Hồ Chí Minh với sử học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, tr.26.

tiếp tục mở rộng cuộc xâm lược Việt Nam, mặc dù bị dư luận tiến bộ phản đối. Nhân dân Việt Nam đẩy mạnh cuộc kháng chiến và thu nhiều thắng lợi, ta bắt được một số vũ khí (như xe tăng, máy bay…) không phải của nước Pháp mà của nước bạn của Pháp - một đế quốc lớn giúp. Bị thất bại nặng nề liên tiếp, thực dân Pháp vẫn ngoan cố ra sức xây dựng một tập đoàn cứ điểm, song bị quân dân ta đánh tan. Do áp lực đấu tranh của nhân dân Pháp và không thể thắng về quân sự, thực dân Pháp buộc phải ngồi vào bàn hội nghị thương lượng với ta và thừa nhận chủ quyền độc lập dân tộc. Đất nước được giải phóng, nhân dân ta mở hội mừng đất nước được độc lập, thống nhất, cải cách ruộng đất, chia ruộng cho nông dân, chính quyền thực sự về tay nông dân (chị Xuân, vợ của ông Nông Văn Minh làm Chủ tịch xã), trường Đại học mở cửa đón con em nhân dân lao động (chị Đào, con của Minh vào học Đại học Y khoa).

"Lịch sử Việt Nam trong 10 năm sau khi quyển *Giấc ngủ mười năm* ra đời diễn ra gần đúng dự đoán của Hồ Chí Minh. Nhiều dự đoán tiếp sau đó cũng gần khớp với hiện thực tương lai. Có thể đó là sự ngẫu nhiên, song điều quan trọng chứng tỏ Người đã hiểu được quy luật phát triển của xã hội, đoán trước được sự việc tất yếu xảy ra mà cách mạng cần nắm lấy thời cơ hành động"[1].

1 Phan Ngọc Liên, *Hồ Chí Minh, nhà sử học cách mạng Hồ Chí Minh với sử học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, tr. 26.

Lý giải tiên đoán của Hồ Chí Minh, đồng chí Trường Chinh viết: "*Thế giới quan của chủ nghĩa Mác - Lênin và những kinh nghiệm đấu tranh lâu năm đã làm cho Người có khả năng đoán trước được thời cuộc, mau lẹ nhận ra bước ngoặt của lịch sử và đề ra những khẩu hiệu thích hợp nhằm xoay chuyển tình hình*"[1].

Di chúc lịch sử

Tư tưởng Hồ Chí Minh còn thể hiện sâu sắc trong *Di chúc* của Người. Trước lúc đi xa, Hồ Chí Minh gửi gắm biết bao nghĩa tình sâu lắng, tư duy khoa học, kiến thức lịch sử và tâm huyết của mình: Người "*để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng*". Trong *Di chúc,* Người viết: "*Trước hết nói về Đảng - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác*". Người còn căn dặn: "*Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới*". *Di chúc* có đoạn: "*Ông Đỗ*

1 Trường Chinh, *Hồ Chí Minh - lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1969, tr. 56.

Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc đời nhà Đường, có câu rằng: "*Nhân sinh thất thập cổ lai hy*", *nghĩa là* "*người thọ 70, xưa nay hiếm*""[1]. Qua đó phản ánh kiến thức lịch sử sâu rộng của Người, am hiểu về nhà thơ Đỗ Phủ đời Đường - Trung Quốc, và trích một câu thơ ngắn đầy ý nghĩa lịch sử, nói lên tâm hồn thanh thản, cao quý, xuyên suốt tư tưởng của Người.

Di chúc Hồ Chí Minh là bản di chúc lịch sử, một di sản văn hóa, chứa đựng toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. *Di chúc* của Người càng đi vào lòng người, vào cuộc sống xã hội, đã và đang biến thành hiện thực xã hội, thúc đẩy công cuộc đổi mới đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa: công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngoài ra, khi nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh về sử học, giới sử học nước nhà càng nhận rõ *Phương pháp luận sử học Mác - Lênin* của Người. Theo Hồ Chí Minh, phương pháp luận sử học là xác định đối tượng nghiên cứu lịch sử, không những yêu thích và hiểu biết lịch sử sâu rộng qua sách báo, tư liệu, mà còn phải đi vào cuộc sống xã hội, thâm nhập thực tế, khảo sát thực địa, làm phong phú tri thức lịch sử, làm giàu vốn sống của mình.

1 *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, 1969, tr. 20 - 21.

Trên cơ sở đó, củng cố nhận thức về xã hội, xác định đối tượng nghiên cứu và phản ánh hiện thực xã hội (trong quá khứ, không tách rời với hiện tại và tương lai), dưới những đề tài lịch sử khác nhau, với quan điểm Mác-xít và quan điểm lịch sử cụ thể.

Lúc sinh thời, từ những năm trẻ tuổi, Hồ Chí Minh rời quê nhà, đến học trường Đông Ba và trường Quốc học Huế, rồi vào dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết), sau đó vào Sài Gòn, rồi xuống tàu sang Pháp, qua Mỹ, đến Trung Quốc v.v… là một thực tế sinh động, làm phong phú nhận thức mà Người đã tạo ra trong quá trình tìm đường cứu nước. Hoặc khi đến Nữu Ước - Mỹ, nơi có "Thần tự do" biểu tượng bằng ngôn ngữ tạo hình, giá trị thẩm mỹ cao và nghệ thuật điêu khắc độc đáo, niềm tự hào của nước Mỹ: "nền tự do" kiểu Mỹ. Nhưng ngược lại, cuộc sống cơ cực tối tăm của người Mỹ da đen ngày càng phơi bày dưới ánh sáng "Thần tự do" giữa vòm trời nước Mỹ, đã nói lên một thực tế phũ phàng, chua xót đối với người dân da màu và nhân dân lao động Mỹ. Đó là mấy nét về phương pháp luận sử học của Hồ Chí Minh, phản ánh tư tưởng Hồ Chí Minh về sử học rất toàn diện, sâu sắc.

Đảng ta khẳng định: "*Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam*" (Văn kiện Đại hội VII, tháng 7/1991) là trên ý nghĩa đó.

Giới sử học nước nhà học tập tư tưởng Hồ Chí Minh với tất cả niềm tự hào của mình về Hồ Chí Minh vĩ đại - người con ưu tú của dân tộc, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng, nhà sử học uyên thâm của nền sử học nước nhà, Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Danh nhân văn hóa thế giới!

NHÀ NHO YÊU NƯỚC HUỲNH THÚC KHÁNG ĐƯỢC HỒ CHỦ TỊCH MỜI THAM GIA CHÍNH PHỦ LÂM THỜI(*)

Thư gởi toàn thể đồng bào sau ngày cụ Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng tạ thế của Hồ Chủ tịch, có đoạn: *"Cụ Huỳnh là một người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao... Cụ là người mà giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, oai vũ không làm sờn gan. Cả đời cụ Huỳnh không*

* Nhân kỷ niệm 65 năm ngày mất của cụ Huỳnh Thúc Kháng (24/4/1947 - 24/4/2012), tổ chức tại huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, Hội thảo Khoa học về thân thế và sự nghiệp của cụ Huỳnh Thúc Kháng do UBND tỉnh Quảng Nam và Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức tại Quảng Nam ngày 20/4/2012. Tham khảo Chương Thâu: *Góp phần tìm hiểu một số nhân vật lịch sử Việt Nam,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003. Nguyễn Q. Thắng: *Quảng Nam đất nước và nhân vật*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1996.

cầu danh vị, không cần lợi lộc..., chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập")

***

Sinh năm Bính Tý - 1876 (Tự Đức thứ 26), tại làng Thanh Bình nay thuộc xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, cụ Huỳnh Thúc Kháng có tên là Thước, trước gọi là Hanh, sau đổi là Thúc Kháng, tự là Giới Sanh, hiệu Minh Viên.

Cụ Huỳnh xuất thân trong một gia đình Nho học, sống với nghề nông chất phác tại một làng quê nghèo thuộc miền núi phía Tây Quảng Nam.

Huỳnh Thúc Kháng học hành khi còn nhỏ tuổi. Năm 13 tuổi (1889), Huỳnh Thúc Kháng biết làm văn. Năm 16 tuổi (1892) ông đi thi Hương và nổi danh là một trong ba người hay chữ nhất ở Kinh đô Huế (Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp và Phạm Liệu) ngoài đời gọi là "Tam Hùng". Nhân dân trong tỉnh Quảng Nam còn gọi là "Ngũ Hổ": Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Phạm Liệu và Nguyễn Đình Hiến (2 vị sau làm quan dưới Triều Nguyễn).

Tại kinh đô Huế, Huỳnh Thúc Kháng có dịp được đọc Thời vụ sách, Thiên hạ đại thế luận của Nguyễn Lộ Trạch gửi cho triều đình Huế. Ông còn đọc Điều trần của

Nguyễn Trường Tộ, của Phạm Phú Thứ, nhất là Tân thư của Khang Hy - Lương Khải Siêu từ Trung Quốc lọt vào nước ta. Tư tưởng yêu nước của cụ Huỳnh thêm nguồn lực về tư tưởng canh tân đất nước nhằm tự cường dân tộc của các nhân vật tiêu biểu vừa nêu trên. Đặc biệt, cụ Huỳnh còn đọc được bài "Lưu cầu huyết lệ" của cụ Phan Bội Châu (1904), rồi được gặp cụ Phan trao đổi về kế hoạch cứu nước. Đó là một nguồn lực quan trọng đối với nhà yêu nước Huỳnh Thúc Kháng ở tuổi 29, 30.

Năm 29 tuổi (1904), Huỳnh Thúc Kháng mới đỗ tiến sĩ và cũng từ đó ông bắt đầu học chữ quốc ngữ. Học giỏi, đỗ cao, danh tiếng lừng lẫy nhưng cụ Huỳnh Thúc Kháng không chịu ra làm quan với triều đình Huế. Cụ hưởng ứng phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh chủ xướng. Cụ là một trong ba người (Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp) hình thành "bộ ba" Quảng Nam lãnh đạo phong trào Duy Tân; đồng thời thực hiện chuyến "Nam du" để tìm hiểu tình hình ở tỉnh Bình Định...

Lúc này, phong trào Duy Tân không ngừng lớn mạnh, gây tiếng vang lớn trong xã hội đương thời, với chủ thuyết "Dân quyền", nhằm mục tiêu: "*Khai dân trí, Chấn dân khí, Hậu dân sinh"* của cụ Phan ngày càng đi vào lòng dân và cuộc sống xã hội nước nhà.

Đến tháng 3/1908 phong trào chống thuế ở Quảng Nam nổ ra và lan rộng đến các tỉnh miền Trung, gây tiếng

vang lớn và chấn động dư luận xã hội đương thời. Thực dân Pháp ra tay khủng bố, đàn áp phong trào, bắt bớ giam cầm, đày ải những người yêu nước ra Côn Đảo và sát hại dã man. Cụ Huỳnh bị chúng bắt giam ở Hội An (đầu năm 1908) đến tháng 8/1908, thực dân Pháp và tay sai đày cụ Huỳnh ra Côn Đảo với tội danh "mưu bạn vị hành" (mưu làm giặc mà chưa làm).

Năm 1921, ở tuổi 46, cụ mới ra khỏi nhà tù Côn Đảo, ngót 13 năm giam cầm đày ải nơi địa ngục trần gian ấy.

Năm 1923, sau khi ra tù được ít lâu, thực dân Pháp mời cụ ra cộng tác với chúng. Cụ từ chối, giữ thái độ bất hợp tác với chúng.

Đến giữa năm 1926, cụ ứng cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ và được bầu làm Viện trưởng. Cụ Huỳnh bắt đầu thực hiện quyền hạn của mình, đọc bài diễn văn, đưa ra kế hoạch hoạt động của mình đòi mở rộng quyền dân chủ cho dân.

Năm 1928, cụ từ chức Nghị viên dân biểu, không tham gia nghị trường. Trong khi đó cụ ra sức xúc tiến việc xuất bản báo, lấy tên là báo *Tiếng dân* do cụ làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút.

Năm 1946, cụ nhận lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra tham gia "Chính phủ liên hiệp kháng chiến", làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ rồi quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chủ tịch Liên hiệp Quốc dân Việt Nam gọi tắt là Liên Việt.

Năm 1947, cụ đi kinh lý Quảng Nam, Quảng Ngãi. Trên đường công tác, cụ lâm bịnh và qua đời ngày 21/4/1947, hưởng thọ 71 tuổi để lại niềm thương tiếc vô hạn của toàn dân.

Nhìn lại cuộc đời và sự nghiệp của cụ Huỳnh, nổi lên mấy hoạt động tiêu biểu, khẳng định tài năng, đức độ và nhân cách cao quý của cụ Huỳnh Thúc Kháng, chí sĩ yêu nước, vị lãnh đạo nhà nước mẫu mực, người con ưu tú của Quảng Nam, đã cống hiến to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc trong nửa đầu thế kỷ XX.

Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ

Viện Dân biểu Trung Kỳ được thành lập ngày 24/2/1926 do Nghị định của Toàn quyền Đông Dương Varenne. Thật ra Nghị định ngày 24/2/1926 chỉ là đổi tên một hội đồng trước đó đã được thành lập ngày 6/11/1925 là "Hội đồng Tư vấn Trung Kỳ".

Theo Nghị định trên, nhiệm vụ của Viện Dân biểu là góp ý với Chính phủ về các vấn đề liên quan đến dân chúng bản xứ, Chính phủ Bảo hộ phải tham khảo Viện Dân biểu về ngân sách, thuế khóa và các công trình công cộng ở Trung Kỳ.

Nhiệm kỳ của Viện Dân biểu là bốn năm, mỗi năm Viện họp một khóa tại Huế, do vua ra chỉ dụ triệu tập, theo đề nghị của Thượng thư Bộ Lại, sau khi đã được khâm sứ Pháp đồng ý.

Với tư tưởng canh tân - cải cách xã hội và chủ trương hoạt động hợp pháp, cụ Huỳnh Thúc Kháng đồng tình ra ứng cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ tại huyện Tam Kỳ, được bầu làm Viện trưởng vào giữa năm 1926[1].

Làm Viện trưởng Viện Dân biểu, cụ Huỳnh bắt đầu thực hiện quyền hạn của mình. Cụ đọc những bài diễn văn về kế hoạch hoạt động của Viện. Cụ đưa ra một số yêu sách đòi mở rộng quyền dân chủ, đồng thời vạch trần những luận điệu lừa dối mỵ dân của thực dân Pháp.

Trong khi bọn thực dân muốn Viện Dân biểu cũng là một cơ quan bù nhìn khoác áo "dân chủ" chỉ có nhiệm vụ thông qua các chủ trương chính sách nhằm áp bức bóc lột dân ta, thì cụ Huỳnh lại muốn dùng nghị viện làm cơ sở để đấu tranh hợp pháp bảo vệ quyền lợi của dân tộc, Viện

1 Lê Xuân Kỳ, *Viện Nhân dân đại biểu Trung Kỳ và Viện trưởng Hoàng Văn Khải* - Tạp chí *Xưa Nay* tại TP.HCM, số 404, tr. 21: *Viện Dân biểu Trung Kỳ* ra đời ngày 24/2/1926 và kết thúc ngày 12/5/1945 do Đạo dụ số 13 của Hoàng đế Bảo Đại sau khi Nhật đảo chính Pháp. Viện Dân biểu Trung Kỳ trước sau có 4 viện trưởng là Huỳnh Thúc Kháng, Phạm Văn Quản (Cựu Nghị trường), Hoàng Văn Khải (Cựu chính trị phạm tù Côn Đảo), Phan Thanh (Nghị viên đã từng làm sóng gió Nghị trường Dân biểu Trung Kỳ trong nhiệm kỳ 1937 - 1940, do ông Hoàng Văn Khải làm Viện trưởng) và Nguyễn Phúc Ưng Bình (Ưng Bình (1877 - 1961), cháu nội của Tuy Lý Vương Miên Trinh). Trụ sở của Viện ngày nay là số 3 đường Lê Lợi (Huế), nơi đặt văn phòng Đại học Huế. ***Viện trưởng Viện Dân biểu Bắc Kỳ*** là Phạm Lê Bổng, được báo giới cho là "bảo hòa", "bất tín", "nặc mùi xôi thịt", không biết xấu hổ, không biết giữ tư cách. Nam Kỳ gọi là ***Hội đồng Quản hạt Nam kỳ***, Bùi Quang Chiêu được đề cử làm Hội trưởng (theo đường lối chính trị phản động, đội lốt quốc gia cải lương chủ nghĩa).

luôn luôn đứng về phía nhân dân để chống lại bọn thống trị tham lam độc tài, độc đoán.

Đặc biệt, trong bài diễn văn đọc ở kỳ họp tháng 10/1928, một lần nữa cụ lại vạch trần chính sách thâm độc của Pháp trong việc hạn chế về mặt giáo dục, những thủ đoạn bần cùng hóa nhân dân, những hà khắc của pháp luật và thẳng thắn đưa ra ba đề nghị:

- Tự do mở trường học;

- Giảm bớt các thứ thuế;

- Bãi bỏ những hình luật hà khắc.

Những đề nghị hợp lý đó nói lên nỗi bức xúc của nhân dân, vừa phản ảnh tư tưởng canh tân - cải cách xã hội của cụ Huỳnh, nhằm đem lại quyền lợi thiết thân cho dân nghèo đang bị áp bức bóc lột dưới chế độ thực dân và phong kiến phản động.

Cụ nói: *"Hai năm nay, Nhà nước không lấy lời yêu cầu của chúng tôi làm điều, chưa thi hành được chút gì để chứng minh cho nhân dân biết rằng một cơ quan mới của Nhà nước khác với chính thể chuyên chế ngày xưa. Bởi thế nhân dân ngã lòng tin cậy ở chúng tôi và nhân đó cũng không dám tin ở chính thể của Nhà nước!"*[1].

1 Chương Thâu, *Góp phần tìm hiểu một số nhân vật lịch sử Việt Nam,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2003, tr.381.

Từ đó cụ Huỳnh không còn tin gì ở thiện chí của bọn thực dân nữa. Cụ quyết định từ chức Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ là vậy.

Chủ bút báo *Tiếng Dân*

Trong thời gian làm việc tại Nghị viện Dân biểu Trung Kỳ, cụ Huỳnh đã sớm có ý thức xuất bản báo, nhằm nói lên tiếng nói của người dân đang mất quyền tự do dân chủ và ấp ủ đấu tranh.

Ngày 10/8/1927, báo *Tiếng Dân* ra mắt độc giả miền Trung. Về ý nghĩa chính trị như cụ Huỳnh đã giải thích: "Đó là sự vui mừng, sự buồn tủi và sự chờ đợi, ấp ủ trong lòng hàng triệu đồng bào. Dân là đầu mối của nước. *Tiếng Dân* đi sát với những vấn đề trong nước. Nếu chính phủ biết rõ những nguyện vọng sâu xa của dân thì cần gì đối xử bất công với *Tiếng Dân* như đã từng đối xử với vài tờ báo đã ra mắt gần đây và đã bị đóng cửa. Tờ báo này thật xứng đáng để mang tên là *Tiếng Dân* vì trong thực tế, phải nhờ đến báo chí thì Tiếng của Dân mới bộc lộ ra được"[1].

Là tờ báo đầu tiên của Trung Kỳ, tiếng nói của người dân trong hang cùng ngõ hẻm, nói lên tiếng nói phần lớn là của nhân dân lao động nước ta thời ấy. Nó là một cơ quan ngôn luận hơn là thông tin; người đọc tờ báo không

1 Chương Thâu, *Góp phần tìm hiểu một số nhân vật lịch sử Việt Nam,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2003, tr. 383.

phải chỉ đọc những dòng chữ mà còn đọc nơi tâm hồn, nhân cách của người chủ trương, người viết những bài báo bình luận sắc sảo ấy.

Từ đó, tờ báo *Tiếng Dân* trở thành một cơ quan giáo dục con người biết thương nước yêu nòi, biết căm thù bọn cướp nước và bán nước, biết thương yêu nhau trong lao động, đùm bọc nhau trong hoạn nạn. Nó còn là vũ khí sắc bén đấu tranh đòi quyền sống, nhằm thực hiện canh tân - cải cách xã hội một cách hữu hiệu hơn.

Suốt 16 năm tồn tại của tờ *Tiếng Dân* (1927 - 1943), nó cũng gây được cảm tình đối với đông đảo độc giả. Ở chừng mực nhất định, nó phản đối cường quyền che đậy công lý, cụ Huỳnh chủ trương nền "chánh học", bài bác các "tà thuyết" hoặc vạch mặt bọn người xu phụ, xu thời, bọn quan lại sâu mọt đục khoét nhân dân, các tệ nạn xã hội, các tệ đoan, nạn cường hào ức hiếp dân lành... Những điều đó, thực chất về cơ bản là chưa đụng chạm gì đến quyền lợi sống còn của bọn thống trị thực dân và phong kiến.

Điều đó cho thấy, tư tưởng canh tân - cải cách xã hội của cụ Huỳnh Thúc Kháng ít nhiều đã chịu ảnh hưởng xu hướng canh tân đất nước, nhằm tự cường dân tộc của Trúc Đường Phạm Phú Thứ, Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ... hình thành từ nửa sau thế kỷ XIX, đã thể hiện rõ nét trong quá trình hoạt động nghị trường, nhất là trong báo *Tiếng Dân* do cụ làm chủ bút.

Tham gia Chính phủ cách mạng

Cách mạng tháng Tám thành công, nước nhà độc lập, làm nức lòng nhân dân cả nước. Nhưng chính quyền cách mạng còn non trẻ vừa mới thành lập, phải đương đầu trước muôn vàn khó khăn, thách thức.

- Ở miền Nam, bọn thực dân Pháp theo gót quân Đồng Minh Anh - Ấn trở lại xâm lược nước ta.

- Ở miền Bắc, bọn phản động Việt Nam Quốc dân Đảng, Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội theo chân quân Tưởng Giới Thạch tràn vào phá hoại, gây rối nhiều nơi. Chính quyền cách mạng phải lo giải quyết hậu quả tệ nạn xã hội.

Có thể nói, thù trong giặc ngoài, nội trị ngoại giao... đủ thứ khó khăn, phức tạp diễn ra trên đất nước. Trước tình hình đó, khẩu hiệu: *"Tổ quốc trên hết! Đoàn kết dân tộc là trước hết!"* được đặt ra cấp bách, khẩn thiết hơn bao giờ hết. Trong giờ phút nghiêm trọng này, vấn đề đoàn kết dân tộc đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân ta là tiên quyết, dốc toàn lực lượng chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập nước nhà.

Chính vì vậy, Chính phủ Liên hiệp kháng chiến được thành lập, đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới này. Từ đó Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện mời cụ Huỳnh Thúc Kháng tham gia Chính phủ.

Trước khi lên đường ra Hà Nội, cụ Huỳnh nói: *"Tôi nghe tiếng Nguyễn Ái Quốc đã lâu, bây giờ cần phải gặp Người để trao đổi ý kiến"*. Tính cụ Huỳnh vốn thận trọng như vậy. Đã là một nhà yêu nước chân chính, đương lúc quốc gia hữu sự lẽ nào cụ Huỳnh lại ngồi yên. Nhưng sau khi tiếp xúc với Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ anh minh này, cụ đã hoàn toàn bị thuyết phục, cụ Huỳnh đồng ý nhận làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Là một thành viên quan trọng của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, chấp hành triệt để đường lối của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Huỳnh đã đem hết nhiệt tình hăng hái và tận tụy phục vụ Tổ quốc. Ở cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ, tham gia phiên họp Hội đồng Chính phủ hồi tháng 6/1946, khi thấy bọn đảng phái phản động cố tình phá rối, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, gây khó khăn cho chính quyền cách mạng, cụ đã thẳng tay vạch mặt và cực lực phản đối bọn chúng.

Để mở rộng Mặt trận đoàn kết dân tộc, tập hợp đông đảo các lực lượng yêu nước gồm các đảng phái chính trị, các tôn giáo, các dân tộc, các giai cấp và đồng bào các giới… vào hàng ngũ chống Pháp, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam tức Mặt trận Liên Việt được thành lập. Cụ Huỳnh là một trong những sáng lập viên của Hội và được bầu làm Hội trưởng.

Ngày 31/5/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm nước Pháp theo lời mời của Chính phủ Pháp và cử cụ Huỳnh làm quyền Chủ tịch nước trong thời gian Người đi vắng. Trước khi lên máy bay, Người nói với cụ Huỳnh: *"Tôi có việc phải đi, mọi việc ở nhà đều có cụ"* và trao cho cụ tấm thiếp ghi sáu chữ: *"Dĩ bất biến ứng vạn biến"* (lấy cái không biến đổi để ứng phó với muôn vàn sự biến đổi). Cụ Huỳnh coi đó là một phương châm hành động mà Người đã ân cần nhắc nhở. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi chưa bao lâu thì cụ Huỳnh chứng kiến một cảnh giết người rùng rợn của bọn Quốc dân Đảng phản động khi sào huyệt này bị khám phá ở phố Ôn Như Hầu. Tại đây, bên cạnh những xác chết, nạn nhân của những vụ bắt cóc tống tiền, còn có cả một bộ máy khủng bố giết người man rợ như phòng tra điện, phòng chế thuốc độc và những vũ khí giết người khác... Cụ vô cùng căm giận và thấy rõ bộ mặt thật bọn côn đồ dám tự nhận là kẻ kế thừa sự nghiệp cứu nước của các chiến sĩ khởi nghĩa Yên Bái năm xưa.

Tháng 11/1946, Quốc hội ta cải tổ lại Chính phủ liên hiệp kháng chiến, thanh trừ hết bọn Việt gian phản động, cụ Huỳnh lúc này đã già yếu, nhưng như Bác Hồ nói, vẫn *"vì đại nghĩa"* mà vẫn *"gắng ở lại"* giữ chức vụ cũ.

Sau đó cụ Huỳnh thay mặt Chính phủ Trung ương đi kinh lý miền Trung. Sau những ngày kinh lý ở Quảng Nam,

cụ vào đến Quảng Ngãi không may bị lâm bệnh, tuổi cao sức yếu, cụ qua đời tại Quảng Ngãi ngày 21/4/1947. Thi hài cụ được chính quyền hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi tổ chức Lễ tang trọng thể tại núi Thiên Ấn - thị xã Quảng Ngãi. Đến dự có đồng chí Phạm Văn Đồng, và đại diện các tỉnh lân cận đến tiễn đưa linh cữu cụ Huỳnh trong không khí trang nghiêm, thành kính, tiếc thương vô hạn của toàn dân.

Xin nói thêm, trước lúc lâm chung, cụ Huỳnh vẫn còn tỉnh táo, sáng suốt đánh điện báo tin cho Hồ Chủ tịch với lời lẽ vô cùng cảm động: *"Tôi bệnh nặng chắc không qua khỏi. Bốn mươi năm ôm ấp độc lập và dân chủ, nay nước đã được độc lập, chế độ dân chủ đã thực hiện, thế là tôi chết hả. Chỉ tiếc không được gặp cụ lần cuối cùng. Chúc cụ sống lâu để dìu dắt quốc dân lên đường vinh quang hạnh phúc. Chào vĩnh quyết"*[1].

71 tuổi đời, trong đó có 13 năm cụ Huỳnh bị giam cầm đày ải tại nhà tù Côn Đảo (1908 - 1921), chịu mọi cực hình tra tấn dã man của kẻ thù nhưng chúng không khuất phục được ý chí kiên trung của nhà yêu nước Huỳnh Thúc Kháng. Cụ vẫn lạc quan tin tưởng ngâm vang câu thơ bất khuất:

---

1 Chương Thâu, *Góp phần tìm hiểu một số nhân vật lịch sử Việt Nam,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2003, tr. 402.

Dẫu đến lúc núi sụp, biển lồi, trời nghiêng, đất ngả
Tấm lòng vàng, tạc đá vẫn chưa mòn.
Trăng kia khuyết đó lại tròn![1]

Với địa ngục trần gian ấy, chỉ góp phần rèn luyện phẩm chất của cụ thêm già dặn, kiên định dũng khí chiến đấu với kẻ thù, củng cố niềm tin tất thắng vào *tư tưởng canh tân - cải cách* của mình nói riêng và sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và nhân dân ta nói chung.

***

Nói tóm lại, từ cái "lò nung" nêu trên, cộng với vốn sống, vốn kiến thức giúp cho tiếng nói của Viện trưởng thêm đĩnh đạc tại Nghị viện Dân biểu Trung Kỳ, dưới ngòi bút của cụ trên báo *Tiếng Dân* càng sắc sảo và xứng đáng với trọng trách được giao - Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cụ Huỳnh đã góp phần "gieo mầm cho sự sống", ngày một đơm hoa kết trái tốt tươi trong vườm ươm dân tộc, dưới vòm trời Thu tháng Tám 1945 trong xanh, cao thăm thẳm!

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4/2012

1 Trương Đình Quang, *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng,* Nxb. Văn học, Hà Nội, tr. 86.

LÒNG DÂN VỚI CỤ HỒ

(Nhớ lại ngày nào (giáp Tết Quý Mão - 1963), thăm. Ấp chiến lược Cây Bài - Vùng địch tạm chiếm. Mục kích sở thị: Lòng dân với Cụ Hồ)

Kết thúc khóa II (11/1963), Trường Tuyên truyền - Báo chí miền Nam[1], tôi được anh Năm Quang (tức Trần Bạch Đằng, Phó Ban Thường trực Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam) phân công đi Củ Chi để nắm tình hình vùng giải phóng và tiếp xúc với thực tế chiến trường Sài Gòn - Gia Định. Về đến Củ Chi anh Sáu Nam (Nguyễn Văn Tỷ), Bí thư Huyện ủy giới thiệu tôi về xã Phước Vĩnh An vào những ngày giáp Tết Quý Mão - 1963. Anh Hai Thành, Bí thư Chi bộ xã giới thiệu tôi đến nhà má Bảy Lánh - Nguyễn Thị Lánh (nguyên Bí thư Chi bộ xã Phước Vĩnh An, nay là Bà mẹ Việt nam anh hùng) hơn 15 ngày. Tại đây, tôi có dịp đi

1 Nguyên Hiệu phó Trường Tuyên truyền - Báo chí miền Nam.

thăm địa đạo, căn cứ Hố Bò - Phú Mỹ Hưng, các xã giải phóng Nhuận Đức, An Nhơn Tây và thăm ấp chiến lược Cây Bài thuộc vùng tranh chấp giữa ta và địch của xã Phước Vĩnh An - Củ Chi, vào những ngày giáp Tết.

Lúc 7 giờ sáng, trọng pháo của địch ở bót Trung Hòa - Củ Chi và Dầu Tiếng - Bến Cát thưa dần, anh giao liên xã đưa tôi đến gặp anh ba Thuận, Xã đội trưởng Phước Vĩnh An bàn kế hoạch đi vào thăm, ấp chiến lược Cây Bài. Là người địa phương, Út Cẩn là giao liên của xã tỏ rõ sự am hiểu địch tình tại chỗ, nhất là quy luật hành quân và lùng sục của ngụy quân tại ấp chiến lược Cây Bài. Anh cho tôi biết, các chú đi vào ấp chiến lược nên đi vào giờ trưa là tốt nhất. Nếu đi vào giờ sáng sớm hoặc chiều tối là bất lợi, vì thời gian sáng sớm và chiều tối là giờ bọn chúng hay lùng sục hoặc hành quân dã ngoại, kiểm tra từng người trong hộ khẩu. Út Cẩn còn lý giải thêm… nào giờ trưa bọn lính ngụy và cả dân vệ đều ngủ trưa hoặc ăn nhậu say sưa không lùng sục ngoài khu vực đóng quân. Qua ý kiến của Út Cẩn, anh ba Thuận gật gù đồng tình, tôi cũng thấy có lý và cả 3 nhất trí đi thăm ấp chiến lược Cây Bài vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 30 Tết.

Ấp chiến lược này, ngụy quyền Sài Gòn thiết lập từ năm 1961 - 1962, nhưng hơn một năm nay bà con trong ấp chiến lược không ngừng đấu tranh quyết liệt chống phá sự kìm kẹp của chúng, làm cho địch phải co cụm

trong đồn bót, hạn chế "lùng sục ban ngày", còn về đêm thì "bà con trong Ấp làm chủ". Dựa vào tình hình đó, trưa ngày 30 tháng Chạp năm Quý Mão (1963), tôi theo chân anh Ba Thuận (Xã đội trưởng Phước Vĩnh An) cùng đi với Út Cẩn và 1 bảo vệ để vào ấp chiến lược Cây Bài, nơi bà con đang chuẩn bị đón Tết mừng Xuân mới.

Tại đây, hệ thống bố phòng của địch khá chặt chẽ. Từ đầu đến cuối ấp chiến lược đều có bót canh, chòi gác, do dân vệ - dân phòng chốt chặn và tuần tra cảnh mật. Ngoài ra, còn có biệt kích, thám báo lùng sục khắp nơi trong ngoài ấp. Về quản lý cư dân tại chỗ, ngoài hộ khẩu và thẻ tùy thân, chúng còn tổ chức "Ngũ gia liên bảo", cứ 5 hộ gia đình là một tổ tình báo, tai mắt của chúng, thông tin mật báo người lạ mặt hay Việt cộng đột nhập vào ấp chiến lược.

Xem ra việc tổ chức phòng vệ của địch tại đây khá hoàn chỉnh. Nhưng tôi tin tưởng vào tính tập thể của đoàn, sự có mặt của đồng chí Xã đội trưởng và chiến sĩ bảo vệ cùng đi; không chỉ có súng ngắn, súng AK bá xếp và khả năng đối phó bằng võ thuật của mình, kể cả mạng lưới thông tin liên lạc về địch tình của cơ sở cách mạng tại chỗ đã được triển khai từ sáng sớm. Trên cơ sở đó, tôi càng yên tâm, vững tin vào chuyến đi này sẽ thành công tốt đẹp, dù có chút "mạo hiểm" nhưng rất lý thú, rất thiết thực, được mục kích sở thị: *"lòng dân đối với cách mạng và sự nghiệp kháng chiến cứu nước, lòng dân với Cụ Hồ!"*.

Thấy anh em tôi vào thăm, bà con ở đầu ấp đều tỏ rõ sự vui mừng, thăm hỏi thân tình. Mấy má vồn vã hỏi chuyện và nắm lấy tay tôi, biểu lộ tình cảm quý mến của mình: *"Thằng Hai Việt cộng như thế này..."* (ý nói là tôi trẻ khỏe). Thực ra, hôm ấy tôi mặc một bộ đồ bà ba đen, cầm theo nón lá và có cả súng ngắn giấu trong người. Má Ba vỗ nhẹ vào vai tôi: *"Vậy mà đám lính Cộng hòa ở đây nói "bảy thằng Việt cộng đeo ngọn đu đủ không gãy""*. Nghe má nói bình dị và dí dỏm như vậy tôi bật cười nhẹ nhõm.

Vào đây, tôi có dịp đến thăm các má, các bác đang sống ngột ngạt trong ấp chiến lược này. Ở đây, phần đông là những người con kiên trung của quê hương Củ Chi đất Thép. Mới gặp má Ba lần đầu, tôi được biết hoàn cảnh gia đình má thật đáng trân trọng. Người chồng của má đã mất sớm, hy sinh anh dũng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, để lại 2 con: người con gái lớn đầu lòng vừa tròn 18 tuổi đang là dân quân du kích xã nhà, vừa được tuyên dương "Chiến sĩ vẻ vang" trên quê hương Củ Chi. Cậu con trai út mới 15 tuổi đã bị bọn lính ngụy ở bót Cây Bài bắt làm "dân vệ - dân phòng", mang "súng Mỹ mà lòng ta"… Như cảm kích trước sự ân cần thăm hỏi của tôi, má Ba không giấu được nước mắt, xúc động nói nên lời: *"Má chỉ có hai con đều lớn khôn, nguyện noi gương sáng của ba cháu, hưởng ứng Lời kêu gọi kháng chiến cứu nước của Hồ Chủ tịch"*.

Bước sang nhà bác Bảy. Một căn nhà tranh tre nhỏ hẹp, nép mình dưới hàng cây xơ xác, trơ cành trụi lá từ sau đợt *"pháo dập, bom dùi"* của Mỹ - ngụy trước đó. Chỉ thấy thấp thoáng mấy cánh vàng của hoa mai, hoa vạn thọ trước sân nhà như đón chào Xuân mới. Sau cái bắt tay xiết chặt, bác Bảy ân cần thăm hỏi sức khỏe anh em chúng tôi và kể chuyện gia cảnh của mình: Bác, nguyên quán huyện Duy Xuyên - Quảng Nam, "chuyển vùng" vào Nam từ cuối năm 1954. Vốn là cán bộ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, bác bị thương ở chân đi lại khó khăn, đành phải nghỉ việc, sinh sống tại quê hương thứ hai này, động viên con cháu tham gia kháng chiến, góp phần giải phóng quê hương đất nước. Vợ bác đã mất trong một trận càn của địch vào xã Phú Hòa Đông cuối năm 1962, để lại 2 đứa con trai nay đã lớn khôn, trưởng thành, đều là bộ đội Cụ Hồ: một cháu lớn 23 tuổi đang là bộ đội chủ lực miền Đông, một cháu 20 tuổi là bộ đội địa phương huyện nhà và người con gái út 18 tuổi làm y tá tại trạm xá huyện. Câu chuyện thăm hỏi càng thân tình bác Bảy càng cao hứng nói càng lưu loát, hùng hồn: *"Là gia đình kháng chiến, tôi có 3 con là bộ đội Cụ Hồ, nguyện một lòng chiến đấu dưới lá cờ bách chiến bách thắng của Hồ Chủ tịch, góp phần nối tiếp truyền thống kiên trung bất khuất của quê hương Củ Chi đất Thép"*.

Trước lúc chia tay, tôi may mắn được gặp má Tư vừa đi chợ về. Má Tư nguyên là Chủ tịch Hội Phụ nữ xã và

là cơ sở cách mạng tại chỗ. Má có 2 con trai đều là liệt sĩ trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Má sống với một cháu ngoại lên 8 tuổi, làm niềm vui của tuổi già. Má nghẹn ngào nói: *"Mặc dù sống trong. Ấp chiến lược, cảnh cá chậu chim lồng nhưng bà con ở đây vẫn một lòng kiên trung với cách mạng, luôn hướng về Thủ đô Hà Nội, hướng về Cụ Hồ với niềm tin tất thắng, kháng chiến sẽ thành công, nước nhà sẽ thống nhất, Nam Bắc một nhà, thỏa lòng mong ước của toàn dân tộc"*.

Trên đường về căn cứ Tuyên huấn Trung ương Cục (khu căn cứ Dương Minh Châu - Tây Ninh), tôi miên man suy nghĩ, lắng đọng trong lòng tình cảm khôn nguôi, thương mến khôn cùng bà con ta còn phải sống trong cảnh *"cá chậu chim lồng"* nơi ngột ngạt ấy. Có đi, có đến vùng sâu, vùng tranh chấp, nơi địch còn tạm chiếm, mới được mục kích sở thị: "*lòng dân với Cách mạng, với sự nghiệp kháng chiến cứu nước, lòng dân với Cụ Hồ vô vàn tôn kính!*".

Mặt khác, qua gặp gỡ bà con tại chỗ tôi cảm nhận về một thực tiễn sinh động với ý tưởng cách mạng tiến công. Đó là hình ảnh má Ba, má Tư và bác Bảy, chỉ mấy nét chấm phá trên bức tranh quê toàn cảnh, hội đủ gam màu về một mô hình thu nhỏ *"lực lượng vũ trang"* hiện ra khá rõ nét: Hai con trai của bác Bảy là bộ đội Cụ Hồ, là chủ lực miền, là bộ đội địa phương huyện; con gái má Ba là dân

quân du kích được tuyên dương *"chiến sĩ vẻ vang"* và kể cả cháu trai 15 tuổi đã bị bắt làm dân vệ, phải mang "súng Mỹ mà lòng ta". Quả thật là một thế trận *"chiến tranh nhân dân"* đích thực, tuy còn manh nha nhưng sớm xuất hiện dưới vòm trời phía Nam Tổ quốc. Đó là tiền đề tươi sáng, mở ra khả năng phối hợp giữa lực lượng vũ trang với quần chúng nhân dân tại chỗ, vùng lên phá banh, phá rã. Ấp chiến lược của địch, tiến lên đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng quê hương đất nước, thực hiện độc lập dân tộc và thống nhất đất nước!

THẦM LẶNG CHÚC *"CỤ HỒ MUÔN TUỔI"*

Rời căn cứ Trường Đảng của Thành ủy đóng ở căn cứ Nhị Long - Càng Long, tôi đến trạm giao liên ở Cầu Ngang - Trà Vinh và đi xe lam về đến phà Mỹ Thuận đã 3 giờ chiều. Tôi và cô Út giao liên đi lạc nhau tại phà Mỹ Thuận, do tôi dừng lại mua quà ở bến phà, gây trễ nải và dẫn đến phải chờ đôi nhau, nửa giờ sau mới gặp lại, cùng đi xe đò về bến xe Hồng Ngự thì trời đã sập tối.

Trên đường đi, cô giao liên bấm tay tôi nói khẽ: "Ở lại Hồng Ngự, sáng mai đi sớm". Biết vậy, tôi theo cô giao liên đi bộ từ bến xe Hồng Ngự cũng có cái hay của nó, nhưng không ít phức tạp, phải ăn ngủ thế nào đảm bảo an toàn để kịp về Sở Thượng, căn cứ mới của T4 tại biên giới Campuchia.

Trên đường đi, nhìn thấy nhà cửa đồng bào ven sông Hồng Ngự đang hối hả khiêng cá đầy xe mắm, vác dầm vào nhà, tôi thấy vui và càng rảo bước nhanh hơn. Cô giao liên đi trước tôi đi theo sau, đến khúc quanh cô lại nói: Sắp đến nhà bác Bảy rồi, anh sẽ nghỉ tại nhà đó. Khi vào đến nhà tôi gặp ngay một tên lính dân vệ mang súng AR15 đi qua mặt tôi mà không chào hỏi gì, làm tôi có phần ái ngại. Cô giao liên cảm thông với tôi, hỏi dân vệ: "Bác Bảy có nhà không cưng?". Cô quay lại nói với tôi con trai bác Bảy đi dân vệ và đến giờ gác ca đêm, nên vội vã đi là vậy. Tôi thấy yên tâm!

Sau bữa cơm tối, bác Bảy đi ngủ sớm, tôi ngồi suy nghĩ miên man lấy thuốc Capstan ra hút. Ngắm cơ ngơi của bác, một ngôi nhà năm gian và hai căn nhà phụ để đầy lu đựng mắm và cá muối, tôi khẳng định bác Bảy thuộc loại khá giả, có thể nói là nhà giàu có ở vùng này. Nếu tôi không nhớ nhầm, tại nhà bác Bảy có hàng chục dãy lu đựng mắm, mỗi lu mắm chứa hàng trăm lít. Nhìn vào gian giữa căn nhà lớn, nơi thờ ông bà thật trang nghiêm: tủ thờ trạm trổ công phu, đỉnh đồng bóng loáng, khói hương nhẹ tỏa. Bất giác, tôi nhìn thấy một bức tranh lụa đã cũ mà vẫn còn rõ nét hình ảnh một cụ già ngồi câu cá, dưới có bài thơ *Tứ tuyệt* vịnh về chủ đề bức tranh (viết bằng chữ quốc ngữ theo chữ Hán. Dưới ánh đèn khuya nhỏ ngọn, tôi dừng lại lâu trước bàn thờ, đọc đi đọc lại từng câu, từng chữ với ý nghĩa thật sâu lắng:

*"**Cụ** già thong thả buông cần trúc*
***Hồ** nước mênh mông mặt nước hồng.*
***Muôn** đóa đài sen hương bát ngát*
***Tuổi** già vui thú với non sông".*

Sáng hôm sau, rời nhà bác Bảy, tôi càng suy nghĩ nhiều về cuộc sống của gia đình bác, khá giả như vậy mà có tấm lòng yêu nước, che chở cán bộ, với niềm tin yêu cách mạng, có con mang "súng Mỹ lòng ta", thầm kín ghi lại bài thơ cầu chúc "CỤ HỒ MUÔN TUỔI".

Một ngày sau về đến Sở Thượng, tôi kể lại câu chuyện này cho học viên nghe và báo cáo cho anh Năm Xuân tức Mai Chí Thọ (Bí thư Thành Ủy). Anh Năm nói: "Nhà anh Bảy là một cơ sở cách mạng đáng trân trọng. Mình đã có một lần nghỉ lại nhà ông Bảy một tối". Về phần mình, tôi coi đó là một chuyến đi có nhiều cảm nghĩ đẹp về gia đình bác Bảy và cảm phục, quý mến các cô giao liên, nhất là cô Út đã nêu cao tinh thần tận tụy phục vụ, linh hoạt, sáng tạo, đảm bảo an toàn cho tôi đi đến nơi đến chốn, làm tốt nhiệm vụ được giao vào những ngày cuối năm 1970.

Thành phố Hồ Chí Minh, Xuân 1995

ĐỀN HÙNG, NƠI BÁC HỒ VỀ THĂM(*)

Vùng đất Tổ Hùng Vương, nơi phát tích cội nguồn dân tộc. Một khung cảnh bao la hùng vĩ của núi Nghĩa Lĩnh, đất Phong Châu hiện ra với những cây thông đại thụ, cây chò cao vút, nhấp nhô trải dài, tiếp giáp sông Thao, sông Lô, sông Đà uốn khúc phù sa.

"Đền Hùng", tên gọi thân quen ấy đã đi vào lòng người dân trên mọi miền đất nước, đến với bà con Việt kiều nghĩa tình sâu lắng. "Quê cha đất Tổ" yêu thương và để lại trong lòng người dân quê hương Vĩnh Phú(1) niềm tự hào chính đáng biết bao!

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mồng 10 tháng 3.

---

* *Văn hóa Văn Lang - hướng về Đất Tổ Hùng Vương*, Hội Khoa học Lịch sử TP. Hồ Chí Minh, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 139 - 151.

1 Nay là tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ.

Khắp miền truyền mãi câu ca
Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm.

Câu ca dao ấy vang vọng từ bao đời nay, đã trở thành tiếng chim gọi đàn, in sâu vào lòng người, khơi dậy tình cảm thiêng liêng hướng về Đất Tổ Hùng Vương. "Cội nguồn dân tộc" với lòng đầy tự hào là "con Rồng cháu Tiên" từ "thời đại Hùng Vương dựng nước" đến thời đại Hồ Chí Minh vinh quang ngày nay.

Núi Nghĩa Lĩnh - Nơi Đền Hùng tọa lạc

Đền Hùng vốn là những cái miếu cổ bằng đá, đến thế kỷ XI - XIII vào thời Lý - Trần được xây dựng tương đối quy mô. Sang thế kỷ XV, giặc Minh xâm lược phá hủy. Đến thời Hậu Lê, đền được khôi phục một phần. Dưới thời Nguyễn, được khôi phục xây dựng tiếp và Lễ hội Đền Hùng được tổ chức long trọng vào thời Hồng Đức (cuối thế kỷ XV). Thời Minh Mạng (1820 - 1840), Đền Hùng không còn hội lớn, bài vị đưa về miếu thờ ở kinh đô Huế. Đến triều Tự Đức (1848 - 1883), Đền Hùng được tu sửa và Lễ hội Đền Hùng mở ra có tính toàn quốc. Những năm tiếp theo, Đền Hùng không ngừng được trùng tu tôn tạo ngày một trang nghiêm và Lễ hội đông vui với tấm lòng tri ân, thành kính. Năm 1874, Tự Đức cho trùng tu đền chính, làm thêm một gian (ở đền chính) và xây dựng cổng Tam quan. Tháng 5/1914, Duy Tân tu sửa nhà Đại

Bái. Năm 1922, Khải Định cho xây lăng Hùng Vương và trùng tu Đền Giếng. Năm 1923 - 1924, Đền bị giặc Pháp đánh phá hư hại gần hết, Khải Định cho phục hồi vào năm 1924. Đặc biệt sau ngày Bác Hồ về thăm Đền Hùng (ngày 18/9/1954, với sự có mặt của Đại đoàn quân Tiên Phong), Chính phủ ta đã tiến hành một đợt trùng tu lớn (1955 - 1956), dựng bia lưu niệm Lời nói Bác Hồ và đặt ở vị trí trang trọng trong nhà Đại Bái. Đến năm 1962 xây dựng thêm khu nhà Công quán và các bậc cấp xuống Đền Giếng. Từ 1986 - 1993, Bộ Văn hóa cho xây dựng thêm Nhà bảo tàng phía sau khu Công quán.

Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, trước bao biến thiên khắc nghiệt, Đền Hùng vẫn giữ được đường nét cổ kính, nghệ thuật kiến trúc độc đáo, mang bản sắc dân tộc. Nổi bật là mỗi công trình đều chứa đựng nội dung huyền thoại hòa lẫn với hiện thực của dòng chảy lịch sử, quá khứ và hiện tại đan xen vào nhau, làm giàu truyền thống văn hóa lâu đời của dân tộc.

Đền Hùng uy nghi, đĩnh đạc tọa lạc trên núi Nghĩa Lĩnh, thuộc địa phận huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú. Khu Đền trải rộng trên một đồi cao 175m so với mặt biển, cách thủ đô Hà Nội hơn 80km về phía Tây Bắc.

Là một vùng đất Tổ, nơi đây các vua Hùng đã thiết lập nhà nước Văn Lang đầu tiên với nền văn hóa Văn Lang từ buổi bình minh của lịch sử dân tộc. Hiện nay có đến

700 thờ tự các vua Hùng, dòng dõi và tướng lĩnh thời vua Hùng, được phân bố thành những khu vực: Thờ Hùng Vương và dòng dõi vua Hùng ở các huyện Phong Châu, Lập Thạch, thị xã Phú Thọ, thành phố Việt Trì. Khu tôn thờ Tản Viên ở các huyện Tam Thanh, Thanh Sơn, Sông Thao. Khu vực tôn thờ Hai Bà Trưng và tướng lĩnh ở các huyện Tam Đảo, Mê Linh, thị xã Vĩnh Yên. Riêng về nơi thờ Lạc Long Quân - Âu Cơ, các vua Hùng và Lạc hầu, Lạc tướng… có đến 600 đình miếu đền thờ lớn nhỏ.

Đền Thượng, Đền Trung, Đền Hạ

Rời đường cái, đến ngã ba đi về hướng Đền Hùng, khách tham quan đi trên con đường đất đỏ như son, dưới rừng cây thông tỏa mát, cổng Đền hiện ra dưới chân núi phía Tây trong ánh nắng vàng mát dịu. Cổng Tam quan cao rộng, trên mái đắp "lưỡng long chầu nguyệt" và trụ đỉnh có đèn lồng và trang trí con nghê nung màu xanh nhạt. Hai bên cửa nổi bật phù điêu hai vệ sĩ sắc phục oai phong cầm đao, cầm chùy túc trực. Phía trên cửa chính có 4 chữ: Cao sơn cảnh hành (Núi cao đường lớn).

Theo con đường ấy qua 525 bậc sẽ đến Đền Thượng nằm trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh. Tục truyền nơi đây Hùng Vương thứ 6 lập đàn cầu trời ban cho người tài ra giúp nước đánh giặc Ân. Sau khi Thánh Gióng đánh tan giặc đã bay về trời, vua Hùng cho lập đền thờ vọng

trên đỉnh núi. Về sau nhân dân đặt thêm bài vị thờ cúng vua Hùng.

ĐỀN THƯỢNG, xây 4 nếp nhà liên hoàn theo 4 cấp cao dần, chênh nhau 1m, gồm có: nhà Chuông Trống, nhà Đại Bái, nhà Tiền Tế, Cung thờ; mỗi nhà rộng từ 3,8m đến 5m để làm nơi thờ phụng, lễ bái, dâng hương các vua Hùng.

Nhà Chuông Trống, nổi lên 4 trụ biểu cao gắn hình con nghê, tường đắp tứ linh, trên mái xây "lưỡng long tranh châu". Trong nhà đặt một trống và một chuông, chuông đồng có niên hiệu Khải Định thứ 2 năm 1917. Trên vòm cung cửa chính ra vào, trang trí phù điêu hai vệ sĩ phương phi túc trực làm nổi bật 4 chữ:

Nam bang triệu Tổ

(Tổ muôn đời của nước Việt Nam)

Nhà Đại Bái, làm theo kiểu quá gian kèo cầu, rộng 5m, nối liền với nhà Chuông Trống, dầm xà trơn thẳng, ghi niên hiệu Duy Tân trùng tu tháng 5/1914. Đặc biệt từ sau ngày 18/9/1954, kể từ ngày Bác Hồ về nói chuyện với đại diện Đại đoàn quân Tiên Phong, câu nói của Bác được khắc trên bia trang trọng và đặt uy nghi giữa nhà Đại Bái, nổi lên dòng chữ tươi màu sắc nét:

Các vua Hùng đã có công dựng nước
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước.

Bên cạnh có nhiều câu đối ca ngợi phong cảnh đất nước như:

Thác thủy khai cơ tứ cố sơn hà quy bản tịch

Đăng cao vọng viễn quần phong la liệt tự nhi tôn.

Có nghĩa:

Mở lối đắp nền bốn mặt non sông chầu về đất nước

Lên cao nhìn rộng, nghìn trùng đồi núi trông tựa đàn con.

Hoặc có câu khẳng định chủ quyền dân tộc:

Thử địa thử sơn Nam quốc tử.

Có nghĩa:

Đất này, núi này bờ cõi nước Nam.

Tại ***Nhà Tiền Tế***, đặt một hương án, có một tráp thờ, bên trong đặt một triện gỗ hình vuông, khắc 4 chữ: "Hùng Vương tứ phú". Tại đây có 3 bức hoành phi, trong đó có câu:

Quyết sơ dân sinh.

Có nghĩa:

Dân sinh là điều quyết định đầu tiên.

Tại Cung thờ đặt cỗ long ngai, thờ Tiên Dung và Ngọc Hoa. Theo dân gian truyền tụng, Hùng Vương thứ 18 trước khi nhắm mắt đã căn dặn dân làng: "Ta chỉ có

hai Mỵ Nương, dân làng hãy thờ con ta bên cạnh để con ta được mãi mãi bên ta".

ĐỀN TRUNG cách Đền Thượng 102 bậc, là nơi các Vua Hùng thường tổ chức các nghi lễ tế trời đất, thần Núi và thần Lúa. Ngôi đền nhìn về hướng Nam, có 3 gian, 3 cửa hẹp và thấp đều có ý nghĩa của nó: người ra vào phải cuối xuống để tỏ rõ sự thành kính của mình. Theo lời kể của các bô lão địa phương thì Đền Trung có sớm nhất, do dòng họ Triệu xây dựng từ thuở xa xưa để thờ các vua Hùng. Từ những vết tích ngói lợp, mảnh bệ thờ bằng đất nung và 9 tảng đá kê chân cột còn nằm rải rác ở Đền Trung, có cơ sở xác định ngôi đền xuất hiện từ thời Lý - Trần (thế kỷ XI - XIII).

Đền Trung thờ phụng các vua Hùng và dòng dõi, có cả bệ thờ Công chúa Tiên Dung, Ngọc Hoa. Theo tương truyền, Đền Trung là nơi các vua Hùng và Lạc hầu thường đi lại ngắm cảnh và bàn việc nước với các Lạc tướng. Chính nơi đây, Lang Liêu đã dâng hiến vua cha những chiếc bánh chưng, bánh giầy do mình làm ra. Về sau, vua Hùng thứ 6 đã truyền ngôi cho Lang Liêu cũng tại nơi đây. Đền Trung được gọi là một trung tâm nước Văn Lang thuở trước.

Tại gian giữa Đền Trung còn treo bức đại tự:

Hùng Vương Tổ miếu (Miếu thờ Hùng Vương)

Gian bên phải, một bức:

Triệu Tổ Nam bang (Tổ muôn đời của nước Nam)

Gian bên trái, một bức:

Hùng Vương linh tích (Vết tích linh thiêng của vua Hùng).

ĐỀN HẠ cách Đền Trung 168 bậc thềm. Đền xây dựng kiểu chữ nhị 3 gian và lợp ngói hoa văn thông dụng, phù điêu voi ngựa thời ấy. Các bệ thờ, bài vị và long ngai cũng giống như Đền Trung.

Theo dân làng kể lại, Đền Hạ xây dựng trước cửa chùa, tạo thành một kết cấu "tiền Thánh hậu Phật". Nhưng về sau, khi có sự tích bà Chúa Chè (tương truyền là vợ Chúa Trịnh) lên cầu tự ở chùa, về sinh một con trai, đã làm lễ tạ ơn trả nghĩa chùa một cỗ kiệu. Từ đó dân làng cho chuyển dịch Đền Hạ sang vị trí mới như hiện nay. Sự tích này chưa có cơ sở khẳng định nhưng trước sân chùa vẫn nổi lên vết tích của một nền nhà khá lớn chừng 400 - 500m^2. Còn cỗ kiệu đã chuyển sang thờ ở một xã khác (xã Sơn Vi), nước sơn nguyên thủy vẫn còn.

Tương truyền rằng, Đền Hạ là nơi Âu Cơ đã sinh ra bọc trăm trứng, nở thành trăm con. Hiện nay Đền Hạ vẫn còn thờ 2 hòn đá tròn, đường kính khoảng 40cm đặt giữa các long ngai, tượng trưng cho bọc trứng của bà Âu Cơ.

Lăng mộ các vua Hùng

Lăng vua Hùng nằm cạnh trái Đền Thượng. Lăng Hùng Vương rộng chừng 50m^2, nằm trên khoảng đất cao rợp bóng cây xanh. Lăng nhìn về hướng Đông Nam, kiến trúc theo hình khối vuông, trên có cổ diêm 8 mái, đỉnh chóp đắp hình rồng uốn lượn, nổi lên 3 chữ khắc chìm: *Hùng Vương Lăng* (Lăng Vua Hùng).

Trên mỗi mặt tường đều đắp mặt hổ phù, thành bậc đắp kỳ lân, cửa chính của lăng nổi lên 2 câu đối đã có từ ngày nào, nói lên lòng thành kính tri ân của con cháu khắp cả nước đối với Tổ tiên:

Lăng tẩm tự năm nào, núi Tản sông Đà, non nước vẫn quay về đất Tổ.

Văn minh đương buổi mới, con Hồng cháu Lạc, giống nòi còn biết nhớ mồ Ông.

Trong lăng là mộ. Mộ xây hình khối chữ nhật, dài 1,3m, rộng 0,8m, cao 1m. Ngay đầu mộ, một tấm bia nổi lên 2 chữ: *Biểu chính* (Lăng chính).

Tương truyền rằng, sau khi đánh đuổi giặc Ân, Hùng Huy Vương đã cởi áo giáp vắt lên cây bên cạnh miếu thờ thần rồi hóa ở đó. Truyền thuyết còn ghi lại rằng, trước khi băng hà Hùng Huy Vương căn dặn: "*Sau khi ta chết, hãy đem chôn ta trên núi Cả (núi Nghĩa Lĩnh). Ở đó ta còn trông nom bờ cõi cho con cháu sau này*". Người thời ấy đã

làm theo di chúc của Huy Vương, đem thi hài nhà vua mai táng cạnh Đền Thượng.

Theo Ngọc phả Đền Hùng đã ghi rõ: Mộ Tổ Hùng Vương đặt trên núi Nghĩa Lĩnh. Nhưng tương truyền còn cho rằng, lăng Hùng Vương do nhân dân ta xây dựng để thờ vọng, tưởng nhớ Tổ tiên (như Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Vĩnh Phú viết về Đền Hùng năm 1980).

Dưới thời Lê Hiển Tông (1740 - 1786), *Danh tích thi tập* đã ghi: "*Cựu trung cao phong bá*", có nghĩa: *Mộ cũ ở lưng đồi*", giúp hậu thế ngày nay có cơ sở hiểu thêm lăng mộ Hùng Vương thứ 6.

Lăng vua Hùng, đặt nơi mộ Tổ, có thể nhìn bao quát toàn cảnh kinh thành Nhà nước Văn Lang xa xưa. Với rêu phong cổ kính, lăng mộ vua Hùng nói lên đạo lý nhân nghĩa dân tộc, sản sinh của nền văn hóa Văn Lang - Đại Việt từ thuở xa xưa và ngày càng sâu lắng vào lòng người hiện nay đang sống trên mọi miền đất nước.

Chùa, Tam Quan, Đền Giếng

Chùa và Tam Quan nằm trong khu vực đền thờ, ở về phía bên phải của Đền Hùng. Chùa làm theo kiểu chữ công. Tiền đường 5 gian, chính giữa là tam bảo 3 gian, trên cao treo bức hoành phi mang dòng chữ:

Thiên Quang thiền tự (Chùa Thiên Quang).

Chùa thờ Phật, theo phái Đại thừa. Hai gian bên phải thờ Thánh hiền và Hộ pháp, nổi bật lên pho tượng Thánh tăng tạc đứng. Ngoài ra, chùa còn thờ Thổ địa trông coi toàn bộ đất đai nhà chùa được tạc ngồi trên bệ, dáng hiền từ như một cụ già làng.

Hai bên trái nhà chùa có tượng Nam Tào - Bắc Đẩu ngồi chầu, bên cạnh là Hộ pháp khuyến thiện, phía trên là tượng Quan Âm và cạnh đó một tấm bia ghi công đức Phật tử xây dựng chùa.

Đặc biệt, các tượng được sắp xếp khá hợp lý tại chính điện và tam bảo: Hàng đầu tiên là Tam thế, tiếp đó là Phật Tổ tạc đứng trên bệ hoa sen. Hai bên có Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát. Kế tiếp là pho tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay. Pho tượng tiếp đó là Thích Ca sơ sinh. Thích Ca đứng giữa một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất với ý nghĩa "*Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn*". Xung quanh tượng có 9 con rồng phun nước. Hàng cuối cùng là hai pho tượng tạc ngồi Đế Thiên và Đế Thích, hai vị hộ trì Thích Ca hành đạo.

Trước cửa chùa có hai cây tháp hình trụ, 4 tầng, trên nóc đắp hoa sim, lòng tháp xây rỗng; phía trong có một bát hương và một tấm bia nhỏ ghi tên những vị Hòa thượng đã tu và tịch tại đây.

Đặc biệt chùa này có cây vạn tuế cứ 2 năm thì có thêm một vòng lá và tuổi thọ của cây vạn tuế chừng 700 - 800 tuổi.

Tam Quan ngay trước mặt chùa, 3 gian, 2 mái. Lòng Tam Quan rộng 7m, mái hiên cao 2,1m. Trên mái hiên chạm nổi cảnh trời mây, sơn thủy và đắp "lưỡng long chầu nguyệt", mang dáng dấp thời Lê. Bên trái Tam Quan có tấm bia hướng dẫn: "Đường lên núi Hùng".

Chính nơi đây, ngày 18/9/1954, bên gốc cây vạn tuế, Bác Hồ đã nói chuyện với đại diện đoàn quân Tiên Phong trước ngày tiếp quản Thủ đô Hà Nội, đã trở thành Khu lưu niệm Bác Hồ tại Đền Hùng.

Đền Giếng nép mình dưới chân núi Nghĩa Lĩnh, làm theo kiểu chữ công. Từ sân lên tiền sảnh 3 gian rộng 4m và 3 cửa chính. Trên mái đắp Tứ linh - long, lân, quy, phụng; ở chính giữa có bệ thờ Nam Tào - Bắc Đẩu. Phía bên trái của đền treo một quả chuông nhỏ, đường kính 35cm, cao 55cm, đặt trên giá bằng gỗ. Chính giữa tiền sảnh là 3 bức đại tự đặt trên nền màu lam, viền vàng rõ nét:

Ẩm thủy tư nguyên (Uống nước nhớ nguồn)

Nam quốc anh hoàng (Anh hùng nước Nam)

Sơn thủy kim ngọc (Núi sông quý báu như vàng ngọc)

Theo nhân dân địa phương kể lại, từ cuối thế kỷ XIX, ở đây đã có một giếng nhỏ trên nền đá xếp, một miếu lá đặt bát hương thờ. Vốn là cái miếu thờ được thần thoại hóa từ sự tích hai con gái vua Hùng thứ 18 là Tiên Dung và Ngọc Hoa khi chưa lấy chồng thường ra giếng rửa mặt,

soi bóng, chít khăn. Sau ngày Tiên Dung lấy Chử Đồng Tử, Ngọc Hoa lấy Sơn Tinh thì hai cặp vợ chồng này đều hóa thành tiên. Người thời xưa lập đền bên giếng.

Từ đó, trước bệ thờ, ở giữa đền có một giếng Ngọc gọi là Ngọc Tỉnh. Giếng sâu 2,5m, thường xuyên nước trên 1m và đường kính 0,9m. Giếng nước trong vắt soi bóng hình du khách, gợi cho họ bao điều thích thú trước khung cảnh thoáng mát tại đền và càng trân trọng về hai cuộc tình duyên thần thoại nêu trên.

Rời Đền Hùng, các thành viên trong đoàn đều thấy reo vui trong lòng về chuyến hành hương lý thú, bổ ích. Về với Đất Tổ Hùng Vương - nơi phát tích cội nguồn dân tộc với nền văn hóa Văn Lang sơ khai, anh chị em trong đoàn đều ý thức về vùng đất Tổ, tiền đề sâu xa hình thành vùng đất mới phương Nam, nơi chúng ta đang sống, đang phục vụ sự nghiệp đổi mới hiện nay.

NHỮNG CHIẾN CÔNG RỰC RỠ, CHIẾN THẮNG VẺ VANG CỦA QUÂN DÂN TA TRÊN CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM, GÓP PHẦN MINH HỌA CHO CÂU NÓI SÁNG NGỜI CHÂN LÝ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH: "KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO"

CHIẾN THẮNG HOÀI ĐỨC - BẮC RUỘNG, BÌNH THUẬN(*)

Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng đã đi vào lịch sử như một "chiến công thầm lặng"(1), đến nay vừa tròn 33 năm (31/7/1960 - 31/7/1993).

Lùi xa thời gian, nhìn về Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng, nổi lên bài học thực tiễn quý giá:

Đoàn kết Kinh - Thượng, đấu tranh kiên cường, bất khuất của đồng bào các dân tộc, với ý chí giải phóng quê hương đất nước của quân dân Bình Thuận được nhân lên từ chủ trương, chính sách, Nghị quyết đúng đắn của Đảng

* Bài in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Kỷ niệm 33 năm Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng (31/7/1960 - 31/7/1993)* do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Thuận tổ chức tại thị xã Phan Thiết, xuất bản năm 1993.

1 Thiếu thông tin tuyên truyền rộng rãi.

và sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ tỉnh, lập nên "Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng" năm xưa!

Kể từ năm 1957, ngụy quyền Sài Gòn tăng cường bộ máy quản lý hành chánh các cấp, ra sức kìm kẹp nhân dân địa phương và đánh phá phong trào cách mạng trong tỉnh Bình Thuận hết sức ác liệt. Tháng 1/1957, chúng thành lập tỉnh Bình Tuy gồm 3 huyện Hàm Tân, Tánh Linh, Hoài Đức và thị xã Lagi.

Từ đó trở đi, ngụy quyền Sài Gòn không ngừng đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, kết hợp với càn quét khủng bố, vây ráp dồn dân, dí súng vào lưng, lùa đồng bào vào khu tập trung. Chúng bày ra chiến dịch "Thượng du vận", thực chất là gây chia rẽ đồng bào dân tộc, nhằm đánh phá cơ sở cách mạng ở miền núi, thực hiện âm mưu "lấy người dân tộc trị người dân tộc". Chúng đã dùng quân đội, cảnh sát mở chiến dịch càn quét vào căn cứ của ta, càn đến đâu chúng lùa hết dân đến đó vào các khu tập trung ở Hàm Thuận, Di Linh. Đến cuối năm 1959, đồng bào ở vùng núi phía Tây Bình Thuận, huyện Tánh Linh, các xã Thanh Hòa, Mỹ Hòa, Bình Hòa đều bị chúng dồn hết dân vào các "Khu dinh điền" Bắc Ruộng, thực chất là một khu tập trung gồm toàn đồng bào dân tộc từ các nơi bị cưỡng bức vào đây. Chúng còn tăng cường bộ máy kìm kẹp trong "Khu dinh điền", đẩy mạnh việc tổ chức mạng lưới tề,

điệp, xây dựng đồn bót và tiến hành tố cộng, chống cộng hết sức tàn bạo như ở đồng bằng[1].

Trước cuộc sống cơ cực, vốn đã thiếu cơm lạt muối trong thời gian bị giặc càn bố vây ráp, lại tiếp tục sống ngột ngạt trong "Khu dinh điền", đồng bào các dân tộc không ngừng đoàn kết đấu tranh chống lại chúng quyết liệt: không chịu sống tập trung, không chịu lập tề, một số gia đình đồng bào đã trốn vào rừng sâu tìm cách đánh trả địch. Nhiều đồng bào dân tộc và cán bộ người Kinh trong huyện Tánh Linh đã kiên quyết đấu tranh với địch, nêu cao dũng khí đấu tranh như đồng chí Thanh (cán bộ dân tộc thiểu số), đồng chí Đỉnh (cán bộ người Kinh) bị giặc tra tấn đến chết vẫn không khai báo, khuất phục giặc. Dũng cảm ngoan cường như anh Săng, một thanh niên người dân tộc đã chửi vào mặt kẻ thù: *"Tao thà chết chứ không sống chung với bọn mày"*. Anh đã tự rạch bụng mình trước mặt kẻ thù và hy sinh vô cùng anh dũng.

Lãnh đạo tỉnh đã theo dõi tình hình và kịp thời chỉ đạo đấu tranh có lý, có lẽ và hợp pháp của quần chúng. Phong trào được duy trì và từng bước đưa phong trào tiến lên đấu tranh trực diện với địch, nhằm giành lại quyền lợi thiết thân cho đồng bào: chống càn quét, chống dồn dân, chống cướp bóc; bảo vệ sản xuất và tài sản của bà con. Đồng thời lãnh đạo tỉnh không ngừng chăm lo việc

1 Trích *Báo cáo Tổng kết trận đánh Hoài Đức - Bắc Ruộng.*

tổ chức sản xuất và đời sống của đồng bào, xây dựng cơ sở cách mạng, đi đôi với việc tổ chức lực lượng vũ trang mà che giấu hoạt động vũ trang, củng cố căn cứ địa, sẵn sàng chiến đấu khi tình thế cho phép.

Nhờ đó "Khu dinh điền" Bắc Ruộng sớm có cơ sở bí mật, phát triển lực lượng trung kiên nòng cốt, giữ được mối liên hệ với quần chúng, đưa hoạt động đấu tranh công khai hợp pháp với địch. Tinh thần đấu tranh chống kìm kẹp của địch và đấu tranh đòi về làng cũ của đồng bào ngày càng rộng mạnh trong khu tập trung.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy nhận được chỉ thị của Trung ương Đảng về *"Nhiệm vụ trước mắt ở Tây Nguyên"* (Thu năm 1958). Chỉ thị nêu rõ: *"Giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng của ta ở miền núi, tạo điều kiện đón thời cơ, tranh thủ chủ động trong mọi tình thế để giành thắng lợi"*[1].

Tình hình và nhiệm vụ cách mạng đang đặt ra cấp bách. Phong trào đấu tranh của quần chúng ở địa phương càng sôi sục. Vào thời điểm này, cuộc nổi dậy đấu tranh giành quyền làm chủ của nhân dân huyện Bác Ái - Ninh Thuận bùng lên mạnh mẽ trong tháng 2/1959. Cuộc khởi nghĩa của nhân dân huyện Trà Bồng - Quảng Ngãi nổ ra thắng lợi ở vùng cao tháng 8/1959, khuấy động mạnh

1 Viện Sử học, *Những sự kiện Việt Nam,* Hà Nội.

phong trào đấu tranh đối với các tỉnh của Khu V và cực Nam Trung Bộ. Chiến thắng Tua Hai ngày 26/1/1960 ở Tây Ninh đã thúc đẩy phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam và tạo ra một vùng căn cứ địa rộng lớn và vững chắc của Trung ương Cục miền Nam[1]. Xa hơn là, cuộc Đồng khởi ở Bến Tre tháng 1/1960, nhân dân đã vùng lên khởi nghĩa diệt ác phá kìm, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch ở cơ sở và giành quyền làm chủ nhiều vùng nông thôn trong tỉnh, mở ra xu thế tiến công địch trên quy mô lớn trong toàn miền[2].

Trận đánh vào Chi khu quận lỵ Hoài Đức - "Khu dinh điền" Bắc Ruộng đặt trong bối cảnh đó, trong xu thế đó, không thể không chịu sự tác động tích cực đối với tinh thần đấu tranh cách mạng của đồng bào dân tộc và quân dân Bình Thuận.

Song điều có ý nghĩa quyết định của thắng lợi là nhân tố nội tại bên trong: nguyện vọng bức xúc của đồng bào dân tộc đến độ đấu tranh quyết liệt với địch, sự sống còn của quần chúng nhân dân địa phương trước hành động đánh phá tàn bạo của địch; tinh thần quyết tâm cao và nỗ lực lớn của quân dân Bình Thuận nói chung và ý chí quyết thắng kẻ thù của lực lượng vũ trang nói riêng luôn sẵn sàng. Tại "Khu dinh điền" đã có hàng mấy chục cơ sở cách

1 Viện Sử học, *Những sự kiện Việt Nam,* Sđd.
2 Viện Sử học, *Những sự kiện Việt Nam,* Sđd.

mạng và mấy trăm lực lượng nòng cốt càng tích cực chuẩn bị mọi mặt, diệt ác phá kìm, nhằm hợp đồng với lực lượng vũ trang đánh mạnh vào chi khu quận lỵ của địch.

Tình hình khẩn trương và bức xúc đó như thôi thúc quân dân địa phương tiến lên đập tan bộ máy kìm kẹp của địch ở Chi khu Hoài Đức, hỗ trợ cho hàng nghìn đồng bào nổi dậy phá banh "Khu dinh điền" Bắc Ruộng để trở về nơi cũ, sớm ra khỏi địa ngục trần gian khốn khổ ấy.

Là một chiến trường rộng lớn, khó khăn gian khổ và ác liệt của chiến tranh ngày càng nhiều, quân dân Bình Thuận đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách ác liệt, đã đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng, đã lập nên chiến công đầu, có tầm vóc lớn ở Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ: Tiêu diệt Chi khu quận lỵ Hoài Đức "Khu dinh điền" Bắc Ruộng, giải phóng hơn 5.000 đồng bào dân tộc về lại căn cứ an toàn (31/7/1960).

Ý nghĩa thực tiễn của cuộc chiến thắng càng sâu sắc

* Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng đã tạo nên một bước ngoặt lịch sử đối với phong trào cách mạng địa phương, mở rộng căn cứ địa miền núi của tỉnh, phát triển cơ sở thuận lợi lên hướng Lâm Đồng, tiến xuống đồng bằng phá kìm, phát động quần chúng giành dân,

giành quyền làm chủ, mở đầu phong trào Đồng khởi của tỉnh Bình Thuận, xây dựng và phát triển nhanh chóng lực lượng vũ trang của địa phương.

Lãnh đạo tỉnh đã chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, vận dụng tốt phương châm đấu tranh vũ trang hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, mở được phong trào, tạo bước phát triển nhảy vọt như nhận định của đồng chí Đinh Trung, Bí thư Tỉnh ủy là hoàn toàn đúng[1]: *"Trận đánh Bắc Ruộng là trận đánh mở đầu đấu tranh vũ trang hỗ trợ đấu tranh chính trị, thực hiện thắng lợi theo phương châm đấu tranh cách mạng mới của Nghị quyết 15 Trung ương ở Bình Thuận".*

Từ đấu tranh chính trị bằng phương pháp hòa bình một chiều chuyển sang đấu tranh vũ trang, dùng bạo lực cách mạng của quần chúng chống lại bạo lực phản cách mạng của địch, tạo một bước ngoặt lịch sử đối với phong trào cách mạng địa phương, gây ảnh hưởng chính trị rộng lớn đối với cực Nam Trung Bộ, như nhận xét của đồng chí Thiếu tướng Phạm Hoài Chương là đúng[2].

* Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng đã đáp ứng yêu cầu bức xúc, nguyện vọng sâu xa của đồng bào là được sống trong độc lập, tự do của Tổ quốc. Đồng thời phù hợp với nhiệm vụ xây dựng lực lượng cách mạng ở Tây Nguyên

1 Phát biểu khai mạc tại Hội thảo khoa học.

2 Trích *Báo cáo tổng kết trận đánh Hoài Đức - Bắc Ruộng.*

như chỉ thị về "Nhiệm vụ trước mắt ở Tây Nguyên" của Đảng đã đề ra từ mùa Thu năm 1958.

Chiến thắng có ý nghĩa chiến lược nêu trên đã làm thất bại thảm hại âm mưu của Mỹ - ngụy chia rẽ dân tộc, chia rẽ Kinh - Thượng. Cái gọi là "Chiến dịch Thượng du vận" cũng bị vạch trần thực chất phản động của chúng.

* Với hơn 5.000 đồng bào dân tộc được giải phóng, đưa trở về đều khắp căn cứ. Đảng bộ địa phương đã nhanh chóng ổn định nơi ăn ở của đồng bào, tinh thần đoàn kết tương trợ "nhường cơm sớt muối" không ngừng nẩy nở, đậm đà tình dân tộc nghĩa đồng bào trong quần chúng nhân dân. Lãnh đạo huyện đã kịp thời tổ chức sản xuất, xây dựng và phát triển phong trào du kích chiến tranh, bảo vệ cuộc sống và sẵn sàng chiến đấu. Từ đó căn cứ địa miền núi của tỉnh được mở rộng đến hàng nghìn cây số vuông, tuyến bố phòng được nối dài, hậu phương có thêm nguồn nhân tài vật lực để đẩy mạnh kháng chiến.

Đồng thời tỉnh đã thành lập thêm huyện Hoài Đức, đa phần đồng bào dân tộc từ "Dinh điền Bắc Ruộng" trở về với huyện Di Linh thành hai huyện giải phóng của tỉnh, là căn cứ địa ở miền núi, là ngọn cờ đoàn kết dân tộc chống Mỹ cứu nước của quân dân Bình Thuận.

Đó là bài học thực tiễn quý giá, không chỉ có ý nghĩa trong thời kỳ kháng chiến mà còn là bài học thực tiễn sinh

động, mang tính thời sự nóng bỏng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ xã hội chủ nghĩa trên quê hương Bình Thuận đổi mới.

Sau 33 năm nhìn lại, Hoài Đức - Bắc Ruộng nói riêng và Bình Thuận nói chung từng bước đi lên, khối đoàn kết dân tộc Kinh - Thượng không ngừng củng cố và phát triển trên cơ sở kinh tế - xã hội ngày càng tiến bộ rõ rệt, trước sự nghiệp đổi mới của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

Hội thảo khoa học mở ra trong ngày Kỷ niệm lần thứ 33 ngày Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng, do lãnh đạo tỉnh tổ chức trân trọng hôm nay, tưng bừng niềm vui, chan chứa nghĩa tình sâu nặng của những người đang sống: *"Uống nước nhớ nguồn"*. Đó là đạo lý nhân nghĩa của dân tộc ta, lẽ sống thủy chung của nhân dân ta, nhân cách cao quý của Bác Hồ vô vàn tôn kính! Mỗi người càng ý thức sâu sắc về nghĩa vụ của mình hơn và biểu hiện nghĩa tình sâu nặng đó trong hoạt động thực tiễn xây dựng Đảng bộ vững mạnh; làm tốt nghĩa vụ công dân trong cuộc sống mới hiện nay.

CHIẾN THẮNG BÌNH GIÃ - BÀ RỊA VŨNG TÀU(*)

Trong quá trình đấu tranh cách mạng giải phóng, phong trào cách mạng ở miền Nam có những bước phát triển nhảy vọt: phong trào Đồng khởi (1959 - 1960) mở ra xu thế tiến công địch trên toàn miền; Chiến thắng Ấp Bắc đầu năm 1963, đánh bại chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận" của Mỹ trên chiến trường đồng bằng Nam Bộ; Chiến thắng Bình Giã trong Đông Xuân 1964 - 1965, góp phần quan trọng làm thất bại "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ ở miền Nam.

* Tham luận tại Hội thảo Khoa học "Kỷ niệm 30 năm Chiến thắng Bình Giã (3/1/1965 - 3/1/1995)" do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức tại TP. Vũng Tàu, tháng 3/1995.

Chiến thắng Bình Giã có một ý nghĩa chiến lược quan trọng, đánh dấu sự phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam.

Một số tham luận tại Hội thảo khoa học hôm nay đã đề cập đến nguyên nhân và bài học kinh nghiệm khá đầy đủ, góp phần đánh giá đúng tầm vóc của chiến công và ý nghĩa chiến lược "Chiến thắng Bình Giã" ngày 3/1/1965, trên địa bàn Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thiết tưởng cũng nên nêu rõ mấy nguyên nhân sau đây, có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, tác động tích cực thúc đẩy quân dân miền Đông Nam Bộ đánh mạnh, đánh thắng chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ ở miền Nam:

1. ***Sự lãnh đạo và chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quân ủy miền đối với chiến trường miền Nam nói chung và Chiến dịch Đông Xuân 1964 - 1965, với quyết tâm đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" nói riêng là chuẩn xác, kịp thời và sáng suốt.***

Từ sau cuộc đảo chính của ngụy quyền Sài Gòn ngày 1/11/1963, chế độ độc tài phát xít Ngô Đình Diệm sụp đổ, chưa quá 3 tháng, ngày 30/1/1964 Nguyễn Khánh làm đảo chánh lật đổ Dương Văn Minh. Thế lực độc tài quân sự do tướng Khánh cầm đầu, nắm lấy ngụy quyền Sài Gòn hòng cứu vãn nguy cơ sụp đổ chế độ phản nước hại dân của chúng ở miền Nam.

Vào thời điểm này, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp tháng 12/1963 bàn về phương hướng và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam, nhằm đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Hội nghị đã nhận định: "Chúng ta cần phải và có khả năng kiềm chế và thắng địch" trong loại "Chiến tranh đặc biệt" đồng thời phải sẵn sàng đối phó nếu địch liều lĩnh gây ra "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam. Hội nghị nhấn mạnh: *"Một mặt phải thấu suốt phương châm chiến đấu lâu dài, nhưng mặt khác phải tranh thủ thời cơ để giành thắng lợi trong thời gian tương đối ngắn"*[1].

Tháng 3/1964, tại Hội nghị chính trị đặc biệt họp ở thủ đô Hà Nội, Hồ Chủ tịch đã đọc bản báo cáo quan trọng. Người đã đánh giá "*10 năm qua ở miền Nam là 10 năm đấu tranh oanh liệt, 10 năm thắng lợi vẻ vang. Suốt 20 năm trời đồng bào miền Nam ta đã không ngừng đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc. Hết chống thực dân Pháp lại chống đế quốc Mỹ, lực lượng yêu nước miền Nam đã vượt mọi gian khổ, khó khăn, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng. Thật xứng đáng với danh hiệu "Thành đồng Tổ quốc*". Người chỉ rõ: "*Tình hình ở miền Nam hiện nay chứng tỏ một cách rõ rệt sự thất bại không thể tránh khỏi của đế quốc Mỹ trong cuộc "Chiến tranh đặc biệt" này. Cuộc "Chiến tranh đặc*

1 Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện sử học, *Việt Nam - Những sự kiện 1945 - 1986,* tr. 224.

biệt" mà chúng đang thí nghiệm ở miền Nam Việt Nam đã thất bại, thì chúng cũng sẽ thất bại ở bất kỳ nơi nào khác". Người kêu gọi: "*Phải hết lòng ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam. Mỗi người phải hăng hái lao động và công tác, góp phần thiết thực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà*"[1].

Ngày 25/9/1964, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp, đã phân tích tình hình miền Nam về mọi mặt và chỉ rõ: "*Ở miền Nam, trên cơ sở nắm vững quan điểm trường kỳ, cần động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân tập trung mọi khả năng, lực lượng để giành một bước thắng lợi quyết định trong một thời gian tương đối ngắn*"[2].

Tháng 10/1964, Hội nghị Trung ương Cục miền Nam đã nêu rõ: "*Thời gian qua, ta đã phá được kế hoạch Staley - Taylor, đưa phong trào cách mạng tiến lên mạnh mẽ. Với kinh nghiệm và quyết tâm đã có, lại được sự chi viện của miền Bắc, chúng ta có khả năng không những đánh bại kế hoạch Mc Namara, mà còn có thể tranh thủ thời cơ phát triển phong trào và thực lực của ta, tiến tới đánh tiêu diệt từng bộ phận quân địch, phá rã về cơ bản hệ thống. Ấp chiến lược, làm chuyển biến so sánh lực lượng, tiến lên*

1 *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 9, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1989, tr. 670 - 690.

2 Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện sử học, Việt Nam - Những sự kiện (1945 - 1986), tr. 233.

giành thắng lợi quyết định". Trung ương Cục còn chỉ rõ: "*Phải khẩn trương xây dựng thực lực ta, đặc biệt là xây dựng lực lượng vũ trang 3 thứ quân, tạo ra những điều kiện cần thiết có thể mở ra cục diện to lớn cho phong trào, tiến lên giành thắng lợi quyết định*"[1]. Hội nghị đã thông qua kế hoạch Đông Xuân 1964 - 1965 của Quân ủy và Bộ Tư lệnh miền, mở "Chiến dịch mùa khô" tấn công quân chủ lực của địch tại chiến trường miền Đông Nam Bộ.

Trên cơ sở đó, Quân ủy và Bộ Chỉ huy miền đã xác định quyết tâm: "*Trước mắt tiếp tục tiến công, tiêu diệt và làm tan rã các đơn vị bảo an, dân vệ, biệt kích và các lực lượng bán vũ trang của địch, phá. Ấp chiến lược hỗ trợ đắc lực cho đấu tranh chính trị của quần chúng. Đồng thời nâng cao dần mức tác chiến của chủ lực, tiến tới đánh tiêu diệt làm tan rã từng bộ phận chủ lực của địch, không ngừng nâng cao trình độ đánh vận động chiến của chủ lực ta ở các địa bàn chiến lược, tiến tới làm cho vai trò của vận động chiến giữ địa vị quyết định*"[2], với quyết tâm đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của chúng.

Nội dung tư tưởng, quan điểm chỉ đạo và lãnh đạo của Đảng biểu hiện đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng ta được thấu suốt một cách nhuần nhuyễn trong các cấp

1 *Chiến dịch tiến công Bình Giã Đông Xuân 1964 - 1965,* Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam xuất bản, 1988, tr. 6.

2 *Chiến dịch tiến công Bình Giã Đông Xuân 1964 - 1965,* Sđd, tr. 6.

lãnh đạo đến cán bộ chỉ huy, chiến sĩ cốt cán và cơ sở cách mạng trung kiên trên chiến trường miền Nam. Đó là niềm tin và sức mạnh thôi thúc quân dân ta quyết chiến và quyết thắng Mỹ - ngụy trong "Chiến tranh đặc biệt", như Bác Hồ đã khẳng định: "*Sự thất bại không thể tránh khỏi của đế quốc Mỹ trong cuộc "Chiến tranh đặc biệt" này*"[1].

2. Thực tiễn chiến đấu trên chiến trường miền Nam trong thời điểm này phản ánh quyết tâm cao, nỗ lực lớn của quân dân miền Đông Nam Bộ, nhất là khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, nhằm đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy

Sau 20 ngày Diệm - Nhu bị đối thủ sát hại (2/11/1963), ngày 22/11/1963 Tổng thống Kennơđi bị ám sát, Phó Tổng thống Giônxơn lên thay, tiếp tục theo đuổi chính sách của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Tháng 12/1963, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ McNamara cầm đầu một phái đoàn sang nghiên cứu chiến trường miền Nam và kiểm tra tình hình ở miền Nam. Ngày 9/1/1964, tướng Oétmolen sang Sài Gòn làm phụ tá cho Hakin và thay Hakin cầm đầu Bộ Chỉ huy lực lượng viễn chinh Mỹ ở miền Nam. Tháng 3/1964, Giônxơn đưa ra kế hoạch chiến lược mới, mang tên "*Kế hoạch Giônxơn - McNamara*" bình định miền Nam trong 2 năm (1964 - 1965). Cabốtlốt trở thành cố vấn đặc biệt của Tổng thống Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

1 *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 9, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989, tr. 670 - 690.

Từ đó, số quân Mỹ ngày càng tăng thêm, từ chỗ 10 nghìn lên 16 nghìn quân ở miền Nam. Mỹ còn lôi kéo và thúc ép các nước chư hầu như Nam Triều Tiên, Thái Lan, Úc v.v… đưa quân vào tham chiến ở miền Nam, gây thêm tội ác cho quân dân ta ở miền Nam.

Trước tình hình đó, cho thấy nguy cơ "Chiến tranh đặc biệt" có dấu hiệu thất bại, đồng thời bộc lộ thế yếu, thế bị động đối phó của Mỹ - ngụy. Quân Mỹ vào miền Nam ngày càng đông và ngụy quân tăng lên hơn nửa triệu, được trang bị nhiều binh khí kỹ thuật của Mỹ, nhằm mở rộng chiến tranh xâm lược, đánh phá ác liệt phong trào cách mạng ở miền Nam.

Thấu suốt đường lối chủ trương của Đảng và nhận rõ tình hình, quân dân ta ở miền Nam quyết tâm và nỗ lực lớn đẩy mạnh phong trào đấu tranh vũ trang kết hợp với phong trào đấu tranh chính trị, với khí thế tiến công địch ngày càng rộng càng mạnh trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn và đô thị), làm cho chúng bị động về đối phó và suy sụp về chính trị.

Trong năm 1964, có 9 lần âm mưu đảo chính, trong đó 5 lần thực sự phải "thay ngựa giữa dòng". Từ kế hoạch "bình định nông thôn" 18 tháng của Stalây - Taylo đã phá sản, đến "Kế hoạch Giônxơn - McNamara" bình định miền Nam trong 2 năm bằng quốc sách "Ấp chiến lược" đang bị phá banh, phá rã trên nhiều vùng nông thôn xung yếu giữa ta và địch.

Mặt khác, quân dân ta ở miền Nam càng đánh càng mạnh, thắng to: Ngày 2/2/1964, quân giải phóng tập kích "Lực lượng đặc biệt" của Mỹ tại thị xã Kon Tum, tiêu diệt 100 tên cố vấn Mỹ, trong đó có 200 quân dân Mỹ, vừa để chỉ huy và cố vấn cho Sư đoàn 22 ngụy quân, vừa là lực lượng đặc biệt riêng của Mỹ. Ngày 3/3/1964, quân giải phóng chống cuộc càn quét vùng Thường Phước, huyện Tân Châu - Châu Đốc với 2.000 quân ngụy, với 30 xe GMC, 18 xe M.113, 5 xe tăng, 6 đại bác 155 ly, 12 tàu chiến và nhiều máy bay yểm trợ. Quân và dân ta đã chiến đấu anh dũng và tiêu diệt trên 300 tên địch, 1 tiểu đoàn dù thiện chiến của chúng bị đánh tan, 5 xe lội nước bị bắn cháy và tên Đại tá Cao Văn Viên - Tư lệnh binh đoàn dù bị thương nặng v.v…

Đặc biệt đêm 31/10/1964, pháo binh miền Đông Nam Bộ pháo kích sân bay Biên Hòa - căn cứ không quân chiến lược của Mỹ ở miền Nam, phá hủy 59 máy bay trong đó có 21 máy bay B52 mới đưa từ căn cứ không quân Mỹ sang chưa kịp sử dụng. Tiếp đến ngày 15/11/1964, Tiểu đoàn 500 của Quân khu miền Đông Nam Bộ phục kích tại xã Phước Thái trên lộ 15, diệt đoàn xe cơ giới 12 chiếc đi từ Biên Hòa xuống Vũng Tàu, số xe còn lại tháo chạy thục mạng về Vũng Tàu.

Tại Sài Gòn, nơi ẩn náu và là hang ổ cuối cùng của bọn cầm đầu chiến tranh xâm lược Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn,

trong thời gian này không êm ả chút nào. Phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân Sài Gòn càng bừng bừng khí thế đấu tranh, đòi quyền dân sinh - dân chủ, chống chế độ độc tài quân sự của Nguyễn Khánh.

Ngày 6/9/1964, hơn một triệu đồng bào Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn xuống đường đưa đám tang anh Nguyễn Văn Bảy và Phạm Văn Hòa bị bọn tay chân Nguyễn Khánh sát hại, đã biến thành cuộc biểu dương lực lượng trên đường phố và hô vang khẩu hiệu: "Đả đảo Nguyễn Khánh", "Mỹ - Khánh cút đi". Đáng chú ý là cuộc đấu tranh ngày 14/9/1964 tại Sài Gòn đã diễn ra trên quy mô lớn và quyết liệt. Trên 20 vạn công nhân, lao động và học sinh, sinh viên Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đấu tranh đòi bãi bỏ lệnh động viên, lệnh giới nghiêm, hủy bỏ Sắc lệnh cấm đình công của Nguyễn Khánh và đòi quyền dân sinh, dân chủ. Hưởng ứng cuộc đấu tranh chính đáng của công nhân lao động Sài Gòn, 15 vạn công nhân đồn điền và các ngành khác đều tuyên bố sẵn sàng tham gia đấu tranh chính trị, chống chế độ độc tài quân sự của Mỹ - ngụy tại Sài Gòn.

Ngày 15/10/1964, ngày anh Nguyễn Văn Trỗi - người thanh niên công nhân (đặt mìn để giết Mc Namara trên đường Công Lý - Sài Gòn ngày 2/5/1964) bị kẻ thù Mỹ - Khánh giết hại tại khám Chí Hòa. Với dũng khí cách mạng của mình, trước khi chết anh hô lớn: "*Đả đảo đế quốc Mỹ*",

"*Đả đảo Nguyễn Khánh*", "*Việt Nam muôn năm*", "*Hồ Chí Minh muôn năm*", làm xúc động lòng người, chấn động dư luận trong nước và bạn bè trên thế giới và dấy lên phong trào đấu tranh sôi sục trong công nhân lao động, thanh niên học sinh, sinh viên ở Sài Gòn.

Ngày 10/11/1964, Đại hội đại biểu sư sãi 6 tỉnh miền Tây Nam Bộ họp quyết định thành lập một tổ chức của người Khmer yêu nước chống Mỹ, lấy tên là "*Hội đoàn kết sư sãi yêu nước*". Ngày 20/11/1964, 2.000 sư sãi ở Sài Gòn tuyệt thực chống ngụy quyền Sài Gòn thuê bọn lưu manh côn đồ đốt phá trụ sở Phật giáo.

Diễn biến tình hình đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị nêu trên phản ánh tinh thần yêu nước và cách mạng của quân và dân ta trên chiến trường miền Nam nói chung và các tỉnh phụ cận nói riêng, nhất là tại Sài Gòn đã liên tiếp nổ ra đều khắp các cuộc tấn công địch và trực tiếp đánh thẳng vào cơ quan đầu não của Mỹ - ngụy.

3. Sự chi viện của miền Bắc, hậu phương lớn của cả nước đối với miền Nam ngày càng nhiều về nhân tài, vật lực và binh khí kỹ thuật cho chiến trường miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược

Từ sau cái gọi là "Sự kiện vịnh Bắc Bộ" ngày 5/8/1964, không quân và hải quân Mỹ châm ngòi cho cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Đế quốc Mỹ ngày càng mở rộng

quy mô đánh phá miền Bắc, kể cả máy bay B.52 thả bom xuống thành phố, làng mạc trên quê hương miền Bắc và Thủ đô Hà Nội, hòng cô lập cách mạng miền Nam và đè bẹp phong trào cách mạng ở miền Nam.

Nhưng đế quốc Mỹ và tay sai đã tính nhầm, mưu mô đầy tội ác của chúng đã phải trả giá đắt cho hành động phiêu lưu của chúng. Với ý chí "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*", vì sự nghiệp bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước, quân và dân miền Bắc lập tức giáng trả những đòn chí mạng vào kẻ thù xâm lược, bắn rơi, bắn cháy máy bay Mỹ trên bầu trời Hà Nội và nhiều nơi khác.

Mặt khác, sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam đánh Mỹ không hề giảm, ngày càng tăng về người và khối lượng binh khí kỹ thuật hiện đại. Ngày 22/12/1964, Quân ủy Miền tiếp nhận chuyến thứ hai 42 tấn vũ khí từ miền Bắc đưa vào bến Lộc An - miền Đông Nam Bộ, kịp thời phục vụ chiến dịch Đông Xuân năm 1964 - 1965. Số lượng vũ khí vừa nêu đưa tổng số vũ khí từ miền Bắc vào miền Nam lên đến 500 tấn, trong đó có 12 khẩu *sơn pháo* và pháo bộ binh. Ngoài ra còn có một đội phẫu thuật cơ động và hai bệnh viện dã chiến với 300 giường bệnh, có đủ thuốc và máu khô cho 600 thương binh nặng.

Không những thế, sự chi viện của miền Bắc xã hội chủ nghĩa còn mang theo tấm lòng son sắt "*Nam Bắc một*

nhà", "*Bắc Nam ruột thịt*", biểu hiện dưới những khẩu hiệu đậm đà tình sâu nghĩa nặng: "*Tất cả vì miền Nam ruột thịt*", "*Vì miền Nam ruột thịt mỗi người làm việc bằng hai*" và không tiếc máu xương mình, sẵn sàng hiến dâng cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc: "*Bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước!*".

Đáp lại nghĩa tình thủy chung cao đẹp đó, quân dân miền Nam hướng về miền Bắc, về thủ đô Hà Nội - trái tim của cả nước, về Bác Hồ vô vàn tôn kính! "*Miền Bắc gọi, miền Nam trả lời*" bằng những ngón đòn tiến công sấm sét vào đầu quân xâm lược Mỹ và trút bão lửa căm thù lên đầu lê, mũi súng vào bọn tay sai bán nước.

Mỗi một cán bộ chỉ huy hay từng chiến sĩ trên trận địa nóng bỏng vì "đạn cày bom xới" của Mỹ - ngụy, trước nghĩa tình sâu nặng nêu trên ngày càng thấm sâu vào lòng người, giục giã quân dân miền Nam chiến đấu và chiến thắng. Hình ảnh liệt sĩ Nguyễn Viết Xuân "*Nhằm thẳng quân thù mà bắn*" trên trận địa pháo ở miền Bắc, để lại trong lòng Tạ Quang Tỷ - một Đại đội trưởng trẻ trên chiến trường miền Đông Nam Bộ dũng cảm vô song nhảy lên xe bọc thép Mỹ bị bắn gục, bắn áp chế chiếc xe khác để đồng đội tiến lên tiêu diệt địch, nói lên mối tình Nam Bắc một nhà.

Sự chi viện to lớn của miền Bắc với nghĩa tình Bắc Nam ruột thịt ngày càng đi vào cuộc sống chiến đấu và

chiến thắng của quân dân ta trên chiến trường miền Nam, góp phần tích cực đánh bại *Chiến tranh đặc biệt* của đế quốc Mỹ ở miền Nam.

4. ***Nguyên nhân về tổ chức lãnh đạo và chỉ huy tác chiến của Đảng ta ở chiến trường miền Nam có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc trong chiến đấu và chiến thắng quân địch.***

Ở vào thời điểm này, củng cố về tổ chức và tăng cường cán bộ ưu tú của Đảng cho cơ quan lãnh đạo của Đảng và quân giải phóng miền Nam, nhất là Quân ủy Miền và Bộ Chỉ huy chiến dịch được tiến hành khẩn trương, đáp ứng yêu cầu đánh thắng Mỹ - ngụy. Tháng 11/1963, Quân ủy Trung ương cử đồng chí Nguyễn Văn Linh - Bí thư Trung ương Cục miền Nam làm Bí thư Quân ủy Miền. Trung tướng Trần Văn Trà - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam vào miền Nam làm Tư lệnh quân giải phóng miền Nam. Cùng vào Nam đợt này có Thiếu tướng Lê Trọng Tấn, Đại tá Hoàng Cầm, Đại tá Trần Đình Xu… là những cán bộ chỉ huy quân sự có đầy năng lực và bản lĩnh chiến đấu, giữ trọng trách mới ở chiến trường miền Nam.

Giữa năm 1963, Trung đoàn I được thành lập, đồng chí Trần Đình Xu làm Trung đoàn trưởng. Trung đoàn II do đồng chí Tạ Minh Khâm làm Trung đoàn trưởng. Sau ngày Hội nghị Trung ương Cục miền Nam (tháng

10/1964) kế hoạch mùa khô năm 1964 - 1965 được thông qua và thành lập Ban Chỉ huy chiến dịch Đông Xuân. Trung ương Cục chỉ định Ban Chỉ huy trưởng gồm 5 đồng chí, trong đó đồng chí Trần Đình Xu làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Hòa Chỉ huy phó làm Tham mưu trưởng.

Đó là chưa nói các đơn vị pháo binh, công binh, các đơn vị phối thuộc, hậu cần, tiếp tế, cứu thương, v.v… phục vụ chiến dịch Đông Xuân, Bộ Tư lệnh Miền đều có một bước củng cố về tổ chức và tăng cường cán bộ lãnh đạo, cán bộ chỉ huy có nhiều kinh nghiệm, đảm đương các khâu công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu rất quan trọng đó.

Tại chiến trường Sài Gòn - Gia Định, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định quyết định thành lập Trung đoàn cơ động và các Đại đội biệt động, đội đặc công, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tư lệnh trưởng hoặc Tư lệnh phó, thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu Sài Gòn - Gia Định. Mặt khác, Khu ủy tổ chức các cánh, củng cố các ban ngành đến quận, huyện và tổ chức phong trào "*Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công*" ngay sau ngày Chiến thắng Ấp Bắc ở Mỹ Tho (2/1/1963) nhằm đẩy mạnh khí thế tiến công địch trên chiến trường Sài Gòn - Gia Định.

Tháng 1/1965, Trung tâm huấn luyện với mật danh Đoàn 165A được thành lập tại Gò Lò - Tây Ninh nhằm

phục vụ nhiệm vụ chính trị và chiến đấu chống Mỹ - ngụy trước tình hình mới.

Mấy nét về công tác tổ chức nêu trên dĩ nhiên chưa đủ nhưng cho thấy yếu tố cán bộ khi đã hình thành tổ chức trở nên tác động sâu sắc, có ý nghĩa quyết định, góp phần làm nên chiến thắng.

5. *Một nguyên nhân cơ bản, có ý nghĩa quyết định thắng lợi của quân dân ta trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, đó là "Con người" làm nên chiến thắng.*

Mỗi một chiến công, mỗi một chiến thắng làm rạng rỡ non sông đất nước ta đều bắt nguồn từ truyền thống lâu dài, đấu tranh kiên cường bất khuất của dân tộc ta. Thực chất của chiến công, làm nên chiến thắng là "con người" - Con người Việt Nam yêu nước thiết tha, sống và chiến đấu có lý tưởng cao đẹp, vì "*Độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân*". Họ chiến đấu kiên cường, dũng cảm, hy sinh trong chiến đấu trước họa xâm lăng và họ cần cù lao động, sáng tạo trong hòa bình xây dựng đất nước. Đó là tài năng, đức độ và nhân cách cao quý của con người, khẳng định vai trò cá nhân trong sức mạnh của quần chúng nhân dân, vai trò của họ trong từng thời kỳ lịch sử nhất định, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quân ủy và Bác Hồ vô vàn tôn kính!

Chiến thắng Bình Giã, hình ảnh con người chỉ huy, con người chiến đấu, con người phục vụ chiến trường

đã biểu hiện một cách sinh động trong quá trình chiến đấu, làm nên chiến thắng. Với con người bình thường trong ấp chiến lược Bình Giã - "*Ấp chiến lược kiểu mẫu*" của địch, với 4.000 người dân di cư (*Miền Đông Nam Bộ kháng chiến*, tập 2, trang 174, viết 400 người di cư) theo đạo Thiên Chúa - phần đông là gia đình hậu phương của các lực lượng biệt động quân, thủy quân lục chiến, với các tên gọi khét tiếng hung ác. Trong đó, số đông nhân dân bị giáo lý phản động mê hoặc, bị địch lợi dụng chống phá ta. Nhưng tất cả những con người ấy, xu hướng chính trị hay quan điểm có khác nhau, đều là con người Việt Nam, vốn bị áp bức bóc lột, bị lừa mị, bị mê hoặc, phải rời khỏi xóm làng thân yêu, nơi chôn nhau cắt rốn của mình, di cư vào Nam. Họ không thể cam tâm chịu giam hãm trong, ấp chiến lược, với sự kềm kẹp khắc nghiệt ấy. Chính họ, khi có tiếng súng nổ về phía địch, những tên ác ôn bị trừng trị, con người di cư ấy đã đứng lên tiếp tay, tiếp sức cho quân giải phóng, phá banh phá rã "*Ấp chiến lược Bình Giã*" và cùng với quân dân địa phương reo vui trong ngày vui chiến thắng Bình Giã (3/1/1965).

* * *

Là những nguyên nhân thắng lợi. Nguyên nhân bên trong, nguyên nhân nội tại có vị trí quan trọng, tạo tiền đề thắng lợi của chiến dịch Đông Xuân 1964 - 1965. Từ đợt I (từ ngày 2 đến 17/12/1964) đến đợt II (từ ngày 27/12/1964)

và kết thúc thắng lợi vẻ vang (ngày 3/1/1965). Chiến thắng Bình Giã đã đi vào lịch sử dân tộc, đến nay vừa đúng 30 năm (3/1/1965 - 3/1/1995), một chặng đường lịch sử vẻ vang của quê hương và đất nước anh hùng.

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC - LONG KHÁNH(*)

Mỗi một chiến công của quân dân ta trên chiến trường miền Nam đều do nhiều nhân tố tích cực tạo nên. Trong Chiến thắng Xuân Lộc (21/4/1975), vai trò chỉ đạo và chỉ huy tác chiến có vị trí quan trọng góp phần tích cực làm nên chiến thắng vẻ vang.

Chiến dịch Xuân Lộc mở màn vào ngày 9/4/1975, sau ngày đồng chí Trần Văn Trà, Tư lệnh Bộ chỉ huy Miền giao nhiệm vụ cho Quân đoàn IV(1) đánh chiếm thị xã

---

* Hội thảo khoa học về Chiến thắng Xuân Lộc - Long Khánh do UBND tỉnh Đồng Nai và Quân khu 7 tổ chức tại Đồng Nai, tháng 3 năm 2003.

1 Với sự hiện diện của các đồng chí Hoàng Cầm - Tư lệnh trưởng, Ba Vũ - Tư lệnh phó và các đồng chí Nguyễn Như Ý (Năm Chữ) - Bí thư Khu ủy Khu 7, Sáu Trung - Thường vụ Khu ủy, họp ngày 2/4/1975.

Xuân Lộc, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch và nhất là mở cánh cửa thép ở phía Đông để quân chủ lực của ta tiến vào giải phóng Sài Gòn, tốt nhất là trong tháng 4/1975, trước khi mùa mưa bắt đầu.

Vị trí Xuân Lộc

Xuân Lộc, một vùng xung yếu của địch, thuộc tỉnh Long Khánh, cách Sài Gòn 80 km về phía Đông. Khi quân Mỹ bắt đầu đổ vào miền Nam (1965), tỉnh Long Khánh được thành lập gồm hai huyện Xuân Lộc và Định Quán. Mỹ - ngụy xây dựng Xuân Lộc - Long Khánh thành khu quân sự lớn nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của quân cách mạng, và án ngữ phía Đông bảo vệ Sài Gòn, đầu não của chúng. Sư đoàn 18 ngụy quân đặt bản doanh tại đây, với căn cứ Trung đoàn thiết giáp 11 của Mỹ ở Suối Râm, Bộ Chỉ huy Khu 33 chiến thuật, khu sân bay dã chiến, cơ quan cố vấn quân sự Mỹ, trung tâm huấn luyện tình báo Hoa Kỳ. Đó là chưa nói, địch còn có 36 tua bót quanh thị xã Long Khánh, chi đoàn xe bọc thép cùng với lính bảo an, biệt kích, cảnh sát, dân vệ trên 1.500 tên, luôn o ép quần chúng, đánh phá cách mạng.

Mặc dù bị địch kìm kẹp gắt gao, khủng bố ác liệt, người dân Xuân Lộc không ngừng đoàn kết giúp đỡ nhau xây dựng cuộc sống và đấu tranh chống phá. Ấp chiến lược của địch. Cư dân tại đây quy tụ ngày càng đông,

dân số lên tới 30 ngàn người, gồm những người từ miền Bắc, miền Trung vào, cùng với người Châu Ro và các dân tộc ít người khác. Quần chúng nhân dân luôn kiên trì bám trụ tại chỗ, cơ sở cách mạng ngày càng phát triển và hình thành các tổ chức Đảng. Đảng bộ Xuân Lộc đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy làm chủ vùng ven thị xã gồm 4 ấp: Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, suối Chồn, Bình Lộc ở cửa ngõ phía Bắc thị xã. Với truyền thống yêu nước và cách mạng, người dân Xuân Lộc luôn hướng về kháng chiến, sẵn sàng đóng góp sức người sức của, thực phẩm và thuốc men… phục vụ chiến đấu của nhân dân trong suốt quá trình chiến dịch, hậu thuẫn đắc lực cho lực lượng vũ trang tại chiến trường đang nóng bỏng đạn bom kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tiến công Xuân Lộc

Những chiến thắng dồn dập của quân ta trên các chiến trường, nhất là tại chiến trường miền Đông Nam Bộ từ chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài đến Bầu Bàng - Dầu Tiếng, đã làm nức lòng phấn khởi quân dân Xuân Lộc - Long Khánh trong giờ phút quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược.

Để giải phóng Xuân Lộc, đập tan phòng tuyến thép của Mỹ - ngụy tại chiến trường miền Đông Nam Bộ, đêm 8 rạng ngày 9/4/1975, quân ta triển khai lực lượng chung

quanh thị xã: gồm Sư đoàn 6, Sư đoàn 1, Sư đoàn 7, Trung đoàn 95B độc lập của Quân đoàn IV và phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, huyện Xuân Lộc, thị xã Long Khánh. Các cánh quân của ta bắt đầu tiến công sau những đợt bắn pháo cấp tập vào các mục tiêu địch trong thị xã. Đặc biệt ngày 15/4, quân ta diệt gọn Chiến đoàn 52 (thuộc Sư đoàn 18), lực lượng chủ lực cơ động của Quân đoàn III ngụy, thu toàn bộ phương tiện chiến tranh của chúng, giải phóng hoàn toàn lộ 20 từ ấp Nguyễn Thái Học xuống ngã ba Dầu Giây. Liên tục trong 4 ngày từ 16 đến 19/4, quân ta nã hàng ngàn quả đạn pháo chính xác phá hủy nhiều công sự của địch trong thị xã. Các cơ sở binh vận của ta ở bên trong cũng liên tục tiến công làm tan rã hàng trăm lính ngụy. Cùng ngày, du kích và nhân dân địa phương được quân chủ lực của ta hỗ trợ vùng lên đấu tranh giành quyền làm chủ các ấp ven thị xã. Nguồn tiếp tế đường bộ của địch tại đây hoàn toàn bị cắt đứt.

Như vậy, sau gần 10 ngày chiến đấu ngoan cường của quân dân ta và liên tiếp giành thắng lợi, nhưng cũng từ đó tình hình chiến trường tại Xuân Lộc - Long Khánh trở nên căng thẳng. Tuy bị thiệt hại nặng, nhưng địch vẫn dựa vào công sự và phòng tuyến án ngữ, chống trả ta một cách điên cuồng. Máy bay địch đánh phá ác liệt vào đội hình ta và hủy diệt các mục tiêu của chúng đã mất.

Như Thượng tướng Hoàng Cầm, người chỉ huy ngoan cường chiến đấu và mưu trí, thao lược tại chiến trường đang rực lửa chiến công đã ghi lại những giờ phút ác liệt ấy: *"Từ phía Đông, Trung đoàn 165 (Sư đoàn 7) có 8 xe tăng dẫn đầu tiến công vào hướng chủ yếu, còn cách căn cứ Sư đoàn 18 khoảng 200m, thì bị địch chống trả, 3 trong số 8 xe tăng bị hỏng, nên chỉ chiếm được một phần hậu cứ của Chiến đoàn 52 (Sư đoàn 18). Nhưng trên hướng thứ yếu, từ phía Bắc Trung đoàn 266 (Sư đoàn 341) đã đánh vào thị xã, nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm khu trung tâm thông tin, khu cảnh sát, khu cố vấn Mỹ. Bị địch phản kích, ta phải dừng lại bên ngoài sở chỉ huy Tiểu khu"*[1]. Ông viết tiếp: *"Tại vòng ngoài, các Trung đoàn 270 (Sư đoàn 341), Trung đoàn 209 (Sư đoàn 7) đánh bại 2 tiểu đoàn, diệt 7 xe tăng của Chiến đoàn 43, 48 (Sư đoàn 18) từ Tân Phong và Núi Thị vào cứu viện, giải phóng ấp Bảo Toàn trên đường 1 (Đông Nam thị xã 4km). Ở khu vực Dầu Giây, Sư đoàn 6 diệt 5 chốt trên đoạn đường từ Hưng Nghĩa đến đèo Mẹ Bồng Con, thu 2 khẩu pháo 105 ly, buộc Chiến đoàn 52 phải bỏ Túc Trung kéo về giữ ngã ba Dầu Giây"*[2]. Ông còn nêu rõ: *"Diễn biến nói chung là khích lệ, nhưng hướng tiến công chủ yếu gặp nhiều khó*

1 *Chặng đường mười nghìn ngày* (Hồi ký của Thượng tướng Hoàng Cầm, nguyên Tư lệnh Quân đoàn IV), Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1995.

2 *Chặng đường mười nghìn ngày,* Sđd.

khăn, chưa đột phá được mục tiêu. Ngay Sư đoàn 7 của Quân đoàn IV đã đưa lực lượng dự bị là Trung đoàn 141 và một tiểu đoàn cao xạ 37 ly, một tiểu đoàn 57 ly vào chiến đấu, liên tiếp đột phá từ hướng Bắc xuống phối hợp cùng Trung đoàn 165 từ hướng Đông đánh vào căn cứ Sư đoàn 18 ngụy, nhưng đều bị địch phản kích quyết liệt, kể cả các khu vực thị xã"[1].

Theo Thượng tướng Hoàng Cầm, nhận xét: "*Một trận đánh gay go quyết liệt chưa từng gặp từ trước tới nay. Ta tung lực lượng dự bị vào chiến đấu mà tình hình vẫn chưa thấy sáng sủa, trái lại còn bị tổn thất đáng kể*"[2]. (Sư đoàn 7 bị thương vong 300 cán bộ, chiến sĩ, Sư đoàn 341 bị thương vong 1.200; 9 xe tăng đưa vào chiến đấu bị địch bắn cháy 3, hỏng 3, pháo 85 ly và 57 ly hỏng gần hết).

Vào thời điểm này, địch quyết giữ Xuân Lộc, vì nó được ví như tấm lá chắn cuối cùng quyết định số phận ngụy quân, ngụy quyền tại chỗ. Tướng Uây-en, Tham mưu trưởng Lục quân Mỹ đã lệnh cho quân ngụy *"Phải giữ cho được Xuân Lộc, vì mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn"*. Chính vì vậy mà địch đã dồn lực lượng lớn tương đương 2 sư đoàn bộ binh ngụy để phòng giữ (phòng thủ Xuân

1 *Chặng đường mười nghìn ngày,* Sđd.
2 *Chặng đường mười nghìn ngày,* Sđd.

Lộc, gồm Sư đoàn 18, một tiểu đoàn biệt động quân, Trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an, 202 đại đội địa phương quân, 42 khẩu pháo, trong đó có 2 pháo 175 ly có tầm bắn trên 20km).

Chuyển hướng tiến công

Trước tình hình đó, sự chỉ đạo của Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng và Tư lệnh miền Trần Văn Trà qua điện thoại, đã động viên khích lệ và có ý kiến chỉ đạo kịp thời. *"Như được tiếp thêm sức, đầu óc bớt căng thẳng, lòng tin được củng cố"*. Tướng Hoàng Cầm đã nói lên cảm nghĩ chân thành đó và ông đã ghi lại: *"Cùng với ký ức về chiến dịch Biên giới Việt - Trung năm 1950 (giải phóng thị xã Cao Bằng nhưng không đánh vào thị xã, mà chọn điểm Đông Khê cách Cao Bằng gần 50km về phía Nam để tiến công, buộc quân đồn trú Cao Bằng phải rúm lại); với những kinh nghiệm đánh Mỹ ở chiến trường Đông Nam Bộ từ 1965; và cuối cùng là chỉ thị của anh Văn Tiến Dũng, đã bật dậy trong tôi cách đánh mới: tập trung lực lượng đánh chiếm khu vực ngã ba Dầu Giây và Núi Thị, đồng thời uy hiếp sở chỉ huy tiền phương Quân đoàn 3 ngụy đặt tại Trảng Bom, đánh địch ở Biên Hòa, Trảng Bom nống ra phản kích; pháo kích khống chế mạnh sân bay Biên Hòa, đẩy địch ở Xuân Lộc hoang mang bối rối, hỗn loạn vì chúng bị cắt đứt với "hậu phương" và bị bao*

vây cô lập từ nhiều phía, thừa thắng tiến công giải phóng thị xã"[1].

Từ đó trở đi, theo Thượng tướng Hoàng Cầm: *"Quân đoàn đang triển khai lực lượng theo ý định mới thì anh Trần Văn Trà đến với Ban Chỉ huy Quân đoàn, bàn bạc thay đổi cách đánh, tháo gỡ khó khăn. Anh Trần Văn Trà chỉ rõ: đánh vỗ mặt vào Xuân Lộc lúc này là không có lợi. Việc chuyển hướng đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, bao vây cô lập Xuân Lộc để mục đích cuối cùng là tiêu diệt địch, giải phóng Xuân Lộc, là hoàn toàn đúng và có điều kiện thực hiện. Vì địch ở khu vực Dầu Giây yếu và bị bất ngờ. Nếu Dầu Giây bị ta đánh chiếm thì Xuân Lộc tự nhiên mất hết các tác dụng của một cứ điểm then chốt vì nó nằm ngoài tuyến phòng thủ rồi, Quân đoàn 3 lo sợ vì bị kẹt một lực lượng lớn ở ngoài tuyến. Tuy nhiên chúng ta không được lơi lỏng với lực lượng ở Xuân Lộc mà phải kèm kỹ, có kế hoạch sẵn sàng tiêu diệt khi chúng phản kích ra hướng Dầu Giây, hoặc rối loạn rút chạy theo hướng Bà Rịa rồi cụm lại tại Biên Hòa"*[2].

Trong thời gian quân ta chuyển hướng mũi tiến công, không có trận đánh lớn xảy ra tại trung tâm thị

1 *Chặng đường mười nghìn ngày,* Sđd.
2 *Chặng đường mười nghìn ngày,* Sđd.

xã[1]. Địch chủ quan, hí hửng cho rằng: "Việt cộng đã hết hơi". Nào ngờ tại hướng Dầu Giây - Núi Thị, Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 đồng thời nổ súng, Mỹ - ngụy tại Xuân Lộc - Long Khánh hoảng loạn, bị động trước đợt tiến công dũng mãnh của quân ta. Hai chiến đoàn 43, 48 thuộc sư đoàn 18 ngụy bị ta đánh tan và diệt một phần Lữ 1 dù. Trong khi đó, ngã ba Dầu Giây và đoạn cuối cùng của đường 20 (từ Túc Trưng đến Kiệm Tân) được giải phóng. Quân ta đã lập tuyến phòng thủ vững chắc ở khu vực này, tổ chức đánh bại nhiều cuộc phản kích của địch từ Trảng Bom nống ra, buộc chúng phải ngưng cứu nguy cho Xuân Lộc.

Giải phóng Xuân Lộc

Rõ ràng là, địch không chiếm lại được ngã ba Dầu Giây, lại mất toàn bộ đường 20, Biên Hòa trở thành điểm tiền tiêu nhưng không còn mấy lực lượng để phòng thủ. Ngày 18/4, Quân đoàn 3 ngụy phải dùng trực thăng bốc một lực lượng từ Xuân Lộc về Biên Hòa - Trảng Bom để lập tuyến mới. Và ngày 20/4, tàn quân còn lại ở Xuân Lộc vội vã rút bỏ Xuân Lộc theo đường số 2 qua Bà Rịa trở về Biên Hòa. Ngày 21/4/1975, những tuyến phòng thủ

1 Tình hình đang thuận lợi, như Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng nói với Tư lệnh Quân đoàn IV qua điện thoại: Các Quân đoàn I và III của ta từ Tây Nguyên đang hành quân vào Đông Nam Bộ. Quân đoàn II đang theo đường số 1 đã tới Nha Trang, Cam Ranh áp sát Phan Rang.

cuối cùng của "Quân lực Việt Nam Cộng hòa" (tức quân ngụy) ở Xuân Lộc sụp đổ tan tành, một trong 4 tiểu đoàn còn sống sót của Sư đoàn 18 tháo chạy khỏi Xuân Lộc. Chuẩn tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 sau lời tuyên bố huênh hoang đã nhanh chân lên máy bay trốn thoát, để lại Xuân Lộc thất thủ, thị xã Long Khánh hoàn toàn giải phóng. Tối hôm ấy (21/4/1975), Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn đã phải tuyên bố từ chức giữa lúc quân dân Xuân Lộc - Long Khánh reo vui mừng chiến thắng.

Một chiến thắng vẻ vang, một chiến công chói lọi, đánh dấu sự thất bại thảm hại của Mỹ - ngụy, phòng tuyến thép bảo vệ Xuân Lộc - Long Khánh, cửa ngõ phía Đông Bắc Sài Gòn bị đập tan. Tuyến phòng thủ then chốt của chúng ở Xuân Lộc - Long Khánh bị phá vỡ, hậu phương của ta được mở rộng, vùng giải phóng và căn cứ địa cách mạng được củng cố và phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn, phục vụ Chiến dịch Hồ Chí Minh tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Chiến thắng Xuân Lộc mang nội dung ý nghĩa lịch sử sâu sắc. Với tầm vóc lớn lao và ý nghĩa thực tiễn của nó, nổi lên vai trò chỉ đạo chiến dịch và chỉ huy tác chiến, một nhân tố quan trọng góp phần làm nên chiến thắng

Xuân Lộc. Từ thực tiễn sinh động nêu trên gợi cho chúng ta liên tưởng đến vai trò lãnh đạo và quản lý kinh tế - xã hội hiện nay, đòi hỏi cán bộ phải có trình độ tổ chức, năng lực quản lý giỏi, bản lĩnh chính trị vững vàng và phẩm chất cách mạng trong sáng. Từ đó, vấn đề đặt ra là, không ngừng quan tâm công tác đào tạo và bồi dưỡng nhân tài có đầy đủ khả năng làm tốt nhiệm vụ được giao, phục vụ sự nghiệp đổi mới, giành thắng lợi mới!

"TIẾN VỀ SÀI GÒN GIẢI PHÓNG THÀNH ĐÔ"(*)

Rời căn cứ suối Bà Chiêm - Tây Ninh, nơi đã mở ra các lớp *"Chiến thắng trở về"* và kết thúc thắng lợi (4/1973 - 5/1974), Đoàn Cán bộ Huấn học đô thị và Trường Bí thư Chi bộ được phép của Thường vụ Thành ủy cùng Đoàn cán bộ và chiến sĩ Văn phòng Thành ủy di chuyển cơ quan sang căn cứ Long Thành - Đồng Nai vào một chiều cuối tháng 7/1974 trong âm vang tiếng trọng pháo rền vang đâu đó, xa xa.

Từ suối Bà Chiêm đến rừng Long Thành

Từ căn cứ suối Bà Chiêm đến căn cứ Long Thành là một tuyến đường dài trên 50 cây số, trải qua những

* Nhân *Kỷ niệm 30 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước* (30/4/1975 - 30/4/2005).

đoạn đường quanh co hiểm trở, nhất là băng qua quốc lộ 13, hương lộ 14 và xa lộ Đồng Nai - Vũng Tàu dưới tầm bom đạn Mỹ. Mặc dù vậy, cán bộ chiến sĩ trong toàn đoàn đều hồ hởi lên đường, sau một ngày một đêm hành quân, âm thầm lặng lẽ mà nô nức niềm vui, tin tưởng thắng lợi huy hoàng.

Căn cứ mới của Thành ủy ở Long Thành cách Chi khu quân sự địch ở Long Thành trên 3 cây số theo đường chim bay, nhưng tại đây khá yên tĩnh, màu xanh của rừng cao su Long Thành trải rộng, tỏa mát lối đi. Quang cảnh *"trơ cành trụi lá"* vì bom pháo Mỹ như ở Củ Chi ít thấy ở vùng này. Đây là hậu cứ của địch, khi địch co cụm ở Chi khu thì ở đây trở thành lõm căn cứ kháng chiến của ta. Thỉnh thoảng tiếng trọng pháo của Mỹ ở Lai Khê, Dầu Tiếng - Tây Ninh câu vào trận địa quân ta vẫn còn vang vọng xa xa phía Thanh An, Bến Cát - Bình Dương. Nơi đây căn cứ mới của Văn phòng Thành ủy đã được xây dựng khá sớm, nép mình dưới rừng cao su rợp bóng cây xanh, do anh Ba Nguyệt (Nguyễn Văn Trấn - Phó Văn phòng) phụ trách. Hệ thống giao thông hào ngày càng nối dài, công sự dã chiến không ngừng được củng cố vững chắc. Đặc biệt hội trường và nơi làm việc của lãnh đạo được làm âm dưới mặt đất sâu đến cả thước, nhằm đối phó với các cuộc càn quét của địch vào căn cứ cơ quan Thành ủy. Mặt khác, đơn vị lực lượng vũ trang bảo vệ được trang bị vũ khí hiện

đại, cơ động, luôn sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo an toàn tối đa cho sự lãnh đạo và chỉ đạo của Thành ủy trước tình hình mới ở đô thị Sài Gòn - Gia Định.

Trung tuần tháng 4, Hội nghị Bình Giã V mở ra tại đây, nhằm quán triệt thêm một bước các nghị quyết của Trung ương và Trung ương Cục về đô thị Sài Gòn. Hội nghị Thành ủy đã quyết định: đổi Trung đoàn Quyết thắng Sài Gòn - Gia Định thành Trung đoàn Gia Định (7/1974); Quân khu Sài Gòn - Gia Định được biên chế lại thành Thành đội lực lượng vũ trang T4. Về công tác tổ chức. Thường vụ Trung ương Cục quyết định đưa đồng chí Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh) trở về Trung ương Cục, đồng chí Năm Xuân (Mai Chí Thọ) làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định. Hội nghị Bình Giã còn quyết định thành lập hai cánh: cánh A và cánh B trực tiếp chỉ đạo hai vùng đô thị và nông thôn. Cánh A, đồng chí Mai Chí Thọ trực tiếp phụ trách đô thị, gọi là cánh đô thị. Cánh B, đồng chí Mười Thơ (Nguyễn Thành Thơ) phụ trách một số ban ngành và các huyện nông thôn, kể cả trung đoàn Gia Định, gọi là Cánh nông thôn. Đồng chí Hai Đúng (Nguyễn Văn Đúng - Ban Tuyên huấn) và đồng chí Năm Nhì (Trần Văn Nhì - Trường Đảng Nguyễn Văn Cừ) thuộc cánh nông thôn, cùng với Phân khu I trở lại Dầu Tiếng rồi lên núi Cậu xây dựng cơ ngơi, tiếp tục chỉ đạo công tác nông thôn của Thành ủy Sài Gòn - Gia Định.

Anh Trúc (Võ Văn Trúc) và Hai Ngọc (Thái Nhân Hòa) là bộ phận huấn học đô thị thuộc cánh A, trụ lại Long Thành, Đồng Nai.

Đậm đà hương vị Tết

Thấm thoát mùa Xuân mới sắp về và Tết cổ truyền dân tộc sắp đến. Giữa rừng cao su Long Thành, hoa rừng xen lẫn hoa mai cúc đang nở rộ trước sân trong vườn căn cứ Hắc Dịch của Long Thành. Là những người đã từng xa nhà, xa quê, giờ đây không khỏi chạnh lòng nhớ lại một làng quê êm ả thanh bình mỗi khi Xuân về Tết đến, nơi đã từng ghi sâu bao kỷ niệm đẹp của tuổi học trò, tuổi hoa niên với nhiều ước mơ, hoài bão lớn. Bù đắp vào đó là buổi gặp gỡ tất niên tại căn cứ Hắc Dịch - Long Thành đậm đà hương vị Tết, do anh Năm Xuân tổ chức đơn sơ mà ấm áp nghĩa tình đồng chí đồng đội thân thương, nơi chiến trường đang nóng bỏng đạn bom. Tại đây có cả bánh tét với dưa hành củ kiệu thơm phức. Anh Tư Oai (cận vệ) từ nơi làm việc của anh Năm mang ra một chậu hoa mai vàng tươi thắm, đầy hương sắc Tết cổ truyền dân tộc. Anh Năm Xuân thân mật chúc mừng năm mới với cán bộ chiến sĩ và có câu nói vui mà như thật: *"Tết này ăn Tết đạm bạc trong rừng, Tết sau ăn Tết linh đình tại đô thành Sài Gòn Giải phóng!"*. Buổi gặp gỡ đầu Xuân này còn có các anh Hai Trúc (Chánh Văn phòng), anh

Ba Nguyệt (Nguyễn Văn Trấn, Phó Văn phòng), anh Tám Hồ (Dương Minh Hồ), Ba Lên (Chỉ huy trưởng lực lượng bảo vệ cơ quan), Hai Yên, Tư Oai... và một số cán bộ văn phòng như: Lê Tư và vợ là Mười Nga, Tám Kiệt (Trần Anh Kiệt) và vợ là Minh Hương (y tá), Minh Tâm, Bảy Lâm v.v... Anh em ngồi ăn bánh và râm ran kể chuyện chiến trường, chuyện quê nhà giải phóng cho đến khuya. Lúc này anh Ba Nguyệt đưa rượu đế Gò Đen mua từ chuyến đi Bình Chánh trước đó đem ra mời anh em uống, buổi gặp gỡ tất niên càng thêm vui vẻ, ấm cúng như bữa Tết của gia đình. Vài ba anh em thấy vui, tiếp tục lai rai cho đến gần sáng. Lúc này, anh Năm và một số cán bộ nghiên cứu đã rút sớm. Riêng tôi cùng vui chung với anh em trong một hai giờ đầu, rồi lặng lẽ trở về bàn làm việc, hoàn chỉnh đề cương và giáo trình mở lớp "Giao liên công khai" của Thành ủy vào sáng hôm sau, theo đề nghị của anh Sáu Tổng và anh Hai Hạnh phụ trách công tác giao liên tại chiến trường.

Trên chiến trường lúc này tin vui chiến thắng bay về dồn dập, chiến công nối tiếp chiến công của quân và dân ta ở miền Đông và cả miền Tây Nam Bộ. Đặc biệt các đơn vị quân binh chủng, xe tăng, thiết giáp, trọng pháo nòng dài của ta di chuyển ngày đêm trên quốc lộ 13, lộ 22 và xa lộ Biên Hòa - Vũng Tàu càng sục sôi khí thế sẵn sàng chiến đấu! Một tin vui khẩn cấp: Chiều ngày

25/3/1975, Bộ Chính trị đã chỉ thị nêu rõ: Thời cơ chiến lược đã tới, tranh thủ thời gian, hành động táo bạo, bất ngờ, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam càng sớm càng tốt. Đặc biệt ngày 8/4/1975, Bộ Chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là "Chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định"[1], được thành lập tại căn cứ Tà Thiết - Lộc Ninh: Đại tướng Văn Tiến Dũng làm Tư lệnh; đồng chí Phạm Hùng làm Chính ủy. Chưa quá ba ngày sau, ngày 12/4, Thành ủy ra chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ khẩn cấp là: *"Đảng bộ và Nhân dân Thành phố hiện nay phải góp phần tích cực nhất vào giai đoạn tổng công kích - Tổng khởi nghĩa, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân..."*.

Nức lòng phấn khởi quân dân miền Nam là *chiến thắng Buôn Ma Thuột,* trận mở màn quyết định giải phóng Tây Nguyên (10/3/1975). Tiếp đến là chiến thắng Xuân Lộc - Long Khánh ngày 21/4/1975. Chiến dịch Xuân Lộc mở màn ngày 9/4/1975 do Thượng tướng Trần Văn Trà, Tư lệnh Miền trực tiếp chỉ đạo và Quân đoàn IV, Trung tướng Hoàng Cầm làm Tư lệnh là đơn vị chủ công. Sau 12 ngày chiến đấu liên tục, Quân đoàn IV và quân dân địa phương đã giải phóng Xuân Lộc, đập tan phòng tuyến thép bảo vệ Xuân Lộc - Long Khánh, cửa ngõ Đông Bắc

1 Ngày 14/4/1975 lấy tên là "Chiến dịch Hồ Chí Minh".

Sài Gòn mở toang, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội chủ lực của ta ở miền Đông Nam Bộ tiến quân vào thành phố phục vụ Chiến dịch Hồ Chí Minh tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Tiến về Sài Gòn giải phóng Thành đô

Những chiến công hiển hách, chiến thắng to lớn của quân dân ta đã thúc đẩy tình hình đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang ở Sài Gòn - Gia Định phát triển mạnh mẽ, Thành ủy khu Sài Gòn - Gia Định quyết định di chuyển cơ quan đơn vị mình về một địa điểm mới, hướng Tây Nam Sài Gòn, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của Thành ủy và của Trung ương Cục đề ra. Suốt 3 ngày đêm hành quân mang nặng trên một tuyến đường dài trên 80 cây số, cán bộ chiến sĩ trong cơ quan đã lên đường trong khí thế nô nức phấn khởi lạ thường. Chiều ngày 29/4/1975, cánh đô thị do đồng chí Năm Xuân phụ trách đã về đến Bình Chánh. Mới 6 giờ tối, cánh đô thị đã có mặt tại căn cứ xã Bình Điền, một lõm căn cứ kháng chiến của huyện Bình Chánh. Bỗng nhiên, trọng pháo của địch từ căn cứ quân sự Mỹ ở Đồng Tâm - Mỹ Tho và Chi khu quân sự ngụy ở Mỏ Cày - Bến Tre gầm lên hàng loạt phía Thủ Thừa - Bến Lức - Long An, âm vang chát chúa vang lên như xé tan cái quang cảnh tĩnh mịch của vùng quê, tiếp giáp quốc lộ 4 đường đi liên tỉnh miền Tây. Vốn đã quen với tiếng "bom

chụp pháo bầy" của Mỹ ở Củ Chi ngày nào, anh em chiến sĩ nói vui với nhau: Trọng pháo Đồng Tâm - Mỏ Cày của Mỹ - ngụy chào mừng đoàn quân ta về đến Bình Chánh, tiếp cận Sài Gòn thì phải.

Bầu trời chiều còn quang đãng nhưng đến tối thì đổ mưa, quang cảnh làng quê ở Bình Chánh trở nên mát dịu. Toàn thể cán bộ nhân viên đã nhanh chóng ổn định chỗ nghỉ ngơi trong nhà dân, được cơ sở cách mạng và đồng bào địa phương tại chỗ sắp xếp nơi ăn ở chu đáo, an toàn để sáng mai lên Sài Gòn. Sau một đêm dài ở Bình Chánh, sáng sớm hôm sau Đoàn đã có mặt tại Trạm giao liên - bàn đạp xã Bình Điền để chuẩn bị lên đường vào Thành phố trước 12 giờ cùng ngày. Sau hơn 5 giờ hành quân cấp tốc nhưng phải tránh né phi pháo địch, phải dừng lại ém quân, nên đến chiều Đoàn mới có mặt tại trường Pétrus Ký (nay là trường THPT chuyên Lê Hồng Phong - Quận 5) sau khi Tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh đầu hàng (trưa ngày 30/4/1975). Lúc này, các cánh công vận, phụ vận, binh vận, Thành đoàn, giao bưu và các tiểu ban văn nghệ, thông tấn xã, Đài phát thanh Giải phóng cũng đã tập hợp về đây đông đủ và sẵn sàng xuất phát, tiến về Thành phố. Trong khi đó trường Đảng Nguyễn Văn Cừ thuộc "cánh nông thôn" do đồng chí Mười Thơ phụ trách đã đi về hướng núi Cậu trước đó, đến ngày Sài Gòn giải phóng đã về tiếp quản Tòa Hành

chánh tỉnh Gia Định (số 6 Chi Lăng, nay là số 6 Phan Đăng Lưu - quận Bình Thạnh).

Tiếp quản Tòa Đô chánh Sài Gòn

Theo sự chỉ đạo của Thường vụ Thành ủy, cánh đô thị do đồng chí Năm Xuân phụ trách đã tiếp quản Tòa Đô chánh Sài Gòn (86 Lê Thánh Tôn, nay là trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố). Thời gian này Ủy ban Quân quản đã được thiết lập, theo quyết định của Thường vụ Trung ương Cục ngày 10/4/1975. Ủy ban Quân quản Thành phố Sài Gòn - Gia Định được thành lập, gồm 11 thành viên, do đồng chí Trần Văn Trà làm Chủ tịch. Các Phó Chủ tịch gồm các đồng chí: Võ Văn Kiệt, Hoàng Cầm, Trần Văn Danh, Mai Chí Thọ, Cao Đăng Chiếm. Các ủy viên: Bùi Thanh Khiết, Nguyễn Văn Thủ, Dương Kỳ Hiệp, Nguyễn Võ Danh và Phan Minh Tánh. Đảng ủy Quân quản (còn gọi là Đảng ủy đặc biệt) gồm 11 thành viên do đồng chí Võ Văn Kiệt làm Bí thư; các đồng chí Trần Văn Trà, Mai Chí Thọ làm Phó Bí thư. Sau ngày 30/4, Ủy ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định làm lễ ra mắt đồng bào Thành phố và bắt tay thực hiện các nhiệm vụ[1].

1 Đầu năm 1976, tình hình mọi mặt của Sài Gòn - Gia Định đi vào ổn định. Ngày 24/1/1976, Ủy ban nhân dân cách mạng thành phố Sài Gòn - Gia Định gồm Chủ tịch Võ Văn Kiệt và các Phó Chủ tịch là Mai Chí Thọ, Lê Đình Nhơn, Nguyễn Văn Hiếu làm lễ ra mắt tại Nhà hát Lớn thành phố. Đến đây, Ủy ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định hoàn thành sứ mệnh lịch sử.

Ban Chính quyền do Thành ủy thành lập từ Hội nghị Thành ủy từ tháng 7/1974, đồng chí Ba Ka (Phạm Khải), Thành ủy viên làm Trưởng Ban. Ban Chính quyền có nhiệm vụ tiếp quản Tòa Đô chánh sau khi lực lượng vũ trang của ta đã chiếm lĩnh trong ngày 30/4/1975. Ban Chính quyền đã quy tụ được một số cán bộ cốt cán của ban ngành trực thuộc Thành ủy để tiếp quản Tòa Đô chánh. Lúc này, anh Ba Ka, Trưởng Ban phụ trách chung. Anh Ba Khang (Ba Bắc, Thành ủy viên, Bí thư Liên Quận 3) và tôi Thái Nhân Hòa (Nguyên Hiệu phó Trường Đảng Nguyễn Văn Cừ, Hiệu phó Trường Bí thư Chi bộ), anh Ba Bắc và anh Ba Ka xử lý thường trực công việc tiếp quản tại Tòa Đô chánh.

Nhiệm vụ tiếp quản đặt ra hết sức cấp bách, không chỉ tiếp quản, cơ sở vật chất của Tòa Đô chánh mà chủ yếu là tiếp quản toàn bộ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ công thương nghiệp, tài chính ngân hàng và văn hóa xã hội, đồng thời tiếp quản nhanh chóng các ngành chức năng thiết yếu như: Công ty Điện lực, Công ty Cấp nước, Sở Bưu chính Viễn thông, Sở Giao thông Công chính v.v.. Các anh Ba Ka, Ba Bắc đều có trách nhiệm liên hệ phối hợp với các bộ, các cơ quan trung ương, các ban ngành chức năng có liên quan của miền và của Thành phố để làm tốt công tác tiếp quản như trên nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ vẻ vang mà Thành ủy và Ủy ban Quân quản Thành phố đã giao. Về phần mình, tôi được Ban Tổ

chức Thành ủy phân công làm nhiệm vụ tiếp quản hồ sơ nhân sự của Tòa Đô chánh và một số cơ sở văn hóa thuộc Đô trưởng.

Nơi làm việc, tạm thời sắp xếp như sau, anh Ba Ka ngồi ở Phòng Đô trưởng, anh Ba Bắc ngồi ở Phòng Phụ tá Đô trưởng (nay là phòng Phó Chủ tịch Ủy ban phụ trách Công nghiệp) và tôi làm việc tại Phòng Chủ nhiệm Thanh tra (nay là phòng Phó Chủ tịch Ủy ban phụ trách Văn xã của Ủy ban nhân dân Thành phố). Đôi khi ngồi trò chuyện với nhau chúng tôi đều thấy như reo vui trong lòng, có cảm tưởng: "*Hôm nay vui đến ngõ trong mơ*". Những ngày này, công việc tại đây khá bề bộn, từ hành chính, văn thư đến kho lưu trữ tài liệu và thư viện còn ngổn ngang, bề bộn, nhất là kho tư liệu sách báo tung tóe, phòng căng tin của Tòa Đô chánh (chứa đầy rượu Tây, thuốc lá ngoại, bánh kẹo, nước giải khát) đã bị đập tung cửa. Mấy ngày đầu còn có hiện tượng "hôi của" từ đám lưu manh bên ngoài vào, mang đi phích nước, bàn ủi, rượu Tây, thuốc lá ngoại. Hiện tượng đó chỉ diễn ra trong đêm 30 và sáng 1/5/1975, đã chấm dứt khi đoàn chúng tôi đến tiếp quản. Đặc biệt là tại các xí nghiệp dệt, may và hãng xưởng nhỏ, công nhân lao động càng reo vui, tưng bừng tổ chức họp mặt thân mật, liên hoan mừng chiến thắng, giải phóng Thành phố. Không ít cử chỉ đẹp đã xuất hiện khá mới mẻ với chúng tôi: nhiều cặp nam nữ sinh viên đến Tòa Đô

chánh chào mừng Đoàn cán bộ chúng tôi và xin chữ ký để lưu niệm.

Để phục vụ yêu cầu quản lý công chức Tòa Đô chánh, Ban Chính quyền đề ra nhiệm vụ cho chúng tôi là phải tiếp quản cơ ngơi văn hóa, thông tin, tư liệu tại chỗ và đưa lực lượng bảo vệ cùng đi tiếp quản các cơ sở in ấn, trường sở, kể cả ngân hàng thuộc Tòa Đô chánh. Riêng về công chức làm việc tại Tòa Đô chánh cần nhanh chóng nắm cho được danh sách của họ hiện đang có mặt tại Sài Gòn. Với trách nhiệm của mình, tôi đã sưu tầm trong kho tư liệu lưu trữ tại Tòa Đô chánh và kịp thời thông báo trước cửa Tòa Đô chánh để họ ghi tên "trình diện" trong thời gian sớm nhất trước ngày 1/5/1975 theo quy định của Ủy ban Quân quản Thành phố. Nhờ vậy, sau một tuần lễ, tôi đã nắm được danh sách công chức và có cơ sở báo cáo với Ban Chính quyền Thành ủy.

Khối lượng công việc tiếp quản tại Tòa Đô chánh khá nhiều và cấp bách. Với tôi, không chỉ có tiếp quản hồ sơ nhân sự mà còn có nhiệm vụ tiếp quản Học viện Hành chánh Quốc gia Trung ương tại số 200 Trần Quốc Toản - Quận 10 (nay là đường 3 tháng 2, Quận 10), trường Trung học Hoa - Việt Thanh Nguyên trên đường Thiệu Trị - Quận 6, trường Trung cấp Tài chánh ở 33 đường Vĩnh Viễn - Quận 10, v.v.. Tôi đã triển khai lực lượng tiếp quản

nhanh gọn ba cơ sở văn hóa giáo dục trong vòng một tuần lễ, trong đó khối lượng công việc ở Học viện Hành chính Quốc gia khá lớn.

Thể theo đề nghị của anh Ba Ka (Trưởng Ban Chính quyền) được Thường vụ Thành ủy nhất trí, một số ban ngành đã phân công cán bộ đến công tác tại Tòa Đô chánh nhằm tăng cường cho Ban Tiếp quản từ những ngày 10/5/1975 trở đi: gồm các anh Mười Tân (Phan Trọng Tân, Tiểu ban Giáo dục), Bác sĩ Mười Nhâm (Ban Dân y), Bác sĩ Ba Điều (được đào tạo trong kháng chiến chống Mỹ), anh Năm Thái (Nguyễn Hồng Điển, Liên quận 10), anh Mười Thanh (Cục Quốc doanh Chiếu bóng), anh Mười Trí (Đặng Minh Trí - sau về Ban Tổ chức), v.v... Anh Ba Ka phân công anh Năm Thái phụ trách Văn phòng chính quyền cách mạng tại Tòa Đô chánh. Mặt khác, Ban Tổ chức Thành ủy đã gửi cho tôi một danh sách cán bộ sơ trung cấp từ Hà Nội mới vào trong ngày giải phóng Thành phố, nhằm tạo điều kiện cho tôi có một đội ngũ cán bộ làm công tác hướng dẫn học tập cho lớp công chức trên 3.000 người của Tòa Đô chánh.

Thời gian tiếp quản tại Tòa Đô chánh diễn ra nhanh chóng, sau khi bộ đội chủ lực của ta đã chiếm lĩnh trước đó (chiều 30/4/1975). Khi cán bộ chúng tôi đến, một số nhân viên của Tòa Đô chánh vẫn còn làm nhiệm vụ của

họ như: bảo vệ, y tế, vệ sinh, nhưng chưa kịp lãnh lương cuối tháng. Tại đây cũng có chuyện khá lý thú: ông Phụ tá hành chánh của Đô trưởng Sài Gòn như lu bù việc nhà hay còn hoảng sợ, chưa kịp giao nộp nốt một số giấy tờ cho Ban Tiếp quản để trở về với gia đình ở Thủ Đức. Hôm ấy, tôi không quên làm nhiệm vụ giải thích chính sách khoan hồng của Mặt trận đối với những công chức cao cấp chân thành hợp tác với chính quyền cách mạng và động viên họ giao nộp vũ khí nếu có. Sau nửa giờ trao đổi cởi mở, thẳng thắn tại phòng "Thanh tra", ông phụ tá Đô trưởng đã xin giao lại cho tôi 2 khẩu súng ngắn và 100 viên đạn để nộp ngay cho Ủy ban Quân quản Thành phố.

Cán bộ gương mẫu, tôn trọng của công

Trong những ngày tiếp quản tại Tòa Đô chánh, tôi nhận thấy anh em trong đoàn đều tỏ rõ sự gương mẫu của mình, tôn trọng của công và quyết tâm làm tốt nhiệm vụ được giao. Một vài chiến sĩ bảo vệ thấy rượu Tây, thuốc lá ngoại, bánh kẹo ở kho căng-tin có ý mang về cho tập thể sử dụng, tôi nói không nên làm vậy. Anh em đồng tình và niêm phong tại chỗ. Thường trú tại Tòa Đô chánh hơn 2 tuần lễ, cán bộ và chiến sĩ ăn ở tại chỗ, tự mình nấu nướng hai bữa cơm trong ngày giữa đô thành Sài Gòn mới giải phóng. Anh em đều khắc phục khó khăn, nhiều đêm ngủ trên bàn, trên ghế salon tại Tòa Đô chánh

mà thấy vui lạ. Ngày nào ở trong rừng, làm việc tại căn cứ dễ gì có được tủ bàn sang trọng ăn uống tốt như thế này. Anh em kháo nhau: "*Sài Gòn giải phóng sướng thật*!" Giữa những ngày vui rộn rã này, chị Ba Kim (vợ anh Ba Ka), chị Tư Sương (Trần Thị Ngọc Sương, vợ anh Sáu Nhân là cơ sở cách mạng ở ngành Bưu điện Thành phố) mang thức ăn tươi sống cho chúng tôi (có cả bia, nước ngọt, thuốc lá...). Một số cơ sở cách mạng ở Xóm Chiếu, Bàn Cờ nhiều lần đến thăm chúng tôi và mang theo quà bánh để tặng cho cán bộ chiến sĩ, như gởi gắm nghĩa tình của cán bộ cơ sở tại chỗ với cán bộ hoạt động nội thành ngày nào. Thời gian tiếp quản, tôi đã tiếp nhận một chiếc xe hơi hiệu Mercedes 200 tại một ngôi nhà vắng chủ (đường Lê Thánh Tôn, Quận 1) và đưa vào sử dụng tiếp đón đoàn cán bộ của Bộ Văn hóa - Thông tin (như Giáo sư Lâm Bình Tường) ở vụ Bảo tồn Bảo tàng, ông Nguyễn Văn Hải ở Cục xuất bản, v.v... vào tiếp quản nhà sách Khai Trí, nhà in ở đường Lý Thái Tổ - Quận 10, các bảo tàng và thư viện ở Quận 1. Về chiếc xe hơi tốt ấy, tôi đã sử dụng không quá 2 tháng, rồi giao lại Văn phòng Thành ủy chuyển cho Ban Đối ngoại để làm công tác ngoại giao của Ủy ban Quân quản Thành phố. Ngay căn nhà số 45 đường Tú Xương, Quận 3 với tiện nghi đầy đủ và trang trí nội thất khá đẹp, vốn là nhà của một Tùy viên văn hóa Úc, Huấn học đô thị tiếp quản khá sớm (10/5/1975), thấy

căn nhà không phù hợp với yêu cầu công tác Huấn học và cương vị của mình, nên tôi đã giới thiệu cho anh Sáu Tạo (Trần Văn Tạo) nhận ngay cho anh Mười Hương (Trần Quốc Hương, Phó Bí thư Thành ủy) tiếp quản và ăn ở, sau đó ông chuyển về Quận 2.

Lớp ngắn ngày phục vụ sự nghiệp giải phóng Sài Gòn

Là một Thành phố mới giải phóng, từ Ủy ban Quân quản đến các ban ngành đoàn thể của Thành ủy đều có nhiều việc cấp bách phải làm, sớm ổn định an ninh trật tự Thành phố. Riêng về công tác Huấn học, với tư cách cán bộ phụ trách trường lớp đô thị, tôi đã tiếp xúc không ít công chức của Tòa Đô chánh trong những ngày tiếp quản Sài Gòn. Do đó, tôi đề xuất với anh Hai Trúc (phụ trách Huấn học đô thị) và anh Hai Trinh (Võ Quang Trinh, phụ trách Ban Tuyên huấn Thành ủy), sớm tổ chức học tập cho trên 3.000 công chức Tòa Đô chánh trong thời gian sớm nhất. Thời gian này, anh Tư Ánh (Trần Bạch Đằng) đã đi họp ở Trung ương, sau đó được Ban Bí thư phân công tổng kết công tác đô thị khá bận rộn, nên anh không tham gia Ban Tuyên huấn Thành ủy. Về việc học tập cho công chức Tòa Đô chánh, Thường vụ Thành ủy đã quan tâm và nhắc Ban Chính quyền khẩn trương nắm tình hình nhân sự ngay từ ngày đầu tiếp quản. Tôi ý thức

rõ việc học tập cho công chức Tòa Đô chánh là giúp họ hiểu rõ chủ trương chính sách của Mặt trận và động viên, phát huy vai trò của họ trong chức trách vốn có mà họ đã làm trong thời gian qua, góp phần tích cực xây dựng chính quyền, xây dựng Thành phố mới giải phóng.

Bên cạnh đó, một số anh chị em tù chính trị mới được trao trả trong ngày giải phóng Thành phố càng phải học tập trước khi làm nhiệm vụ mới. Mặt khác, hàng ngàn thanh niên Sài Gòn - Gia Định rất nhiệt tình, hăng hái tham gia làm công tác an ninh trật tự, vệ sinh đường phố, kể cả làm công tác chỉ đường, hướng dẫn cho người dân đi qua các giao lộ ở trung tâm Thành phố,... Anh chị em đoàn viên thanh niên đều có yêu cầu thiết thân của họ, hiểu biết về chủ trương chính sách của Đảng và Mặt trận và vai trò của họ đối với Thành phố mới giải phóng. Ngoài ra, không ít cán bộ kháng chiến cũ và cán bộ đứt liên lạc hàng ngày đến Tòa Đô chánh gặp anh em chúng tôi, nói lên nguyện vọng chính đáng của mình và xin đóng góp khả năng, sức lực của mình vào công cuộc xây dựng Thành phố mới giải phóng.

Trước những yêu cầu thiết yếu nêu trên, tôi trao đổi với anh Hai Trúc (Huấn học đô thị) xin ý kiến anh Ba Ka và anh Chín Lực (tức Nguyễn Văn Tư - Phó Ban Tổ chức Thành ủy) đồng ý cho tôi được rời Tòa Đô chánh sớm

hơn dự định để trở về căn nhà Huấn học tại số 80/3 Bà Huyện Thanh Quan - Quận 3 (nhà vắng chủ của một Tùy viên văn hóa Philippines, thoáng mát có cả hồ bơi và ga-ra xe hơi) để kịp chuẩn bị chương trình kế hoạch mở các lớp học ngắn ngày phục vụ công cuộc quản lý xã hội và xây dựng cuộc sống mới tại Thành phố mới giải phóng:

- Sau ngày 30/4/1975, lớp học đầu tiên là "chiến thắng trở về". Huấn học đô thị tiếp tục tổ chức học tập cho một số em tù chính trị mới được trao trả đợt cuối cùng sau ngày giải phóng. Lớp "chiến thắng" đầu tiên mở đầu tháng 4/1973 tại suối Bà Chiêm - căn cứ Dương Minh Châu và kết thúc tháng 4/1974. Lớp này mở tại Trường Hùng Vương - Quận 5 với thời gian 2 tuần lễ. Tôi còn nhớ có chị Sáu Mỹ (Từ Thanh Mỹ, cánh Thành đoàn), cô Út Huỳnh (tức Nguyễn Thị Lánh, cánh trí vận), đặc biệt là anh Bùi Văn Toản ở tù Côn Đảo ngót 6 năm, chịu đựng mọi cực hình tra tấn của địch, luôn giữ vững khí tiết, âm thầm làm báo, viết bản tin trong nhà tù Mỹ - ngụy. Anh Lê Quang Vịnh là một trong ba anh (Lê Hồng Tư, Huỳnh Văn Chính, Lê Quang Vịnh) bị Tòa án Sài Gòn xét xử ngày 24/5/1962, bị giam cầm ở Côn Đảo, mới trao trả sau ngày giải phóng miền Nam. Anh được chúng tôi phân công làm lớp trưởng lớp Chiến thắng này. Sau này, anh Lê Quang Vịnh là Trưởng Ban Tôn giáo của Chính phủ công tác tại Hà Nội.

- Tiếp theo đó là lớp bồi dưỡng cho đoàn viên và thanh niên Thành phố, trên 1.200 học viên học tại Học viện Hành chánh Quốc gia (200 Trần Quốc Toản, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Trường Kinh tế Trung ương trên đường 3/2, Quận 10). Lớp này có anh Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Văn Nuôi đến học. Các anh Năm Xuân (Mai Chí Thọ), anh Mười Hương (Trần Quốc Hương) giảng về Tình hình và nhiệm vụ an ninh chính trị, anh Hai Tân (Trần Trọng Tân, nguyên Phó Ban Tuyên huấn Thành ủy vào công tác nội thành, bị địch bắt, đày ra Côn Đảo, mới được trao trả) giảng về Tình hình và nhiệm vụ mới, và tôi giới thiệu về Vai trò và nhiệm vụ của đoàn viên và thanh niên trước tình hình Thành phố mới giải phóng.

Đặc biệt là lớp học cho công chức Sài Gòn được mở ra ngày 15/5/1975. Lớp học cho 3.000 công chức Tòa Đô chánh Sài Gòn đã được mở ra tại Học viện Hành chánh Quốc gia Sài Gòn. Mỗi lớp học có từ 200 đến 300 công chức và kéo dài từ 3 đến 5 ngày tùy theo cấp bậc của từng loại công chức. Các đồng chí Mai Chí Thọ, Trần Quốc Hương thay mặt Thành ủy đến giảng bài về kinh tế - xã hội và an ninh chính trị xã hội. Riêng về Tình hình và nhiệm vụ chung của Thành phố, tôi được phân công truyền đạt cho công chức và trực tiếp hướng dẫn các lớp cho đến khi kết thúc lớp học.

Từ ngày 15/5 trở đi, lớp học cho công chức đã mở ra và kết thúc tốt đẹp. Nhiều công chức đã nói lên cảm nghĩ chân thành của mình: "*Nghe nói đi học tập là đi tẩy não, anh em chúng tôi sợ lắm. Nay được học tập, được nghe các nhà lãnh đạo giảng giải sâu sắc, chúng tôi đều phấn khởi, hiểu rõ nghĩa vụ của một công chức dưới chế độ mới và nguyện đem hết sức mình xây dựng Thành phố mới giải phóng, sớm giàu đẹp, cuộc sống ngày càng ấm no hạnh phúc*". Với kết quả trên, nếu không có một số cán bộ sơ trung cấp từ Hà Nội mới bổ sung vào trong ngày giải phóng Thành phố thì tôi khó có thể đảm bảo việc giảng dạy, tổ chức học tập tốt và hoàn thành sớm nhất cho trên 3.000 học viên công chức trong tháng 6/1975. Các anh Tư Bi (nguyên Giám đốc Công ty Quản lý Nhà đất Thành phố), anh Lê Bửu (nguyên Giám đốc Sở Thể dục Thể thao), anh Mười Trí (Đặng Minh Trí, nguyên Trưởng Ban Tổ chức Chính quyền Thành phố), anh Ba Hòa (Phạm Thanh Hòa, nguyên cán bộ Văn phòng Ban Thống nhất Trung ương ở Hà Nội, sau ngày giải phóng anh làm Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, rồi làm Trưởng Ban Tổ chức Chính quyền Thành phố), anh Mười Trân (nguyên Giám đốc Công xưởng Đô thành), v.v... từ Hà Nội mới vào Thành phố được Ban Tổ chức Thành ủy phân công đến giúp Ban phụ trách học tập làm tốt công tác hướng dẫn học tập cho lớp công chức nói trên.

Viết đến đây, tôi nhớ lại một hôm tại Học viện Hành chánh Quốc gia năm 1975. Sau khi giới thiệu về tình hình nhiệm vụ mới của Thành phố Sài Gòn trước và sau ngày giải phóng cho 300 thanh niên, sinh viên, học sinh Thành phố. Hôm ấy đúng vào dịp kỷ niệm Ngày sinh Bác Hồ, tôi kể một câu chuyện về tấm lòng người dân sống trong lòng địch đối với Cụ Hồ: Vào cuối năm 1970, trên đường về căn cứ Sở Thượng (biên giới Campuchia): cô giao liên công khai đưa tôi qua khỏi phà Bắc Mỹ Thuận thì đã 5 giờ chiều, cần phải dừng lại Đồng Tháp một tối để sáng hôm sau về căn cứ càng sớm càng tốt. Cô giao liên đi trước, tôi theo sau đến khúc quanh cô lại nói: *"Sắp đến nhà bác Bảy rồi, anh sẽ nghỉ lại đấy"*. Khi vào đến nhà, tôi gặp ngay một tên lính ngụy mang súng AR15 đi ngang qua tôi mà không chào hỏi gì làm tôi có phần ái ngại, biểu lộ qua đôi mắt. Cô giao liên cảm thông với tôi, nhanh nhảu hỏi ngay cậu dân vệ: *"Bác Bảy có ở nhà không cưng?"* Cậu ta gật đầu và càng rảo bước ra khỏi cổng nhà. Cô giao liên quay lại nói với tôi: *"Con trai bác Bảy đi dân vệ, như đến giờ gác ca đêm nên vội vã đi là vậy"*. Tôi thấy yên tâm vào nhà bác Bảy sau bữa cơm tối, bác Bảy đi ngủ sớm. Tôi còn ngồi uống nước trà, ngắm hòn non bộ và cơ ngơi của bác, thuộc loại khá giả ở vùng này. Một căn nhà 5 gian và 2 căn nhà phụ để đầy lu đựng mắm và cá muối, mỗi lu mắm chứa từ 100 đến 200 lít. Nhìn vào gian giữa

của nhà lớn, nơi thờ tự gia tiên thật là trang nghiêm: lư hương đỉnh đồng bóng loáng, hương trầm nhẹ tỏa và có cả bức tranh lụa đã cũ mà vẫn rõ nét hình ảnh một *cụ già ngồi câu cá,* dưới có bài thơ tứ tuyệt viết bằng chữ quốc ngữ khá đẹp. Tôi dừng lại lâu bên bàn thờ, đọc đi đọc lại bài thơ, nhẩm từng câu từng chữ đều mang nội dung và ý nghĩa thật sâu sắc:

"Cụ già thong thả buông cần trúc
Hồ nước mênh mông mặt nước hồng
Muôn đóa đài sen hương bát ngát
Tuổi già vui thú với non sông".

Sau khi đọc bài thơ vịnh bức tranh Cụ già ngồi câu cá nổi lên dòng chữ: CỤ HỒ MUÔN TUỔI. Cả lớp đứng dậy vỗ tay hô vang "*Cụ Hồ muôn tuổi! Cụ Hồ muôn năm!*" Anh em học viên tiếp tục vỗ tay, tỏ ý tán thưởng tấm lòng của dân đối với Bác Hồ và tác giả bài thơ đầy ý nghĩa đó. Hôm ấy, tôi rất xúc động và số đông học viên cũng xúc động, cảm kích lạ! Sau đó mấy phút kết thúc câu chuyện, tôi giải thích thêm ý nghĩa bài thơ nói trên và nêu rõ một vài ý nghĩa sâu sắc khác: "*Súng Mỹ lòng ta*", "*Xanh vỏ đỏ lòng*" là như vậy.

***

Thấm thoát đã hơn một năm kể từ ngày di chuyển cơ quan từ suối Bà Chiêm - Tây Ninh sang rừng Long

Thành - Đồng Nai, biết bao đổi thay lớn lao trên đất nước và Thành phố thân yêu của ta. Đặc biệt công cuộc đổi mới của Đảng đã mở ra từ Đại hội VI (tháng 12/1986), tạo tiền đề thuận lợi cho Thành phố đi lên theo đường lối đổi mới của Đảng, đã làm thay da đổi thịt về kinh tế - xã hội, văn hóa phát triển, đời sống nhân dân không ngừng cải thiện. Cơ quan Văn phòng Thành ủy ngày nào làm việc muôn vàn khó khăn trên các vùng sông nước khác nhau từ Củ Chi đến bưng biền Đồng Tháp, ngày nay tọa lạc đĩnh đạc tại Quận 3 đông vui, giàu đẹp. Trường Đảng Nguyễn Văn Cừ ngày nào còn tranh tre nứa lá, nép mình dưới rừng cao su Củ Chi đất thép hoặc dưới rừng lá Mỹ Tho, Bến Tre, Trà Vinh bên bờ sông nước Cửu Long, giờ đây đã đổi thành Trường Cán bộ khang trang thoáng mát giữa lòng Thành phố thân yêu, cán bộ nhân viên càng quyết tâm làm tốt nhiệm vụ được giao, phục vụ sự nghiệp đổi mới giành thắng lợi mới.

ĐỂ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN DÂN TỘC, KHÔNG CÓ CON ĐƯỜNG NÀO KHÁC, CON ĐƯỜNG KHÁNG CHIẾN CỨU NƯỚC![*]

Con đường kháng chiến cứu nước, chống xâm lược là đặc trưng của các dân tộc bị xâm lược, bị áp bức, nhằm đấu tranh giành lại chủ quyền dân tộc, bảo vệ độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân, thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân và

1 Tham luận "*Hội thảo Quốc tế về những khía cạnh chọn lọc trong lịch sử và nhận thức về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam Việt Nam 1954 - 1975*", do Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến phối hợp cùng Đại học Khoa học Xã hội - Nhân văn và tổ chức Rosa Luxemburg của Cộng hòa liên bang Đức tổ chức tại khách sạn Rex (Bến Thành), ngày 5 và 6/9/2008.

đế quốc.

Dân tộc Việt Nam đã phải chiến đấu liên tục, chống giặc ngoại xâm triền miên, mới bảo vệ được chủ quyền dân tộc và trường tồn đất nước.

Quá trình kháng chiến cứu nước của dân tộc Việt Nam

Ngay từ buổi bình minh dựng nước, trong truyền thuyết dân gian, nước Văn Lang của các vua Hùng đã phải đương đầu với nhiều thứ "giặc". Câu chuyện Thánh Gióng đánh giặc Ân, cứu dân cứu nước là một huyền thoại tiêu biểu về tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm đầu tiên, mang tính lịch sử sâu sắc.

Nếu mùa Xuân Ất Tỵ (225 trước Công nguyên) với sự tích xây thành Cổ Loa (huyện Đông Anh, Hà Nội) dưới thời An Dương Vương đã trở thành truyền thống vẻ vang đấu tranh giữ nước của dân tộc, thì Xuân Canh Tý (năm 40 đầu Công nguyên) nổi lên hai vị nữ anh hùng Trưng Trắc và Trưng Nhị phất cờ khởi nghĩa chống quân Đông Hán, mở đầu lịch sử oai hùng chống quân xâm lược của dân tộc ta. Ngạn ngữ Việt Nam có câu "*Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh*" là trên ý nghĩa đó.

Kể từ cuộc kháng chiến chống Tần vào năm 214 - 208 trước Công nguyên đến hai lần kháng chiến chống

quân Nam Hán năm 931 và năm 938, hai lần kháng chiến chống quân Tống năm 981 và 1075 - 1077, ba lần kháng chiến chống quân Nguyên - Mông năm 1258, năm 1285 và năm 1287 - 1288 của Trần Hưng Đạo, dân tộc ta đương đầu với giặc ngoại xâm 8 lần, mỗi lần từ 10 đến 30 năm, ngót 350 năm chiến đấu bền bỉ, liên tục, gian khổ hy sinh để bảo vệ chủ quyền dân tộc.

Tiếp đó là hai lần kháng chiến chống quân Minh năm 1406 - 1407 và năm 1418 - 1427 của Lê Lợi, cuộc kháng chiến chống quân Xiêm năm 1784 - 1785 và cuộc kháng chiến chống quân Thanh năm 1788 - 1789 của Nguyễn Huệ - Quang Trung. Tất cả các cuộc chiến đấu nêu trên đều nhằm giành lại độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước.

Suốt thời kỳ Minh thuộc, dân tộc Việt Nam không ngừng đấu tranh, liên tiếp vùng lên khởi nghĩa chống quân Minh. Nổi bật là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn năm 1418 của Lê Lợi: kháng chiến và chiến thắng vẻ vang, giành lại độc lập tự chủ cho dân tộc ngày 3/11/1427. "*Giang sơn từ đây đổi mới; xã tắc từ đây vững bền*" như nhà thi hào Nguyễn Trãi đã viết trong *Bình Ngô đại cáo*, đầu Xuân Mậu Thân 1428.

Trên nền tảng xã hội Việt Nam đã được độc lập tự chủ, dân tộc Việt Nam đã nhanh chóng đánh bại sự xâm

lược của quân Xiêm (1784 - 1785) và thần tốc đánh thắng quân Thanh xâm lược (1788 - 1789) vào ngày đầu Xuân Kỷ Dậu (31/1/1789). Chiến thắng quân Thanh, người anh hùng dân tộc Quang Trung, với ý chí bảo vệ chủ quyền độc lập dân tộc, đã cảnh cáo kẻ thù xâm lược: "*Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ*".

Nhưng kẻ thù xâm lược vẫn chưa nhận ra "*Nam quốc anh hùng chi hữu chủ*", chưa hiểu rõ "*Nước Nam anh hùng là có chủ*". Từ giữa thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ câu kết nhau xâm lược nước ta và trên thực tế, Mỹ can thiệp vào chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam. Hơn 80 năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp trên đất nước ta, nhân dân ta và toàn thể dân tộc ta không ngừng nổi lên chống thực dân Pháp xâm lược: Từ cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh, 1930 - 1931, cao trào dân chủ 1936 - 1939, Nam Kỳ khởi nghĩa (23/11/1940) đến Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 thành công, rồi Nam Bộ kháng chiến (23/9/1945) dẫn đến Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946) và tiến hành kháng chiến trường kỳ, làm nên "Điện Biên chấn động địa cầu!" (7/5/1954).

Khó khăn thách thức đều vượt qua, Hiệp định Genève được ký kết (7/1954). Đó là thắng lợi to lớn của ta về đấu tranh ngoại giao, phản ánh tương quan thắng lợi về mặt

trận quân sự trên chiến trường. Bất chấp Hiệp định quốc tế đã ký kết, đế quốc Mỹ và tay sai ngang nhiên phá hoại Hiệp định Genève, tăng cường khủng bố, đàn áp, đánh phá ác liệt phong trào yêu nước của nhân dân ta ở miền Nam[1], xóa bỏ hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, đẩy nhân dân miền Nam vào con đường phải bảo vệ quyền sống, đấu tranh giành tự do dân chủ và hòa bình xây dựng đất nước.

"*Tức nước vỡ bờ*", nhân dân miền Nam đã vùng lên đấu tranh, làm nên cuộc "Đồng khởi" 1959 - 1960, mở ra xu thế tiến công địch trên toàn miền. Nổi bật là chiến dịch Xuân Mậu Thân 1968, tập kích chiến lược và nổi dậy đồng loạt của quân dân ta ở miền Nam, đã giáng cho địch những đòn sấm sét vào hang ổ của Mỹ - ngụy ở Sài Gòn, làm lung lay nền thống trị của chúng ở miền Nam và buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán…!

---

1 Theo số liệu của chế độ Sài Gòn thú nhận trong vòng 10 tháng, từ tháng 7/1955 đến tháng 5/1956, chúng đã bắt và giết 108.835 người yêu nước, người dân vô tội. (Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 210).

Số đảng viên, cán bộ, cơ sở cách mạng bị địch giết hoặc bắt bớ tù đày lên tới hàng trăm, hàng nghìn người ở địa phương. Riêng ở miền Đông Nam bộ, sau 1954 có 14.365 đảng viên, đến cuối năm chỉ còn 1.950 đảng viên. (*Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ 1945 - 1975*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 238).

Trước thất bại nặng nề đó, đế quốc Mỹ vẫn còn ngoan cố, liều lĩnh, hí hửng với sức mạnh của "không lực Hoa Kỳ" (máy bay B52, siêu âm, cường kích…), đưa chiến tranh phá hoại ra miền Bắc (hè 1972), đánh phá công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa của nước ta trên miền Bắc. Nhưng đế quốc Mỹ đã tính nhầm, gặp phải sức mạnh quân sự của ta với đường lối chiến tranh nhân dân, sức mạnh của các phi đội luôn sẵn sàng xuất kích, chiến đấu ngoan cường, dũng mãnh và sức mạnh của "hậu phương lớn", giáng trả cho kẻ thù xâm lược những đòn đích đáng, lập nên chiến thắng Điện Biên Phủ trên không tháng 12/1972. Quân dân ta đã bảo vệ vùng trời, vùng biển, vùng lãnh thổ, bảo vệ cuộc sống xã hội ở Thủ đô và bảo vệ vững chắc thành trì xã hội chủ nghĩa, tiếp tục chi viện lớn cho "tiền tuyến lớn" đánh to, thắng lớn!

Phát huy thắng lợi đã giành được, quân dân hai miền Nam Bắc không ngừng đoàn kết một lòng vì sự nghiệp "*giải phóng miền Nam*" và "*bảo vệ miền Bắc*", chiến đấu và luôn chiến thắng, đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" và "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ ở miền Nam.

Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ trong *Di chúc* của Người: "*Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều*

người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!"[1]

Trước khí thế hừng hực chiến đấu và chiến thắng của quân dân ta trên chiến trường miền Nam, chiến dịch Tây Nguyên mở ra với chiến thắng Buôn Ma Thuột ngày 10/3/1975, trận mở màn quyết định giải phóng Tây Nguyên, tạo ra cục diện mới, thuận lợi mới, quân ta tiến quân đánh mạnh ở đồng bằng và đô thị. Tiếp đến chiến dịch Xuân Lộc mở ra ngày 9/4/1975 (sau Chiến dịch Hồ Chí Minh mở ra một ngày), quân ta đã đánh to thắng lớn, giải phóng Xuân Lộc - Long Khánh ngày 21/4/1975, đập tan phòng tuyến thép của Mỹ - ngụy bảo vệ Xuân Lộc - Long Khánh, cửa ngõ Đông Bắc Sài Gòn mở toang, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội chủ lực của ta ở miền Đông Nam Bộ tiến quân vào Thành phố phục vụ Chiến dịch Hồ Chí Minh (8/4/1975) tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - Đại thắng mùa Xuân 1975 là đỉnh cao của cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng dân tộc, đã giải phóng miền Nam, thực hiện

1 *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh,* Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam xuất bản.

thống nhất nước nhà và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Ý nghĩa thực tiễn sâu sắc

Với thắng lợi to lớn đó đã làm nức lòng phấn khởi quân dân cả nước và bầu bạn thế giới. Từ đó, dân tộc Việt Nam bước vào thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước, nhằm xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Ôn lại một chặng đường lịch sử chiến đấu và chiến tranh vẻ vang của dân tộc ta trong thời kỳ giữ nước, xây dựng và bảo vệ đất nước, nhân dân Việt Nam ý thức một cách sâu sắc rằng: bảo vệ chủ quyền dân tộc, vì độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân, "con cháu các vua Hùng" không có con đường nào khác, con đường chống xâm lược, kháng chiến cứu nước và "cùng nhau giữ lấy nước", cùng nhau xây dựng đất nước.

Từ thực tiễn nêu trên, khẳng định con đường kháng chiến cứu nước, bảo vệ chủ quyền dân tộc là tất yếu và tất thắng, mở ra thời kỳ lịch sử hiện đại của dân tộc ta từ đó. Dưới đây là mấy nội dung cơ bản mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc:

1. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công, chính quyền công nông được thành lập với Tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945, nhà nước công nông được thành lập, mở đầu kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập tự do, dân chủ nhân dân trong cả nước. Ở Nam Bộ, chính quyền nhân dân Nam Bộ vừa mới ra đời chưa đầy một tháng, đã phải đứng lên kháng chiến - Nam Bộ kháng chiến (23/9/1945). Đúng là "chưa đầy một tháng" (từ ngày 25/8/1945 đến ngày 23/9/1945) như nhà thơ Hưởng Triều đã viết:

… "Có ai kiếm được khắp chân trời góc biển
Một thành phố trẻ măng nhưng lịch sử rất lạ lùng
Từ thuở chào đời, suốt mấy trăm năm
Chỉ sống tự do có hai mươi chín ngày ngắn ngủi
Chưa thỏa niềm vui
Giặc đã đến rồi
Súng lại cầm tay
Đạn nói thay lời
Ôi! Chỉ có hai mươi chín ngày ngắn ngủi
Mà ân tình gắn bó đến thịt xương…"[1]

1 Hưởng Triều (Trần Bạch Đằng), *Bài ca khởi nghĩa,* Tuyển tập thơ, Nxb. Văn học TP. HCM, 1996, tr.44.32. + 15.

Thực dân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam lần thứ hai, nhằm xóa bỏ thành quả cách mạng vừa mới giành được. Vận mệnh dân tộc đứng trước tình thế như "*ngàn cân treo sợi tóc*". Không có con đường nào khác, khi khả năng hòa hoãn không còn, khi kẻ thù dồn dân tộc Việt Nam vào chỗ phải lựa chọn: "*Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*", như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định và kêu gọi "Toàn quốc kháng chiến" chống xâm lược Pháp (19/12/1946). Cả nước đứng lên, toàn dân tộc vùng dậy kháng chiến cứu nước cho đến ngày toàn thắng.

Thật đúng như vậy, độc lập dân tộc không tự nó đến. Phải đấu tranh lâu dài và hy sinh xương máu cho sự nghiệp độc lập dân tộc, tự do, dân chủ của nhân dân mới có tự do, độc lập và hạnh phúc cho toàn dân tộc.

2. Kẻ thù xâm lược thường lớn mạnh hơn nhiều so với dân tộc bị áp bức. Dân tộc Việt Nam luôn luôn phải đương đầu với các thế lực thù địch, từ những đế quốc lớn mạnh thời cổ trung đại đến những cường quốc đế quốc chủ nghĩa thời cận - hiện đại như thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trong đó *Chiến thắng Điện Biên Phủ* của quân dân ta là một điểm son trong trang sử vàng của dân tộc.

Kẻ thù xâm lược vẫn chưa nhận rõ thất bại thảm hại của chúng trong cuộc chiến tranh xâm lược ba nước

Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng. Đế quốc Mỹ đưa "cố vấn quân sự" vào miền Nam, "hà hơi tiếp sức" cho ngụy quân ngụy quyền Sài Gòn, tiến hành "Chiến tranh đặc biệt" và ồ ạt đưa quân đội Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam, thực hiện "Chiến tranh cục bộ" trên quy mô lớn ở miền Nam, đưa chiến tranh phá hoại ra miền Bắc với cường độ chiến tranh tổng lực và hủy diệt, nhằm khuất phục quân dân hai miền Nam Bắc. Nhưng kẻ thù xâm lược liên tiếp bị thất bại thảm hại trước sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại mà quân dân ta đã tạo ra trên chiến trường đánh Mỹ, thắng Mỹ.

Rõ ràng là, kẻ thù xâm lược đã gây ra bao đau thương mất mát và thiệt hại to lớn cho nhân dân hai miền đất nước, phá hoại cuộc sống yên lành của toàn dân tộc đã giành được từ Cách mạng mùa Thu lịch sử năm 1945 cũng như công cuộc xây dựng cuộc sống mới trên nửa phần đất nước từ thắng lợi Hội nghị Genève 1954. Chính trong thời gian đó, "kẻ gieo gió, gặt bão" và "nợ máu phải trả bằng máu" là lẽ tự nhiên: "*Mỹ cút, ngụy nhào!*" là vậy. Chủ quyền dân tộc ta được giữ vững. Cuộc sống xã hội tiếp tục phát huy, cả nước đi lên trong sự nghiệp đổi mới, giành thắng lợi mới!

Như chúng ta đã biết, lịch sử cách mạng thế giới vẫn còn ghi nhận "*Tuyên ngôn độc lập*" của nước Mỹ

năm 1776 và "*Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền*" của nước Pháp năm 1791 đều khẳng định: "*Dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền tự do bình đẳng…*". Bởi vậy, trước hiểm họa xâm lược, nhân dân Việt Nam không sao tránh được, con đường kháng chiến cứu nước: "*Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*", để giải phóng miền Nam và thống nhất Tổ quốc. Với ý chí bất khuất giành lại chủ quyền nước ta và "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*" như Bác Hồ đã dạy. Đó là lẽ sống, con đường sống của nhân dân ta: Dân tộc Việt Nam ta chiến đấu và liên tục chiến thắng để bảo vệ chủ quyền dân tộc mình, đồng thời phù hợp với nguyện vọng các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

3. Dân tộc Việt Nam có quyền tự hào chính đáng về bản anh hùng ca giữ nước vẻ vang của mình. Từ chiến thắng quân Tống xâm lược với bài thơ *Nam quốc sơn hà* của Lý Thường Kiệt vang lên bên bờ sông Như Nguyệt (năm 1077) đến *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi khẳng định chủ quyền dân tộc sau ngày chiến thắng quân Minh (năm 1427), đến đại phá quân Thanh ở gò Đống Đa (Xuân Kỷ Dậu - 1789) và *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 2/9/1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Vườn hoa Ba Đình lịch sử là sự tiếp nối thắng lợi vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Đại thắng mùa Xuân lịch sử năm 1975 của quân dân Việt Nam đã khẳng định tư tưởng vĩ đại của Người: "*Không có*

gì quý hơn độc lập, tự do!". Thắng lợi vẻ vang đó là kết quả tất yếu của sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho hàng động cách mạng Việt Nam. Với đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, thực hiện "Độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội", cách mạng miền Nam và cuộc kháng chiến cứu nước của nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, được sự đồng tình và giúp đỡ to lớn của bầu bạn xa gần trên thế giới, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác và ngày càng tỏa sáng dưới vòm trời Đông Nam Á.

Đó là nguyên nhân sâu xa, là cội nguồn thắng lợi, mà các bậc tiền nhân qua bao lớp người xả thân vì dân vì nước, đã tạo thành sức mạnh tổng hợp chiến thắng kẻ thù xâm lược giành lại chủ quyền dân tộc, làm thất bại chủ nghĩa thực dân cũ và mới ở Việt Nam trong thời đại ngày nay.

4. Tự hào về chiến thắng vẻ vang của dân tộc bao nhiêu, nhân dân Việt Nam càng cảm thông sâu sắc bấy nhiêu với các dân tộc bị áp bức và nô dịch đang đấu tranh cho độc lập dân tộc, tự do bình đẳng giữa các dân tộc trên thế giới. Nhưng đối với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, nhân dân Việt Nam chẳng những không đồng tình mà còn phẫn nộ trước mọi hành động cực đoan, quá khích

của các thế lực phản động, đẩy nhân dân các dân tộc vào cuộc chiến tranh tương tàn, đẫm máu và kéo theo nghèo đói, chết chóc như ở một số nước hiện nay…

5. Thế giới ngày nay đã đổi thay, nhận thức của con người cũng có những thay đổi nhất định. Nhiều quốc gia dân tộc từng đối đầu - đụng độ nhau nay đã chấp nhận xếp lại hận thù, xem quá khứ thuộc về lịch sử, "*Hãy bỏ qua quá khứ, nhìn vào tương lai, bắt tay nhau đi tới!*". Đó là một hiện tượng mới trong xu thế của thời đại ngày nay. Lịch sử nước Việt Nam còn ghi lại không ít những tấm gương "hòa hiếu" của tiền nhân: những anh hùng dân tộc như Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung đều tỏ rõ sự "khoan dung độ lượng" của mình đối với kẻ thù xâm lược khi chúng đã quy hàng hay bại trận. Các anh hùng hào kiệt và danh nhân đất nước còn có cả chính sách "khoan hồng" đối với tù hàng binh và chính sách "bang giao hòa hiếu" của mình với nước đi xâm lược bị đánh bại.

Hiện nay, với đường lối đối ngoại đúng đắn của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng rộng mở, đã khẳng định tinh thần: "*Đoàn kết - Hợp tác - Hội nhập quốc tế*" dựa trên nguyên tắc "*Tôn trọng chủ quyền độc lập dân tộc, bình đẳng và hai bên cùng có lợi*", nhằm làm cho "*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*" như Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã đề ra.

Ngày nay, trong quan hệ ngoại giao Việt Nam luôn khẳng định "*sẵn sàng là bạn với tất cả các nước*". Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ được ký kết (7/2000) là xuất phát từ đường lối đối ngoại đúng đắn của Việt Nam và thực tiễn sinh động nêu trên.

Từ thực tiễn phong phú và sinh động nêu trên, nhân dân ta không ngừng phát huy truyền thống dựng nước và giữ nước vẻ vang của dân tộc mở ra từ thời Hùng Vương dựng nước cho đến thời đại Hồ Chí Minh vinh quang ngày nay. Nhân dân ta quyết tâm bảo vệ và xây dựng đất nước thân yêu của mình ngày càng giàu mạnh, phồn vinh theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước ta.

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, ĐI LÊN GIÀNH THẮNG LỢI(*)

Sự nghiệp đổi mới của Đảng ta diễn ra trong bối cảnh nước nhà đã thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, đánh dấu từ Đại hội VI của Đảng (12/1986). Đại hội đã xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là "*xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*". Với đường lối đổi mới của Đảng: *"đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để"*; đồng thời kiên định con đường *"Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội"*,

* *Những chặng đường lịch sử 1954 - 1975; 1975 - 2005*, Nxb. giáo dục, Hà Nội, 2005, tr. 339.

nhằm thực hiện mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ý nghĩa lịch sử trọng đại của Đại hội VI như đồng chí Nguyễn Văn Linh - Tổng Bí thư của Đảng đã nói trong bài Diễn văn bế mạc Đại hội: "*Đại hội VI của Đảng đã mở ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, đặt nền tảng cho việc tìm ra con đường thích hợp đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*"[1].

Nhận thức chung về "đổi mới"

Sự nghiệp đổi mới của Đảng xuất hiện vào những năm nửa sau thế kỷ XX, mang tính kế thừa mà tiền đề lịch sử là xu hướng canh tân đất nước - cải cách xã hội trong lịch sử nước nhà. Ngay từ thời Lý, cách đây một nghìn năm (1010), Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long, mở đầu thời kỳ nước nhà hưng thịnh với nền văn hiến Đại Việt phát triển rực rỡ. Thế kỷ XIII, dưới thời Trần Thủ Độ tiến hành canh tân toàn diện, chuẩn bị chiến thắng đội quân xâm lược Nguyên - Mông. Cuối thế kỷ XIV, Hồ Quý Ly canh tân cải cách kinh tế, tạo tiền đề cho cải cách của Lê Thánh Tông thành công sau này. Đầu thế kỷ XIX,

1 *Diễn văn Bế mạc Đại hội VI, Văn kiện Đại hội, tháng 12/1986*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1986.

Minh Mạng tiến hành cải cách hành chính thành công, củng cố vương triều Nguyễn, nhưng lại kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tiếp nối các thời kỳ vàng son của dân tộc, nửa sau thế kỷ XIX, lịch sử nước nhà xuất hiện xu hướng canh tân đất nước, nhằm tự cường dân tộc, gắn liền tên tuổi Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, ảnh hưởng của nó không chỉ trong triều và ngoài nội mà còn mang lại những tiến bộ nhất định đối với xã hội đương thời. Đặc biệt đầu thế kỷ XX, từ Duy tân Hội của Phan Bội Châu đến phong trào duy tân của Phan Châu Trinh ra đời lấy "Dân quyền" làm chủ thuyết, ảnh hưởng ngày càng rộng trong nhân dân, khơi dậy ý thức dân chủ, dân quyền trong quần chúng, đưa đến vụ "Dân kiến Trung Kỳ" năm 1908.

Về Đổi mới, một khái niệm đã xuất hiện từ thế kỷ XV: "*Giang sơn từ đây đổi mới*" trong *Bình Ngô Đại Cáo* của Nguyễn Trãi. Ba thế kỷ sau, cuối thế kỷ XVIII, sau khi đánh bại quân xâm lược nhà Thanh, Quang Trung đã nói: "*Trẫm nay cùng dân đổi mới*" trong Chiếu lên ngôi Hoàng đế (25/11/1788). Nhưng đổi mới ngày nay trong khái niệm chung là sự nghiệp đổi mới mang tính cách mạng, là công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nội dung tư tưởng, tính chất và quy mô rộng lớn của sự

nghiệp đổi mới ngày nay mang nhiều ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đảng lãnh đạo là nhân tố cơ bản, quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Sau ngày thành lập Đảng (3/2/1930), Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối cách mạng và cương lĩnh hành động của mình, do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, đánh dấu một mốc son lịch sử chói lọi trong sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, dân tộc ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta ngày càng lớn mạnh không ngừng và liên tiếp giành những thắng lợi to lớn: Cao trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao "Xô viết Nghệ - Tĩnh" và Cao trào dân chủ 1936 - 1939. Đó là hai cuộc tổng diễn tập đầu tiên của Đảng trong lịch sử cách mạng nước nhà, mang nội dung và ý nghĩa lịch sử sâu sắc.

Từ cuối năm 1940 đến đầu năm 1941, ba cuộc đấu tranh lớn đã nổ ra trên ba miền đất nước: Khởi nghĩa Bắc Sơn (27/9/1940); Khởi nghĩa Nam Kỳ (23/11/1940) và binh biến Đô Lương (13/1/1941). Mặc dù bị kẻ thù đàn áp khởi nghĩa và đánh phá ác liệt phong trào cách mạng, tinh thần quật khởi và ý chí kiên cường bất khuất của cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng càng thêm nung nấu chí căm thù địch, sẵn sàng đứng lên đánh bại kẻ thù cướp nước.

Với quá trình hoạt động của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công (19/8/1945), lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với bản *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 2/9/1945 (nay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Sau ngày Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946), quân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Sau Đại thắng mùa Xuân lịch sử 1975, một thời kỳ mới đã mở ra trên đất nước ta: Thời kỳ hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đi lên chủ nghĩa xã hội vừa là xu thế phát triển của đất nước, vừa là nguyện vọng của nhân dân.

Quá trình hình thành, phát triển tư duy Đổi mới của Đảng

Nhìn lại quá trình lãnh đạo của Đảng thông qua các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng cho thấy: từ Đại hội I (3/1935) đến Đại hội II (2/1951), Đại hội III (9/1960) đều mang nội dung và ý nghĩa lịch sử trọng đại, đem lại

những thành quả cách mạng lớn lao như đã nêu trên, đánh dấu bước phát triển rực rỡ của sự nghiệp cách mạng nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng trong thời đại Hồ Chí Minh vinh quang.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV[1] mở ra sau ngày miền Nam giải phóng, thống nhất đất nước (12/1976). Đại hội IV là Đại hội thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội tiếp tục khẳng định con đường của Đảng và Bác Hồ đã chọn, xác định đường lối đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu lên ba đặc điểm của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

- Nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

1 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng được tiến hành theo hai bước: Đại hội trù bị họp từ 29/11 đến ngày 10/12/1976 và Đại hội chính thức họp từ 14 đến 20/12/1976 tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1008 đại biểu thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trong cả nước. 20 Đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức quốc tế đến dự. Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 101 Ủy viên chính thức và 32 Ủy viên dự khuyết. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ nhất bầu đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất, Đại hội thông qua Nghị quyết về đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Tổ quốc đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của cuộc chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân gây ra.

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới vẫn diễn ra gay go, quyết liệt.

Riêng ở miền Nam, cuối năm 1975, tình hình ruộng đất ở các tỉnh phía Nam có nhiều đặc điểm khác biệt với nông thôn miền Bắc. Đảng chủ trương điều chỉnh ruộng đất, với hình thức tổ chức và quản lý thích hợp, đưa nông dân phía Nam đi dần vào con đường làm ăn tập thể. Một số địa phương đã mạnh dạn tìm tòi cách tháo gỡ và làm thử cách quản lý mới. Từ cuối 1979 đến giữa năm 1980 đã xuất hiện một số thí điểm: tỉnh Long An thí điểm việc bù giá vào lương, mua và bán theo giá cao một số mặt hàng sát với giá thị trường. Long An đã thu được một số thành công trong việc lưu thông hàng hóa, nhưng còn rất nhiều vấn đề đòi hỏi chính sách chung của Đảng và Nhà nước. Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thí điểm quyền tự chủ xí nghiệp, lấy kế hoạch làm chính, đồng thời sử dụng đúng đắn mối quan hệ hàng hóa với thị trường, nhằm kinh doanh có lợi. Ngày 27/6/1980, thành phố Hải

Phòng ra Nghị quyết làm thử hình thức khoán việc và khoán sản phẩm cho xã viên và nhóm xã viên. Các thí điểm nêu trên đã chứng minh được hình thức và biện pháp quản lý kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Hải Phòng đều tăng năng suất, tăng sản xuất, phát huy tích cực của người lao động, nâng cao ý thức tiết kiệm chi phí sản xuất, khai thác và phát huy năng lực vốn có của gia đình xã viên.

Căn cứ vào thực tiễn sinh động đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng cho phép các địa phương mở rộng thí điểm khoán sản phẩm và khoán việc, đánh dấu bước tiến mới về nhận thức, về tư duy đổi mới và đổi mới từng phần trong lĩnh vực kinh tế xã hội. Nhìn về trước, năm 1966, Kim Ngọc chủ trương thực hiện "khoán hộ" ở Vĩnh Phúc, một nhân tố mới không được phát huy mà còn bị phê phán gay gắt, do tư duy đổi mới chưa xác lập. Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *"Mãi về sau này, khi đề ra đường lối đổi mới, anh Trường Chinh đã nhận khuyết điểm, phê bình Kim Ngọc là không đúng... Sau này, anh Trường Chinh đến xem xét tình hình thực tế đã tán thành những chủ trương mới ở địa phương là đúng"*[1].

1 Đại tướng Võ Nguyễn Giáp, *Những bài viết và nói chọn lọc trong thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 535.

Tháng 12/1980, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa IV bàn về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế và xã hội năm 1981. Ngày 13/1/1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị 100/CT-TW về công tác khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp (gọi tắt là Chỉ thị 100). Khoán tạo ra hiệu quả kinh tế lớn trong nông nghiệp.

Cùng với việc đổi mới từng phần trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, Đảng quan tâm kiện toàn bộ máy nhà nước và tăng cường công tác xây dựng Đảng.

Trên lĩnh vực quốc phòng và an ninh ở biên giới phía Bắc và trên biển, các lực lượng vũ trang nhân dân thường xuyên bám địa bàn, bảo vệ biên cương Tổ quốc. Ở biên giới Tây Nam, quân và dân ta vừa bảo vệ biên giới, vừa làm nghĩa vụ quốc tế giúp nhân dân Campuchia hồi sinh, xây dựng cuộc sống mới.

Tháng 3/1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng[1] đã xác định hai nhiệm vụ chiến lược cách

1 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng tiến hành làm hai bước: Đại hội trù bị từ ngày 15/3 đến 24/3/1982 và Đại hội công khai từ 27 đến 31/12/1982 tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên cả nước, có 47 đoàn đại biểu của các đảng cộng sản và công nhân, các tổ chức cách mạng trên thế giới đến dự Đại hội. Ngày 30/3/1982, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V họp bầu ra Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư và Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

mạng của nước ta trong giai đoạn mới: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đại hội V còn nêu ra phương hướng mới như sau:

1. Chặng đường đầu bao gồm chặng đường 5 năm 1981 - 1985 và kéo dài đến năm 1990. Nhiệm vụ bức thiết trước mắt là ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

2. Trong 5 năm 1981 - 1985 và đến cuối những năm 1990, tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đẩy mạnh sản xuất tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng.

Từ sau Đại hội V, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tiến hành 11 hội nghị Trung ương trong đó có 8 Hội nghị bàn về kinh tế. Đặc biệt là Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V (tháng 12/1984) khẳng định việc trước tiên cần làm là *"xóa bỏ chế độ quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội đất nước"*. Chủ trương sáng tạo đó thể hiện sự chuyển biến mới về đổi mới tư duy trong việc tìm tòi con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Sau Hội nghị Trung ương 7, lãnh đạo Đảng thực hiện chủ trương cho các đoàn cán bộ của Trung ương đi

thực tế, khảo sát tình hình ở một số địa phương: Quảng Nam - Đà Nẵng, Nghĩa Bình là những địa phương có điển hình tốt về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 và Trung ương 7. Tiếp đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh và đồng chí Trường Chinh vào Thành phố Hồ Chí Minh (16 - 19/1/1985), đến thăm một số nông trại nuôi bò, trâu thí điểm có triển vọng phát triển. Với Thành phố Hồ Chí Minh, hai đồng chí lãnh đạo đều đánh giá là nơi đi đầu trong việc triển khai Nghị quyết Trung ương 6 và 7, rất tích cực và sáng tạo. Rời Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Trường Chinh đi Long An (20/1 - 23/1/1985), rồi An Giang (24 - 28/1/1985), Đồng Tháp (29/1 - 1/2/1985) và dừng lại Cần Thơ làm việc với Tỉnh ủy, kết thúc chuyến đi đồng bằng sông Cửu Long đang có những điển hình tốt.

Thật rõ ràng là: *"Chuyến đi khảo sát thực tế ở 5 tỉnh, thành trong 3 tuần lễ nói trên thật sự là một trường học bổ ích, nó mang lại sự chuyển biến đáng kể trong tư duy đổi mới và sáng tạo của ông Trường Chinh. Từ sau Hội nghị Trung ương 6, 7, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Long An và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã mạnh dạn đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, thực hiện hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nhất là từ năm 1982 đến năm 1985, tỉnh Long An đã tiến hành làm thử vấn đề bù giá vào lương và tính giá thành đầy đủ trong một xí nghiệp,*

đạt kết quả vững chắc, sản xuất được đẩy mạnh, đời sống ổn định"[1].

Về đồng chí Nguyễn Văn Linh, ngay từ những năm làm Bí thư Thành ủy, đồng chí luôn trăn trở trước tình hình kinh tế nước nhà đang lún sâu vào khủng hoảng, công tác lưu thông phân phối trong cả nước, nhất là ở miền Nam còn rối ren, tác động xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân. Đồng chí Nguyễn Văn Linh không ngừng quan tâm đi khảo sát tình hình địa phương, đến nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh ở thành phố và các tỉnh Nam Bộ, rồi phân tích, tổng kết và báo cáo với cấp trên chính kiến của mình: *"Nhiệt tình của mình, ủng hộ chủ trương của Trung ương cho Long An làm thí điểm tiền tệ hóa tiền lương và bàn bạc với Thành ủy chỉ đạo làm thử việc kinh doanh lương thực, hoan nghênh Bộ Chính trị bảo đảm quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở"*[2].

Sau Hội nghị Trung ương 8 (6/1985), đồng chí Trường Chinh đi Thanh Hóa từ ngày 15 - 18/8/1985 để xem xét tình hình thực tế tại chỗ, rồi ông về lại Hà Tĩnh

1 Trần Nhâm, *Lê Duẩn - Trường Chinh, hai nhà lý luận xuất sắc của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 184 - 185.

2 Trần Tình, *Đồng chí Nguyễn Văn Linh, một tấm gương bền bỉ, sáng tạo, vì sự nghiệp đổi mới*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998, tr. 272 - 273.

(19 - 22/8/1985). Qua chuyến đi ấy, lãnh đạo Đảng càng có cơ sở thực tế, giúp cho sự chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 sâu sắc hơn.

Khảo sát tình hình, tìm hiểu thực tế ở 5 tỉnh thành phía Nam và mấy tỉnh thành phía Bắc trước sau Hội nghị Trung ương 8, đánh dấu quá trình đổi mới tư duy trong lãnh đạo Đảng ngày càng rõ nét: *"Việc đi khảo sát tình hình, tìm hiểu thực tế các địa phương của đồng chí Trường Chinh trong những năm trước đổi mới chính là để làm rõ vấn đề hình thành tư duy đổi mới của ông không phải là từ trên trời rơi xuống, cũng không phải là nặng từ trong đầu ra, mà là một quá trình được chuẩn bị bằng lý luận, phương pháp luận, là quá trình thâm nhập, nghiên cứu thực tiễn, rút ra bài học kinh nghiệm và từ đó đúc kết thành quan điểm, tư tưởng đổi mới"*[1].

Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V (tháng 12/1985) bàn về kế hoạch nhà nước năm 1986 đã nhận định: Nền kinh tế đạt được một số tiến bộ. Sản lượng lương thực năm 1985 tăng 400.000 tấn, tốc độ sản xuất nông nghiệp tăng 7,4%, việc kết hợp kinh tế với quốc phòng có bước tiến khá.

1 Trần Nhâm, *Lê Duẩn - Trường Chinh, hai nhà lý luận xuất sắc của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 186.

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V thông qua dự thảo Báo cáo chính trị lần thứ nhất và chủ trương đưa dự thảo xuống thảo luận ở Đại hội vòng 1 các cấp, chuẩn bị Đại hội VI của Đảng.

Thời gian này, đồng chí Nguyễn Văn Linh đang giữ trọng trách trong Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng thường trao đổi với đồng chí Trường Chinh đồng quan niệm "lấy dân làm gốc", một bài học quan trọng trong công tác vận động cách mạng và thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Đồng chí luôn quan tâm việc đi khảo sát tình hình, lắng nghe cơ sở và dành thì giờ nghiên cứu chính sách "Tân kinh tế" của Lênin, nhằm tìm ra đáp số cho một bài toán khó đang đặt ra từ giữa năm 1985 - 1986. Với tác phong giản dị, khiếm tốn, cẩn trọng, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã góp nhiều ý kiến với Bộ Chính trị và Trung ương Đảng, tạo tiền đề thuận lợi cho việc chuẩn bị các văn kiện cho Đại hội VI của Đảng sẽ mở ra vào cuối năm 1986.

Để lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết Trung ương Đảng, Hội nghị Bộ Chính trị họp ngày 18/5/1986 đã uốn nắn những biểu hiện lệch lạc về ý thức trong quá trình đổi mới tư duy. Tại Hội nghị quan trọng này, đồng chí Trường Chinh đã phát biểu quan điểm của mình: *"Trong quá trình đổi mới tư duy, nhất*

là tư duy kinh tế, chúng ta không thể không sử dụng các phạm trù sản xuất hàng hóa, quy luật giá trị, đòn bẩy kinh tế, quan hệ hàng hóa, tiền tệ, giá cả, thị trường... Đó là những phạm trù chính trị - kinh tế học được các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin đúc kết và khái quát lên, thì tại sao chúng ta lại không dùng được, xem như là công cụ phổ biến của tư duy kinh tế. Vấn đề là những phạm trù kinh tế ấy có phù hợp với điều kiện cụ thể, phản ánh được những quy luật kinh tế khách quan của nước ta hay không, chứ không phải là vấn đề bắt chước hay không bắt chước quan điểm của nước ngoài". Ông nói tiếp: *"Đoàn kết là sức mạnh và là truyền thống quý báu của Đảng ta như Bác Hồ đã dạy. Nhưng đoàn kết không có nghĩa là không có ý kiến khác nhau. Những ý kiến khác nhau, thông qua thảo luận, trao đổi thẳng thắn, có tinh thần trách nhiệm, sẽ dẫn đến sự nhất trí. Nếu qua thảo luận còn những vấn đề chưa nhất trí thì phải chờ đợi nhau, qua quá trình thực tiễn, nhận thức nâng cao và thay đổi dần dần đạt được nhất trí"*[1].

Đổi mới tư duy kinh tế là một sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa của Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta, phù hợp với quy luật khách quan, với trình độ của nền kinh

1 Trần Nhâm, *Lê Duẩn - Trường Chinh, hai nhà lý luận xuất sắc của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 186.

tế ở mỗi thời kỳ phát triển, đó là tư duy biện chứng khoa học. Đồng chí Trường Chinh đã nói rõ: *"Đổi mới tư duy kinh tế phải nhằm mục tiêu gắn phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng quan hệ sản xuất, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục suốt thời kỳ quá độ với những hình thức, bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển"*. Ông khẳng định: *"Có thể coi điều vừa nói trên là bước đổi mới tư duy kinh tế quan trọng nhất của Đảng ta"*[1].

Từ giữa năm 1986 đến tháng 11/1986[2], Đại hội vòng I các cấp từ cơ sở quận huyện đến tỉnh, thành phố và các Đảng bộ trực thuộc Trung ương góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội, phản ảnh thực tế nóng bỏng của cuộc sống xã hội.

Đáng chú ý, tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội (17 - 23/10/1986), với cương vị Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Trường Chinh phát biểu tại Đại hội, có

1 Trần Nhâm, *Lê Duẩn - Trường Chinh, hai nhà lý luận xuất sắc của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 237, 200.

2 Giữa lúc toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang ra sức tháo gỡ khó khăn, khắc phục cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội VI, đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng qua đời ngày 10/7/1986. ngày 14/7/1986. Hội nghị bất thường Ban Chấp hành Trung ương khóa V đã bầu đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị làm Tổng Bí thư.

đoạn: "Thế giới ngày nay đang nhanh chóng đổi mới: chủ nghĩa xã hội phải phấn đấu để chứng minh tính ưu việt của mình về mọi mặt so với chủ nghĩa tư bản trên thực tế. Đối với cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa tư bản trên thực tế. Đối với cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, đổi mới là con đường vươn lên đáp ứng đòi hỏi của thời đại, đáp ứng những nhu cầu chính đáng và ngày càng cao của nhân dân. Đối với nước ta, đổi mới cũng là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có tầm quan trọng sống còn. Yêu cầu đó vừa là đòi hỏi bên trong của nước ta, vừa phù hợp với xu thế đổi mới của thời đại"[1].

Rõ ràng là, quá trình đổi mới tư duy trước hết phải phấn đấu tư duy đổi mới tự đổi mới nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nhận thức về lí luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng.

Mở đầu sự nghiệp đổi mới

Tháng 12/1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, mở đầu sự nghiệp đổi mới[2]. Đại hội đã đề

1 Trần Nhâm, Sđd, tr. 187.

2 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tiến hành qua hai bước: Đại hội nội bộ từ ngày 5 - 14/12/1986 và Đại hội công khai họp từ 15 - 18/12/1986, tại Hà Nội. Về dự Đại hội có 1.129 Đại biểu chính thức

ra nhiệm vụ chung cho cả chặng đường đầu quá độ lên chủ nghĩa xã hội là: *"Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"* và *"Trong khi không ngừng chăm lo nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Đảng và nhân dân ta tiếp tục đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng chế độ làm chủ tập thể nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ*

---

thay mặt cho gần 1,9 triệu đảng viên cả nước, 35 đoàn đại biểu các đảng anh em, các tổ chức cách mạng và bầu bạn khắp năm châu, 300 nhà báo trong và ngoài nước. Đại hội tiến hành bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm có 173 đồng chí (124 ủy viên chính thức, 49 ủy viên dự khuyết). Có 92 đồng chí khóa V được bầu lại và 81 đồng chí mới được bầu.

Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI họp ngày 14/7/1986 đã bầu Bộ Chính trị gồm 13 Ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết (9 đồng chí ủy viên cũ và 5 đồng chí ủy viên mới). Đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư. Ban Bí thư gồm 12 đồng chí và Ủy viên Ban Kiểm tra Trung ương Đảng gồm 7 đồng chí. Ngày 15/12, Đại hội nghe đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V trình bày tóm tắt Báo cáo chính trị; đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trình bày tóm tắt Phương hướng, mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 1986 - 1990; đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị trình bày Báo cáo bổ sung sửa đổi một số điểm cụ thể trong Điều lệ Đảng. Chiều ngày 17/12, Đại hội nghe đồng chí Phạm Hùng báo cáo về đề nghị không ứng cử của ba đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ. Đại hội nhất trí trao trách nhiệm cao cả cho ba đồng chí làm cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI.

nghĩa"[1]. Đại hội còn nêu rõ: *"Chặng đường đầu tiên là một bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn"* và *"Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo"*[2].

Muốn thực hiện những "nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát" của chặng đường đầu tiên (phải trong nhiều kế hoạch 5 năm nữa) thì trong 5 năm trước mắt (1986 - 1990) cần tập trung sức người, sức của thực hiện bằng được nhiệm vụ mục tiêu của Ba chương trình kinh tế về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Đặc biệt là Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI đã khẳng định: *"Thực tế chứng minh đường lối đổi mới của Đảng do Đại hội VI đề ra là đúng đắn. Chính sách kinh tế nhiều thành phần và việc thực hiện ba chương trình kinh tế bước đầu đã giải phóng được sản xuất; dân chủ được phát huy; chiến lược bảo vệ*

1 Trần Nhâm, Sđd, tr. 37 - 38.
2 Trần Nhâm, Sđd, tr. 40.

Tổ quốc được chuyển hướng phù hợp; quan hệ quốc tế được mở rộng"[1].

Tại Hội nghị quan trọng nêu trên, Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu lên những nguyên tắc cơ bản về đổi mới (X):

Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện tốt hơn bằng quan niệm đúng đắn, hình thức, biện pháp và bước đi thích hợp.

Đổi mới không phải là xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin mà là vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin và khắc phục những quan niệm không đúng về học thuyết đó.

Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị phải nhằm tăng cường chứ không phải là làm yếu sức mạnh và hiệu lực của chuyên chính vô sản.

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, song dân chủ phải có lãnh đạo, lãnh đạo phải trên cơ sở dân chủ, dân chủ với nhân dân nhưng phải chuyên chính với kẻ thù.

- Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

---

1 Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 397.

Năm nguyên tắc trên đây cũng là những bài học mang tính quy luật mà Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa VI đã đúc kết qua thực tiễn đổi mới. Ngay từ khi mở đầu sự nghiệp đổi mới, Đảng ta đã khẳng định là chuyển toàn bộ sự nghiệp cách mạng theo hướng đổi mới, đó là một quá trình lâu dài, suy nghĩ, tìm tòi, thử nghiệm, từng bước hình thành cái mới, nhân tố tích cực, thúc đẩy nền kinh tế nước nhà đi lên một cách vững chắc.

Đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để là yêu cầu khách quan, tất yếu của sự nghiệp đổi mới, trên cơ sở "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ba chương trình kinh tế của Đảng đề ra đã mang lại kết quả rất đáng khích lệ:

Về lương thực, thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên (năm 1988, ta phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo), đến năm 1990, chúng ta đã vươn lên đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. Sản lượng lương thực năm 1988 đạt 19,50 triệu tấn (vượt năm 1987 là 2 triệu tấn) và năm 1989 đạt 21,40 triệu tấn.

Hàng hóa trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng, dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, trong đó nguồn hàng sản xuất trong nước tuy chưa đạt kế hoạch

vẫn tăng hơn trước, phần bao cấp của Nhà Nước về vốn, giá vật tư, tiền lương… giảm đáng kể.

Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức. Từ năm 1986 đến năm 1990, hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần (từ 439 triệu rúp và 384 triệu đô la lên 1.019 triệu rúp và 1.170 triệu đô la). Từ năm 1989, nước ta đã tăng thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo, dầu thô và một số mặt hàng mới khác.

Đi đôi với kinh tế là xây dựng Đảng, tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 đã quyết định một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng, bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Hội nghị cho rằng, sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức chưa ngang tầm nhiệm vụ cách mạng, chưa đáp ứng đòi hỏi của công cuộc đổi mới và yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân. Những vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng cần phải tiến hành là phát huy bản chất và truyền thống cách mạng tốt đẹp của Đảng; đổi mới tư duy, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và phương pháp công tác; nâng cao giác ngộ cách mạng, bồi dưỡng lý tưởng, phẩm chất, kiến thức và năng lực lãnh đạo chính trị của cán bộ, đảng viên, mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Về quan hệ đối ngoại, Đảng và Nhà nước ta thực hiện chủ trương tìm giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia, cải thiện quan hệ Việt - Trung, quan hệ Việt Nam - ASEAN. Về vấn đề Campuchia, từ tháng 5/1988, Bộ Quốc phòng nước ta tuyên bố rút 5 vạn quân và Bộ Tư lệnh quân tình nguyện về nước, sẽ làm mất đi cái cớ mà thế lực thù địch dựa vào để chống Việt Nam.

Vượt qua khó khăn, thử thách

Sự nghiệp đổi mới của Đảng đang được thực hiện trên các mặt kinh tế, chính trị và đời sống xã hội, tạo ra một sự chuyển mình mạnh mẽ trên mọi miền đất nước, làm nức lòng phấn khởi trong quần chúng, nhân dân và đảng viên cả nước.

Tuy nhiên, vào thời điểm này, một thách thức mới đặt ra trước toàn Đảng và toàn dân ta, đó là những biến động chính trị, khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu bắt đầu trầm trọng từ Ba Lan, Hungary. Đầu năm 1989, tại Ba Lan, Công đoàn Đoàn kết lên nắm chính quyền, sau ngày Chính phủ do Đảng công nhân thống nhất Ba Lan lãnh đạo từ chức (3/1988). Ở Hungary, cánh hữu giành thắng lợi, chế độ xã hội chủ nghĩa bị xóa bỏ, khởi đầu từ khi Ủy ban Trung ương Đảng Công nhân Xã hội Chủ nghĩa Hungari chấp nhận đa nguyên chính

trị, đa đảng đối lập (9/1988). Tại Liên Xô, Đảng Cộng sản Liên Xô mất quyền lãnh đạo trong bầu cử Đại hội đại biểu nhân dân tháng 3/1989. Trước đó 2 năm, tháng 5/1987 Goócbachốp - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô tuyên bố chuyển trọng tâm cải tổ sang lĩnh vực chính trị theo khuynh hướng xã hội - dân chủ, chấp nhận đa nguyên, đa đảng, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Tháng 4/1989, tại Trung Quốc diễn ra phong trào "tự do hóa tư sản" dẫn tới sự kiện "Thiên An Môn", thực chất là vụ bạo loạn phản cách mạng.

Trước tình hình chính trị trên thế giới diễn biến phức tạp đó, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (15 - 24/8/1989) đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay. Nghị quyết đã phân tích những khuynh hướng chính trị của ban lãnh đạo đảng ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa: thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập; dân chủ hóa không giới hạn, gây mất ổn định chính trị; hạ thấp và thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng; phủ định thành tựu lịch sử; hy vọng nhiều ở phương Tây trong quá trình mở cửa. Nghị quyết Trung ương 7 còn chỉ rõ "Chúng ra sức tuyên truyền luận điểm nói rằng chủ nghĩa xã hội đã thất bại và tan rã, đang đi nhanh vào con đường diệt vong. Chúng giương cao

ngọn cờ dân chủ và nhân quyền tư sản giả dối, ngọn cờ kinh tế thị trường tự do tư bản, hòng lôi kéo nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Chúng đang hí hửng trước một số kết quả mà chúng đã đạt được. Đối với nước ta, ngoài các thủ đoạn trên, các lực lượng phản động bên ngoài còn tập trung đả kích, xuyên tạc Đảng ta không mạnh dạn cải cách thể chế chính trị, hạn chế dân chủ, hạn chế tự do báo chí, tự do sáng tác, phê bình. Chúng còn phổ biến rộng rãi ở nước ngoài và lén lút đưa vào trong nước những bài báo, cuốn sách có nội dung xấu, kích động biểu tình và bãi công, đòi tự do hóa tư sản, đòi xét lại vụ án "Nhân văn giai phẩm"…"[1].

Tình hình nói trên tác động nhiều đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, gây tâm lý dao động cho quần chúng. Tuy vậy, đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ta ủng hộ sự nghiệp đổi mới do Đảng ta đề xướng và đang phấn đấu đưa các chính sách đổi mới vào cuộc sống, vui mừng trước những thành tựu đã đạt được; lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý và điều hành của Nhà nước được nâng lên. Nhờ đó, tình hình chính trị và xã hội nước ta ổn định, vượt qua thử thách,

1 Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, *Một số văn kiện của Đảng về công tác Tư tưởng - Văn hóa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 2, tr. 87.

trụ vững trước sự sụp đổ của các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa và sự rệu rã của Liên bang Xô Viết.

Rõ ràng, Nghị quyết Trung ương 6 (3/1989) và Nghị quyết Trung ương của Đảng (8/1989) đã kịp thời ngăn chặn làn sóng xét lại, trào lưu xã hội - dân chủ và hệ tư tưởng tư sản tràn vào nước ta, sự nghiệp đổi mới tiếp tục đi lên trong tình hình chính trị ổn định, an ninh giữ vững, cả nước một lòng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhìn lại sau 3 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 1989), sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã có nhiều khởi sắc. Lạm phát và tốc độ tăng giá trị đã bị kiềm chế. Lần đầu tiên, lương thực đạt tổng sản lượng 21,5 triệu tấn quy thóc, không những đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và dự trữ quốc gia mà còn xuất khẩu được 1,2 tấn gạo. Đời sống của nhân dân được ổn định, giảm bớt khó khăn, đất nước vào Xuân 1990 đậm đà hương sắc đổi mới.

"Lửa thử vàng gian nan thử sức". Biến động chính trị trên thế giới lại tiếp tục diễn ra phức tạp, thách thức mới, nghiêm trọng hơn nhiều so với đầu năm 1989. Những tháng cuối năm 1989, sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước Đông Âu: tháng 10/1989, ở

Hungari, Đảng Công nhân xã hội chủ nghĩa tự giải tán, Quốc hội tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Hunggari. Ngày 24/11/1989, tại Tiệp Khắc, Tổng Bí thư Giakét, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản từ chức và ngày 18/12/1989 ông Heven thuộc nhóm "Hiến chương 77" được bầu làm Tổng thống. Ngày 28/10/1989, tại Cộng hòa Dân chủ Đức, Tổng Bí thư Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Erích Hônêchcơ và 2 ủy viên Bộ Chính trị từ chức. Ngày 1/12/1989, Quốc hội Cộng hòa Dân chủ Đức bỏ điều kiện trong Hiến pháp quy định vai trò lãnh đạo của Đảng Xã hội Chủ nghĩa Thống nhất Đức đối với toàn xã hội. Ngày 22/12/1989, ở Rumani, bạo loạn nổ ra ở nhiều nơi. Ngày 26/12/1989, "Mặt trận cứu nước" thành lập chính phủ lâm thời, đổi tên nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Rumani thành nước Cộng hòa Rumani. Ngày 30/10/1989, ở Bungary, Tôđo Gipcốp từ chức Tổng Bí thư, Quốc hội sửa đổi Hiến pháp và đổi tên nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Bungary thành nước cộng hòa. (Riêng Đảng Cộng sản Liên Xô bị giải tán ngày 25/8/1991. Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô Viết tan rã ngày 8/12/1991).

Trước diễn biến chính trị nghiêm trọng đó, phong trào cách mạng thế giới lâm vào thời kỳ thoái trào, tác động bất lợi đến nước ta nhiều mặt, làm nảy sinh tâm

trạng lo lắng cho tương lai đất nước mình trong Đảng và trong nhân dân. Khuynh hướng đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập xuất hiện. Đáng chú ý là những biểu hiện lệch lạc về nhận thức: *"Có người cho rằng muốn có dân chủ cần chấp nhận đa nguyên, đa đảng, cho Đảng ta ra Nghị quyết không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên là vội vàng, nói dân chủ phải dưới sự lãnh đạo của Đảng là hạn chế dân chủ, đòi cho ra báo tư nhân, đòi báo chí phải độc lập với Đảng; trước việc uốn nắn những lệch lạc về dân chủ, thì cho rằng dân chủ mới ở ta đã đóng lại. Trong văn hóa văn nghệ, một số ít người có tư tưởng phủ nhận thành tựu văn nghệ cách mạng, hạ thấp hoặc phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, miêu tả hiện thực quá đen tối, gây tâm trạng bi quan, hoài nghi…"*[1].

Nghị quyết Trung ương 7 (8/1989) đã đề cập đến công tác tư tưởng là cấp bách, xuất phát từ tình hình nêu trên, nhằm tăng cường và thống nhất ý chí hành động trong Đảng và trong nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (12 - 27/3/1990) đã thông qua Nghị quyết quan trọng về tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta,

1 Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, *Một số văn kiện của Đảng về công tác Tư tưởng - Văn hóa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 2, tr. 90.

đã xác định: *"Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta là phải đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp đổi mới mà mấu chốt là giữ vững ổn định chính trị. Trước mắt, phải tăng cường công tác chính trị, tư tưởng; đổi mới và tăng cường công tác quốc phòng và an ninh, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chủ động ứng phó với mọi tình huống; tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại theo phương châm thêm bạn, bớt thù, giữ vững hòa bình để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"*[1].

Trên cơ sở đó, Nghị quyết của Đảng được quán triệt trong toàn Đảng và ngày càng đi vào cuộc sống xã hội. Sức mạnh của Đảng, của nhân dân được phát huy, nhân lên gấp bội, vượt qua mọi khó khăn thách thức, thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng.

Đổi mới giành thắng lợi mới

Với đường lối đổi mới đúng đắn của mình, đánh dấu từ Đại hội VI, Đảng ta đã vượt qua những khó khăn thách thức, kiên định mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa theo con đường Bác Hồ đã chọn, tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, an ninh xã hội, đưa sự nghiệp đổi mới đi lên giành thắng lợi mới!

1 Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 405.

Thành tựu nổi bật là đổi mới kinh tế, bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là một chủ trương, chiến lược lâu dài trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chính sách này được nhân dân hưởng ứng rộng rãi và đã nhanh chóng đi vào cuộc sống. Chính sách ấy đã góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân ta, khơi dậy được nhiều tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân để phát triển sản xuất, dịch vụ, tạo thêm việc làm cho người lao động và tăng sản phẩm cho xã hội, tạo ra sự cạnh tranh sống động trên thị trường.

Bên cạnh đó, các lĩnh vực khác đều có những thành tích và tiến độ đầu tiên: Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy. Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị có một số đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử; nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp, bước đầu chỉnh đốn Đảng đi đôi với đổi mới sự lãnh đạo của Đảng với Nhà nước và xã hội.

Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được đảm bảo. Từng bước phá thế bao vây kinh tế và chính trị, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Những thành tựu đạt được nói trên chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của sự nghiệp đổi mới về cơ bản là phù hợp, phản ánh sự lãnh đạo sáng suốt, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng qua các thời kỳ Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị xã hội của đất nước trước những khó khăn, thách thức đã diễn ra gay gắt trong những năm 1988 - 1989. Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta luôn xác định lãnh đạo kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Là một Đảng cầm quyền, với bản lĩnh chính trị vững vàng và năng lực lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được tôi luyện trong lò lửa đấu tranh cách mạng, Đảng ta luôn vượt qua mọi khó khăn thách thức và luôn luôn là người chiến thắng. Trong lịch sử đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng ta đã trải qua không ít những chặng đường đầy cam go, thử thách: Phong trào cách mạng có lúc bị "dìm trong bể máu", "Phong trào tạm lắng, phong trào lại lên", có khi "Vận mệnh Tổ quốc như ngàn cân treo sợi tóc" và có lúc "Tưởng chừng như không gượng dậy được" trước cường độ chiến tranh xâm lược rất ác liệt, nhưng cách mạng đã vùng lên đánh đổ kẻ thù giành lại chủ quyền dân tộc, bảo toàn lãnh thổ, thống nhất đất nước. Những khúc ca

bi tráng đó như đã trở thành tiền lệ trong quá trình lãnh đạo của Đảng ngót 75 năm đấu tranh đầy vinh quang, thử thách để giành độc lập, tự do cho dân tộc. Nhưng chưa có tiền lệ về mô hình xã hội chủ nghĩa trong thời đại ngày nay, trước tình hình quốc tế có nhiều biến động chính trị không mấy thuận lợi. Đảng ta kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, mấu chốt là giữ vững ổn định chính trị, đưa sự nghiệp đổi mới đi lên giành thắng lợi mới!

Sau Đại hội VI (12/1986) đến Đại hội VII (6/1991), Đại hội VIII (7/1996) và Đại hội IX (4/2001), Đảng ta nêu lên những thành tựu to lớn về sự nghiệp đổi mới, rút ra nhiều kinh nghiệm phong phú và bổ sung phát triển nội dung đường lối đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Như đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đã nêu rõ: *"Sự nghiệp đổi mới trong gần 20 năm qua, tuy vẫn còn những mặt yếu kém và khuyết điểm, song đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ta có sự thay đổi cơ bản và toàn diện, đã khắc phục được một bước quan trọng hậu quả của chiến tranh, ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế với nhịp độ tương đối nhanh, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng bước đầu, công cuộc công*

nghiệp hóa, hiện đại hóa được đẩy mạnh; đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân do Đảng lãnh đạo được củng cố và tăng cường; sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên nhiều". Đồng chí Tổng Bí thư khẳng định: *"Những thành tựu to lớn đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Điều rất quan trọng là sau 20 năm lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm; nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn"*[1].

***

Trước những thành tựu bước đầu của sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, nổi lên những người con ưu tú của Đảng, những người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có công đầu trong quá trình đổi mới - đổi mới tư duy, nhất là đổi mới tư duy kinh tế và mở ra sự nghiệp đổi mới tươi sáng như ngày nay, đồng

1 Diễn văn của đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Lễ kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, báo *Sài Gòn Giải phóng* số ra ngày 3/2/2005 "Chào mừng Đảng Cộng sản Việt Nam 75 tuổi" (3/2/1930 - 3/2/2005).

chí Trường Chinh và đồng chí Nguyễn Văn Linh, hai nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng xứng đáng được tôn vinh là tấm gương tiêu biểu trong sự nghiệp đổi mới trước sau Đại hội VI.

MỤC LỤC

Lời tự bạch.....5

Lời Tác giả 7

1. Tuyên ngôn độc lập 17

2. Di chúc Hồ Chí Minh.....22

3. Hành trình "tìm đường cứu nước"
của Nguyễn Tất Thành với hiện thực sinh động,
mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc..... 29

4. Hồ Chí Minh, Chủ tịch Chính phủ lâm thời đầu tiên
của nước ta - mốc son chói lọi trong lịch sử
đấu tranh cách mạng của nhân dân ta 38

5. Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác xây dựng Đảng..... 50

6. Bác Hồ với công tác cán bộ..... 60

7. Tư tưởng Hồ Chí Minh với sử học..... 66

8. Nhà nho yêu nước Huỳnh Thúc Kháng
được Hồ Chủ tịch mời tham gia
Chính phủ lâm thời 81

9. Lòng dân với Cụ Hồ 95
10. Thầm lặng chúc ***"Cụ Hồ muôn tuổi"*** 102
11. Đền hùng, nơi Bác Hồ về thăm 105
12. Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng, Bình Thuận 121
13. Chiến thắng Bình Giã - Bà Rịa - Vũng Tàu 130
14. Chiến thắng Xuân Lộc - Long Khánh 147
15. "Tiến về Sài Gòn giải phóng thành đô" 158
16. Để bảo vệ chủ quyền dân tộc,
không có con đường nào khác,
con đường kháng chiến cứu nước! 181
17. Công cuộc đổi mới: Quá trình hình thành
và phát triển, đi lên giành thắng lợi 196

CÁC SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN:

- Quảng Nam - Đà Nẵng xưa & nay (Chủ biên)
Lời giới thiệu: Mai Thúc Lân
Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng
Nxb. Đà Nẵng, 1996.

- Đất Tổ Hùng Vương - Văn hóa Văn Lang
Lời giới thiệu: Đồng chí Trương Tấn Sang
Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy,
nay là Nguyên Chủ tịch nước
Nxb. Chính trị Quốc gia, 1996.

- Phạm Phú Thứ với xu hướng Canh tân
Lời giới thiệu: GS. Đinh Xuân Lâm
Nxb. Trẻ, 1999.

- Sự kiện lịch sử & Nhân vật lịch sử
Lời giới thiệu: GS. Mạc Đường
Nxb. Đà Nẵng, 2001.

- Nghĩa tình sâu lắng
Lời giới thiệu: NNC. Trần Bạch Đằng,
NSH. Dương Trung Quốc
Nxb. Đà Nẵng, 2002.

- Từ xu hướng Canh tân đến phong trào Duy Tân và sự nghiệp đổi mới
Lời tựa: GS. Trần Văn Giàu
Lời giới thiệu: GS. Đinh Xuân Lâm
Tổng luận: PGS.TS. Nguyễn Phan Quang
Nxb. Đà Nẵng, 2005.

- Nhân vật lịch sử & Sự kiện lịch sử
Lời giới thiệu: PGS.TS. Chương Thâu
Nxb. Văn hóa Sài Gòn, 2007.

- Trên những nẻo đường
Lời giới thiệu: NSH. Nguyễn Khắc Thuần
Nxb. Văn hóa Sài Gòn, 2009.

- Hướng về Thăng Long - Hà Nội
Lời giới thiệu: GS. Đinh Xuân Lâm
Nxb. Văn hóa Sài Gòn, 2010.

- Niềm tin và sức mạnh
Lời tựa: PGS.TS. Trương Thị Hiền
Lời giới thiệu: NSH. Dương Trung Quốc
Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2015.

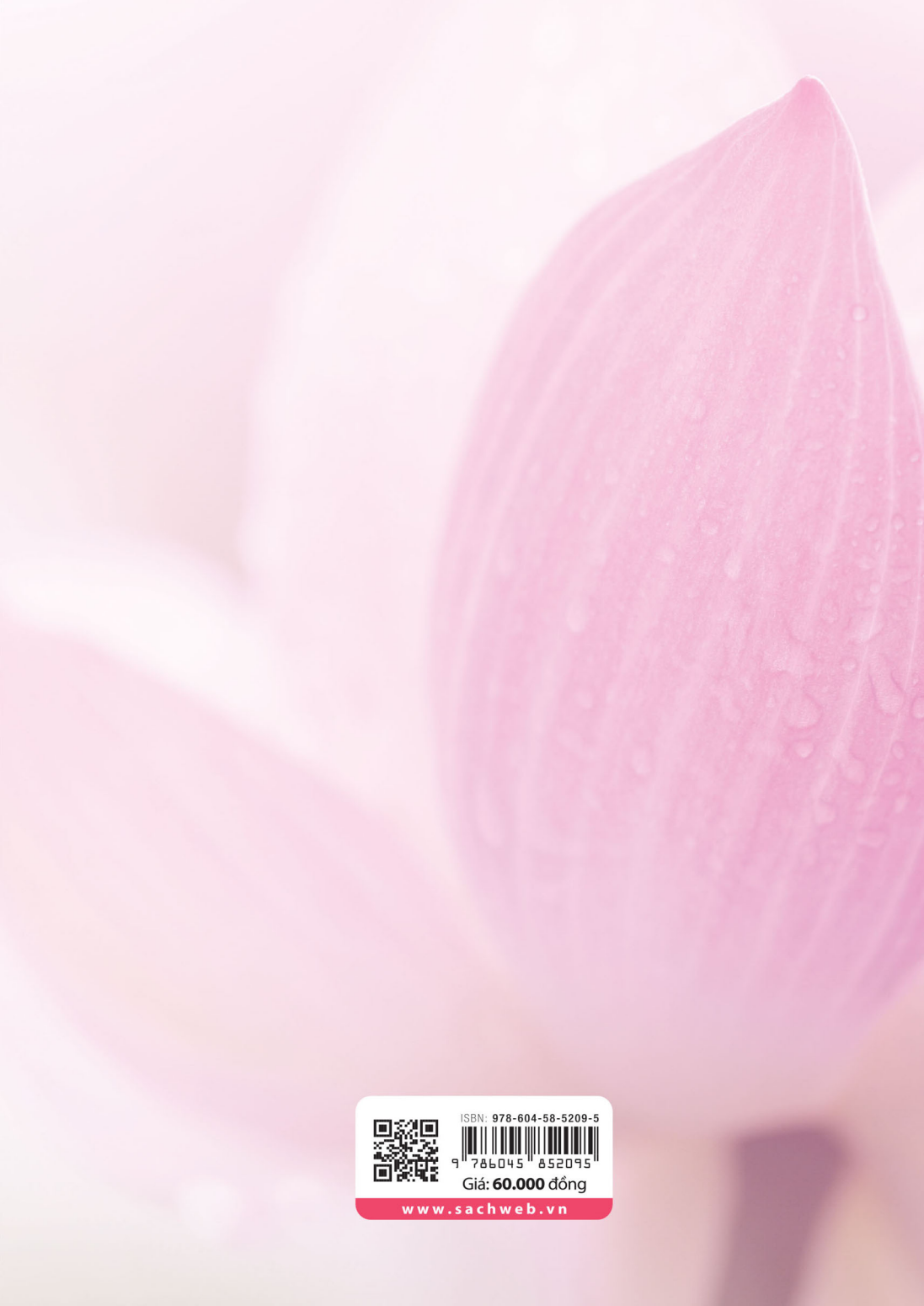

ISBN: 978-604-58-5209-5
9 786045 852095
Giá: 60.000 đồng
www.sachweb.vn